

XÁC ĐỊNH



DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT Từ NẠN

1

XÁC ĐỊNH

* Diễn đàn phản ánh tâm tình, hoài bão và đặt vấn đề về vai trò và trách nhiệm của thanh niên sinh viên Việt Nam tại hải ngoại đối với công cuộc Cứu Nước và Dựng Nước.

* Mỗi trường trao đổi kiến thức, quan điểm và kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến học vấn, ngành nghề và đời sống; cũng như tạo mối liên hệ cảm thông giữa các thanh niên sinh viên Việt Nam tại hải ngoại.

Trong tinh thần ấy, ngoài việc đáp ứng những nhu cầu thực tế trong sinh hoạt thường nhật của đời sống thanh niên sinh viên; trên lập trường Dân tộc không Cộng Sản, XÁC ĐỊNH chủ trương xây dựng một nền văn nghệ trẻ khai phong, hướng thượng, một cộng đồng người Việt tại hải ngoại lành mạnh và đoàn kết. Do đó XÁC ĐỊNH xác quyết:

— không phổ biến những lập luận phương hại đến công cuộc đấu tranh chung của dân tộc.

— không phổ biến văn hóa ủy mị ru ngủ tinh thần đấu tranh và ý thức trách nhiệm của người thanh niên sinh viên Việt Nam tại hải ngoại.



PHẦN NHÂN LOẠI

24. Cách Nhìn Sử Ở Tây Phương	<i>Nguyễn X. Nguyễn</i>	102
25. Tính Phần Khoa Học Của Chủ Nghĩa Cộng Sản	<i>Nguyễn Đ. Thắng</i>	110
26. Đệ Tam Thế Chiến Có Thể Xảy Ra Ở Đâu?	<i>Lý Xuân Mộc</i>	117
27. Những Bước Luận Lý Trong Chính Trị Học	<i>Nguyễn Xuân Mai</i>	119
28. Tìm Hiểu Khoa Học	<i>Nguyễn Thái Hòa</i> <i>Nguyễn Phong</i>	128
PHỤ BẢN PHẦN TIN TỨC		
29. Thời Sự Thế Giới Tóm Lược	<i>Lý Văn Anh</i>	134
30. Tin Cộng Đồng, Thanh Niên Sinh Viên	<i>Bùi Vũ Trang</i>	143
31. Thư Tín Vã Nhấn Tin	<i>Xuân Việt</i>	149

CHỦ BIÊN: *Nguyễn Đình Thắng*,
THƯ KÝ : *Nguyễn Xuân Nguyên*
KỸ THUẬT: *Bùi Hữu Anh, Võ Tuấn*
PHÁT HÀNH: *Nguyễn Phong*

THƯ TỪ Ý KIẾN XIN GỬI VỀ
XÁC ĐỊNH
P.O. BOX 4087
ARL., VA. 22204

Lá thư XÁC ĐỊNH

"30/4/75 - 30/4/83"

Vì một hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử mà khiến cho hơn một triệu người Việt, trong 8 năm qua, đã phải rời khỏi nước đến sống tỵ nạn tại nhiều quốc gia trong thế giới tự do, thanh-niên-sinh-viên chiếm một khối lượng rất đông đảo trong số một triệu người ấy. Vì thế, vai trò của người thanh-niên-sinh-viên Việt tỵ nạn phải được đặt ra; Nghĩa vụ của người thanh-niên-sinh-viên chúng ta phải được đề cập đến.

Thoát thai tử lộng Dân tộc, hấp thụ nền văn hóa và văn hiến lâu đời của Tổ tiên, thừa hưởng các công nghiệp Giữ Nước và Dựng Nước của tiền nhân, thế hệ thanh-niên-sinh-viên Việt ngày hôm nay phải tự-Ý-Thức rằng chúng ta là một trong những bộ phận chủ-lực gắn bó, không thể bị hoặc tự tách rời ra khỏi dòng sinh mệnh của Tổ-Quốc. Thế hệ thanh-niên-sinh-viên Việt – dù ở trong nước hay ngoài nước – phải tiếp nối các gương sáng của những người trẻ từng đứng lên làm lịch sử: Phù Đổng Thiên Vương, Đinh Bộ Lĩnh, Trần Quốc Toản, Lý Đông A, Nguyễn Thái Học, Trường Tử Anh, Huỳnh Phú Sổ... Chúng ta phải tự-Xác-Định về vai trò và Nghĩa vụ của ta trước công cuộc đấu tranh cách mạng Cứu Nước mất-còn này của Tổ-Quốc và lịch sử Việt.

Hơn bao giờ hết, tầng lớp thanh-niên-sinh-viên Việt ở ngoài nước đang và sẽ trở thành một nguồn hy vọng vô cùng lớn lao – nếu không muốn nói là cuối cùng – của Dân tộc trước cơn Quốc biến hiện nay. Trong nước, đất nước trầm luân, con người bị kềm kẹp, nhân dân ta thảm; ngoài nước, nhân tâm và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc đang bị phân tán và khủng hoảng. Trước bối cảnh ấy, hình ảnh người thanh-niên-sinh-viên Việt ở ngoài nước đang trở nên nổi bật đầy ý nghĩa.

Ngày 30/4/75 đang trở về trong tâm tư của mỗi một người Việt trong và ngoài nước, già cũng như trẻ. Biến cố 30/4/75 tuy đã là một biến cố đầy tủi nhục và đau thương, biến cố ấy tuy ghi lại một vết nhơ

Thư Ngỏ

*Kính thưa quý vị thức giả,
Thưa các anh chị Thanh niên, Sinh viên,*

Trong tình hình sinh hoạt hiện nay của giới Thanh niên, Sinh viên, một diễn đàn chung để phản ánh tâm tình, thảo luận và hòa hảo của lớp người trẻ Việt tại hải ngoại là một nhu cầu cấp thiết.

Tám năm qua, từ sau ngày đất nước chúng ta hoàn toàn rơi vào xích xiềng cộng sản, lần lượt nhiều sinh hoạt của Thanh niên Sinh viên ở hải ngoại đã được thành lập. Nhưng cho đến nay, các sinh hoạt đó vẫn rời rạc thiếu liên tục vì nhiều lý do.

Thực tế sinh hoạt trong đời sống ở xứ này đã làm cho lớp Thanh niên Sinh viên bị cuốn hút khiến cho tuổi trẻ thiếu đi những tác động nuôi dưỡng tâm tình đất nước, những hiểu biết và ý thức chân xác về Quốc gia Dân tộc. Hơn nữa, trong số sinh viên theo học tại các Đại học, vì đã sang Hoa Kỳ từ thuở niên thiếu nên chịu ảnh hưởng nặng nề của nền giáo dục Hoa Kỳ, cũng là một hiện tượng ngày càng đáng lưu tâm. Các bạn này cần có những liên hệ sinh hoạt để khơi dậy những tình cảm quê hương để từ đó có thể tự đóng góp tích cực cho các hoạt động hướng về và chia sẻ với một tổ quốc Việt đang quần quai khổ đau.

Đứng trước hoàn cảnh như vậy và ý thức được những nhu cầu ấy, chúng tôi, một nhóm Thanh niên, Sinh viên quyết tâm thực hiện một tờ báo cố gắng tạo dựng một mối giây liên lạc cho giới Thanh niên Sinh viên Việt Nam tại hải ngoại. Tờ báo mang tên XÁC ĐỊNH xuất bản định kỳ ba tháng một lần và phát hành rộng rãi tại các quốc gia nơi có người Việt đang cư ngụ.

XÁC ĐỊNH chủ trương xây dựng một tiếng nói chân thực và là một diễn đàn chung phản ánh mọi ý kiến, suy tư và thao thức của lớp người Thanh niên Việt thời đại. XÁC ĐỊNH là môi trường để trao đổi những kiến thức và kinh nghiệm có liên quan đến học vấn, cuộc sống trong cộng đồng Thanh niên, Sinh viên Việt tỵ nạn. XÁC ĐỊNH cũng còn là một diễn đàn văn nghệ khai phóng và hướng thượng để các bạn trẻ có dịp trình bày những sáng tác phát xuất từ sự rung động của tâm hồn mình. Nhưng hơn hết, XÁC ĐỊNH sẽ là nơi mà từng lớp Thanh niên, Sinh viên thảo luận để tự xác định vai trò và trách nhiệm của mình trong dòng vận động Cứu Nước và Dựng Nước của dân tộc hiện nay.

Chúng tôi tha thiết yêu cầu quý vị thức giả và các anh chị Thanh niên, Sinh viên dành cho XÁC ĐỊNH mọi sự hưởng ứng, nâng đỡ và cộng tác chân tình.

Chúng tôi tự xét số ra mắt sẽ còn nhiều khuyết điểm rất mong quý vị và các bạn niệm tình tha thứ và chỉ giáo cho.

Xin chân thành cảm ơn quý vị và các bạn.

Tập chí XÁC ĐỊNH

XÁC ĐỊNH CHÂN THÀNH CẢM TẠ :

Anh Phan Thái Lương Dũng

Anh Nguyễn Thái Hòa

Chị Bùi Văn Trang Khanh

Anh Nguyễn Ngọc Phúc

Chị Mai Cẩm Phượng

Chị Nguyễn Xuân Mai Phương

Chị Trương Ngọc Sương

Chị Trương Ngọc Thảo

Anh Nguyễn Hà Phi Thạch

Anh Nguyễn Thành Công

Anh Lương Thiên Năng

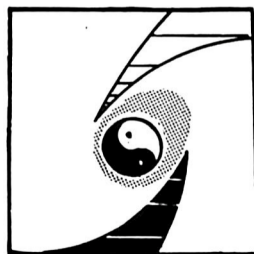
Anh Đoàn Võ Tuấn Hùng

Chị Ngô Nguyễn Phượng Các

*Đã cộng tác nhiệt tình để Xác Định số ra mắt được hoàn
tất đúng kỳ hạn.*

Đặt Vấn Đề: Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam ■ Trần Lam Giang
Phỏng Vấn: Hai Giờ Với Học Giả Hoàng Văn Chí ■ Vũ Tuệ
Thi Diệp Nguyễn Du ■ Tưởng Vũ Anh Thy

⊕ **PHẦN DÂN TỘC**



NGUỒN GỐC VĂN HÓA VIỆT NAM

Vấn đề đặt ra như hàm chứa một cái gì củ kỹ, nếu không muốn nói là hủ lậu. Vả lại, đó cũng là một vấn đề đã được nhiều nhà biên khảo mổ xẻ, dựa trên khoa học khảo địnhmột cách vội vàng hoặc dựa trên huyền hoặc mông lung. Do đó, khiến người đọc có cảm giác uế oải, thiếu tích cực khi đối diện với vấn đề.

Đem huyền hoặc, ma thoại vào văn hóa là đã cố ý làm mất niềm tin tưởng vào giá trị văn hóa.

Đem biện từ luận lý thuần lý vào văn hóa là đã giảm lược văn hóa, một giá trị thực hữu được xây dựng bằng tình và lý và đưa tới chỉ thể hiện.

Văn hóa là một công trình sống nhân bản. Công trình này có giá trị như một dòng sinh lực nối liền các thế hệ quá khứ, hiện tại và tương lai.

Văn hóa của một dân tộc nếu phát huy nhân tính, thể hiện điều hòa nhân tính thì dân tộc sinh tồn vững mạnh. Dĩ nhiên yếu tính nhân bản thì thuần nhất, nhưng mỗi sắc tộc đều có nét độc đáo riêng tạo thành bản lĩnh cá tính.

Dân tộc Việt-Nam ta, với một nền văn hóa nhân-bản đã có giá trị bảo chứng qua nhiều phong ba. Nền văn hóa ấy là công trình sáng tạo của người Việt hay chỉ là một nền văn hóa vay mượn, nương tựa hay học lỏm của người? Đó là vấn đề chúng tôi muốn xác định trong phạm vi của bài này.

Nói như thế có nghĩa là ở đây, mục đích chính của chúng tôi chỉ là minh xác tác giả đích thực của văn hóa Việt Nam.

Lịch sử Việt Nam, dù truyền khẩu hay thành văn cũng đều xác nhận hành động tàn phá văn hóa Việt do người thực dân xâm lăng Trung Hoa tạo ra: đập phá đền đài bi chú, đốt sách, tịch thu sách quý đem về Tàu. Lại đòi cống nho, y, lý, số cũng các nghệ sỹ điêu khắc

v.v... Đã vậy, còn có những giai đoạn, trong lúc bạo lực đặc thời, thực dân Tàu cấm người Việt đi học, đi thi. Những hành động ấy không ngoài mục đích nhằm xóa bỏ văn hóa Việt. Hành động ấy còn được thể hiện một cách triệt để khi họ bắt người Việt phải mặc theo y phục, sống theo tập quán Tàu. Hiển nhiên bạo lực thất bại trước tình người. Hành động thực dân văn hóa đã vô hiệu trước sức sống của người Việt Nam vì Việt Nam đã có sẵn một vốn liếng văn hóa lớn lao và bền vững, như Nguyễn Trãi đã viết: "... Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà, cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác ..."

Dù cho sách bị đốt và tịch thu, bị chú bị đập phá, đèn đài bị thiêu rụi cũng không xóa bỏ được văn hóa truyền thống Việt Nam trong cuộc sinh tồn cường kiện của dân tộc Việt. Kể thực dân có dùng những mưu kế tinh xảo quỷ quyệt cũng không ngăn chặn được sức luân lưu mãnh liệt và liên tục của văn hóa Việt trong tim óc người Việt từ thế hệ này đến thế hệ khác.

VONG NGOẠI VÀ ĐỐI KHÁNG:

Một số nhà biên khảo, hấp thụ văn học Tây phương một cách vội vã và sơ lược đã có cái nhìn sai lầm về văn hóa Việt Nam. Đại để họ quan niệm rằng Việt Nam không có văn tự và văn học gì hết. Cái vốn-liếng văn học Việt Nam chỉ là một hình thức vay mượn thu nhặt của người Tàu. Theo họ, khi bị Tàu đô hộ, Việt Nam may mắn nhờ những luồng-lại như Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp thưởng dân bản xứ, khai quang dân trí, gieo rắc văn minh bằng cách dạy cho có văn tự, biết lễ nghĩa, biết cấy cấy.

Thật là một công trình xuyên tạc văn hóa và cái công trình này đã là một trở lực cho công cuộc bảo chủng của người Việt không phải là nhỏ: nó đã tạo ra lớp người khoa bảng khiếm khuyết, mặc cảm tự ti và luôn luôn nhìn ngoại nhân một cách kinh hoàng thán phục, nhìn đồng bào một cách khinh khi.

Ngược lại, đa số nhân dân Việt Nam ý thức giá trị bảo chủng của văn hóa. Để đối phó với hiểm họa đồng hóa, dân tộc Việt đã thông minh xây dựng nền văn chương truyền khẩu để đời đời nhắc nhở lẫn nhau rằng: "Nước ta là một nước có nền văn hiến do chính dân tộc Việt Nam sáng tạo; phong tục, tập quán giữa Việt và Hoa dị biệt." Những chuyện cổ tích đời Hùng nhằm nhắc nhở với nhau rằng: từ đời Hùng — thời đại ta chưa hề bị Tàu xâm lăng — ta đã có một nền văn hóa nhân bản chan chứa thẩm mỹ, triết lý và nhân luân.

Đĩ nhiên, khi gọi là cổ tích thì bao hàm những nét thần thoại để tô điểm cho câu chuyện thêm về bí huyền. Những nhân vật, những

sự kiện trong cốt tích có thể là thực hữu được thặng hoa, có thể do óc sáng tạo phong phú nhằm gói ghém những giá trị cần được phổ biến, lưu truyền. Dù sao, hiển nhiên có những câu chuyện cốt tích. Cái hiện hữu người kể và người nghe là hiện hữu không thể phủ nhận: kể cho nhau những giá trị đáng chiêm ngưỡng và cần sống theo. Kể cho nhau công trình văn hóa sáng tạo của người mình mà thực dân nhằm tàn phá. Kể cho nhau để cùng nắm tay nhau một cách tự trọng, tự tin giữa hoàn cầu đầy nham hiểm.

Chúng tôi thiết nghĩ không cần phải viết ra đây những cổ tích đối Hùng. Chỉ xin nhắc lại ý nghĩa để cùng nhau suy ngẫm và chia sẻ.

Ý NGHĨA TÍCH TRẦU CAU: Tích này cho thấy luân lý gia đình Việt Nam sáng soi ý nghĩa làm người. Tình huynh đệ, tình phu thê xây nếp đạo thường, có giá trị nhập thể cùng chân lý. Tình ấy tồn tại vĩnh cửu làm vinh tôn giá trị của sứ mạng làm người.

Ý NGHĨA TÍCH BÁNH DÂY – BÁNH CHỪNG : Tích này nhằm nói lên rằng từ đời Hùng về trước, dân tộc Việt đã có nền văn hóa Nông nghiệp: bánh dây và bánh chưng làm bằng gạo.

Bánh dây biểu tượng cho trời, bánh chưng biểu tượng cho đất. Ăn bánh ấy đã nói lên thái độ triết lý của người dân nông nghiệp: những người đội trời đạp đất, sống cùng chính khí vĩ ý thức chân lý của căn khôn ở chính tâm nhân bản. (Sau này Mạnh tử mới tìm đến và hiểu lẽ vạn vật giai bị ư ngã, lý đất trời nơi tâm du cử).

Ý NGHĨA TÍCH PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG: Tích này nói lên cuộc sống tập thể trong xã hội Việt Nam đời Hùng đã đạt mức nhân sinh cao cả. Nơi đó, con người làm điều thiện vì ý thức bản chất của chính mình là thiện. Do đó, làm thiện mang ý nghĩa sống tự thân chứ không tầm thường mong được gặp lành.

Hành động ái quốc của người thiếu nhi làng Phù-Đồng đã nói lên tình đồng bào và nghĩa chống ngoại xâm. Sự kiện trả lại nhưng phục triều đình, ra đi ẩn tích nói lên thái độ lập công không cần hưởng công, một thái độ cao quý hằng có trong tâm hồn những người trượng phu nước Việt.

Tích này cũng nhằm nhắc nhở rằng từ đời Hùng, người Việt đã có lãnh thổ, có biên cương, không sống kiếp lang thang du mục.

Ý NGHĨA TÍCH AN TIÊM: Tích này nhằm nói lên ý niệm triết lý trong cuộc nhân sinh của người Việt. Vấn đề con người tự do trước thượng đế hay phận làm người bị định mệnh an bài đã là đề tài được

tranh luận và suy ngẫm từ đời Hùng một cách triệt để. Đồng thời, câu chuyện cũng nhắc nhở rằng từ đời Hùng nước ta đã có nền giao thương với người ngoại quốc.

Ý NGHĨA TÍCH CHỦ ĐỒNG TỬ: Tích này trình bày nếp sống nhân luân của người Việt đời Hùng. Sử tích cho biết thời ấy trọng gia đình kể làm cha biết giữ đạo Tử, kể làm con biết giữ đạo Hiếu làm trọng. Cuộc sống xã hội có lễ nghĩa, trật tự. Con người ý thức giá trị và tôn trọng điều liêm sỉ. Vấn đề hôn nhân được nhìn rất quan trọng, không như lũ man di nhẹ nghĩa vợ chồng.

Ý NGHĨA TÍCH SƠN TÌNH, THỦY TÌNH: Tích này nhằm nói lên tự ngàn xưa người Việt đã sống theo phụ hệ: nhà vua chọn rể và công chúa chỉ lấy một chồng. Nếu là mẫu hệ thì công chúa đã lấy cả hai chàng tài ba đường cung bậc sếp.

Những ý nghĩa hàm chứa trong những tích đời Hùng là bằng chứng cụ thể cho nỗ lực bảo tồn văn hóa nguồn gốc. Thái độ đối kháng của người Việt với thực dân văn hóa cũng được nhìn thấy trong những cổ tích ấy. Truyền khẩu là cách thể lưu truyền của cổ tích từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, những tích nào không hợp với dân tộc tính, dân tộc tình sẽ bị lãng quên. Chỉ những tích nào biểu tượng được tình, ý và chí của dân tộc mới tồn tại vì được tình ấy gắn bó, ý ấy thăng hoa và chí ấy thể hiện.

Ý chí bảo chủng của dân tộc Việt đã thể hiện công trình vĩ đại, chân đứng ý đồ đồng hóa của người Tàu. Dù có bị một ngàn năm Bắc thuộc, người Việt vẫn vững mạnh tinh thần, tự tin vào giá trị Việt Nam. Một phần giá trị gửi trong cổ tích. Một dân tộc có lãnh thổ, xã hội có kỷ cương, văn học xây bằng tình người, đường bảo chủng, lễ hợp quân, lòng ái quốc, tình đồng bào được coi là thiêng liêng; cha biết tử, con biết hiếu, trọng điều liêm sỉ như cổ tích đời Hùng trình bày thì chắc chắn không cần những kẻ thực dân xâm lăng như Tích Quang, Nhâm Diên dấy điều lễ nghĩa.

VIỆT VÀ HÁN TỬ:

Dân Việt Nam ta, từ xưa xa xưa đã phát huy nền văn hóa nông nghiệp ở vùng châu thổ sông Dương Tử. Vùng châu thổ này tên là Hán.

Vùng đất Hán thừa ấy có nhiều sắc tộc sống. Ngôn ngữ dị chủng nên bất đồng. Để có thể giao dịch, cảm thông, họ đã tạo nên một nền văn tự chung.

Vì giá trị cần thiết của nền văn tự ấy nên gọi là chữ Nho. Nho

nghĩa là cần thiết cho con người (gồm chữ nhu là cần thiết và nhân là người).

Vì nền văn tự ấy được làm ra ở vùng đất Hán nên còn gọi là chữ Hán. Chữ Nho hay chữ Hán là một công trình văn hóa của những sắc dân sống vùng châu thổ sông Dương Tử, và chính Việt Nam là một trong những tác giả của nền văn tự ấy. Cái luận điệu người Việt học chữ Hán của người Tàu chỉ là luận điệu của thực dân văn hóa hay của bọn người mất bản lĩnh dân tộc.

Ngược dòng lịch sử, ta thấy từ khi dựng nước, người mình đã có quốc hiệu Xích Quỷ. Quốc hiệu này đã làm cho nhiều nhà biên soạn hay chữ lòng tấm tức vì họ hiểu một cách đơn giản Xích Quỷ là quỷ đỏ! Thực ra, theo nghĩa cổ, xích là màu của lửa, biểu tượng cho lòng nhân, quỷ biểu tượng cho ý chí mình - trí. Xích Quỷ bao hàm ý nghĩa Nhân và Trí.

Đến đời Hùng, quốc hiệu ta là Văn Lang, bao hàm ý nghĩa của thâm mỹ, văn hóa và ý chí cường cố. Triều chính kỷ cương, quan chia văn võ phân minh. Văn gọi là Lạc hầu, võ gọi Lạc tướng, Như vậy, cần gì phải có Tích Quang, Nhâm Diên, Sỹ Nhiếp dạy người mình văn tự! Chính là khi tiến về vùng Hỏa đức thịnh phương Nam, người Việt đã đem theo nền văn hóa Hán mà họ đã góp công sáng tạo.

TÀU VÀ HÁN TỰ:

Từ khi nhà Chu xâm lăng vùng đất Hán, một số Việt tộc hòa đồng với Chu, mất đi bản ngã nguồn gốc và trở thành Tàu ngày nay. Người Tàu còn xưng họ là Hán vì triều đại Hán do Lưu Bang khởi nghiệp đã quản trị Trung Hoa lâu dài.

Lưu Bang xuất thân trong một gia đình vô học, làm anh chị ở bờ sông. Chính Bang cũng vô học và ghét kẻ đi học. Sử Trung Hoa cũng ghi rõ rằng Lưu Bang thường tụ tập những tay vong mạng tập làm nghĩa hiệp. Nhóm này rất ghét văn học nên mỗi khi thấy kẻ đi học đội mũ giải anh là giũt mũ xuống và đánh cho một trận. Khi Bang lên làm vua, lấy tên triều đại là Hán vì đấy nghiệp từ đất Hán. Chỉ có thế thôi, không mang một ý nghĩa gì khác hết. Hán sử có ghi rằng khi Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, có lần triều thần đề nghị phát huy văn học để mở mang dân trí, Bang nổi giận quát lên rằng: "Chính ông mày đây cỡi ngựa, cầm gươm, năm năm làm nên nghiệp đế mà không cần biết một chữ, dân cần gì biết chữ." Sau vì không văn học, kỷ cương triều đình hỗn loạn. Bọn quan văn khuyên giải và Lưu Bang ý thức giá trị của văn học bèn quyết tâm phát huy. Các đời kế tiếp của nhà họ Lưu có đem hạnh phúc cho dân Tàu. Người Tàu nhớ ơn, tự xưng là Hán. Và từ đấy người Tàu dần dần nhân xưng họ là Hán

tộc.

KẾT LUẬN:

Như vậy, nền văn học chữ Nho chẳng phải do người Tàu sáng tạo. Gọi chữ Nho hay chữ Hán là chữ Tàu là một sai lầm, là mắc vào chủ trương của thực dân văn hóa. Nhận định rằng yếu tố nguồn gốc văn hóa rất quan trọng trong công cuộc cứu nước và dựng nước, người anh hùng Phan Bội Châu đã định nghĩa ái quốc như sau:

ĐỊNH NGHĨA ÁI QUỐC

Dòng giống Tiên Rồng, máu da Hoàng Hán
Chôn nhau cắt rốn ở đất nước nhà
Nước là mẹ ta, ta là con nước
Thân con có phước nhờ mẹ lâu dài
Mẹ mất con còn gì thân thể
Cuộc đời dâu bể trời cướp mẹ mình
Quên mẹ sao nên phải thương lấy nước
Song le ái quốc há phải nói không
Ái cốt ở tâm, ái không ở miệng
Những người ái miệng bán tiếng mua danh
Dối người dối mình trộm nhân trộm nghĩa
Ái mà đi thề không ái còn hơn
Hại cả toàn quần thương gì đến nước
Những người ái quốc xin ái thật thà
Quên mình quên nhà chỉ biết có nước
Tùy tài tùy sức lớn nhỏ mặc lòng
Góp giọt thành sông chất hồn nên núi
Nhiều tay xúm lại cơ nghiệp nước mình
Mừng mẹ tái sinh thỏa lòng con ái
Thề cùng sông núi giữ tâm lòng ngay
Ái quốc ái đây thiên vạn ghi tạc

Phan Bội Châu

Câu đầu trong bài này, cụ Phan đã nhấn mạnh ngay đến nguồn gốc văn hóa làm bản lĩnh cho kẻ ái quốc dân thân. Cũng từ bản lĩnh ấy, anh hùng Trần Cao Vân viết “Kinh Độc Lập.”

CẮT TÓC ĐI TU

Phen này cắt tóc đi tu
Đọc Kinh Độc Lập ở chùa Duy Tân
Ngày đêm tụng niệm chuyên cần
Cầu cho ích quốc lợi dân mới là
Tu sao mở trí dân nhà
Tu sao độ được nước ta phú cường
Lòng thành thấp một tuần hưởng
Nam mô Phật Tổ Hồng Bằng chứng minh
Tu hành một dạ đinh ninh
Sớm khuya dăm quản công trình một hai
Chấp tay lạy bốn phương trời
Xin trời phù hộ cho người nước tôi
Lòng tôi mong đứng mong ngồi
Tu sao cho được giống nòi vẻ vang.

Trần Cao Vân

Tưởng hai bài thơ trên cũng đủ nói lên nguồn gốc, ý nghĩa và giá trị của văn hóa Việt. ■

Trần Lam Giang



Hai Giờ Với Học Giả HOÀNG VĂN CHÍ

Lời Toà soạn: Xác Định sẽ ra mắt được hân hạnh phỏng vấn học giả Hoàng văn Chí. Danh tính của nhà học giả họ Hoàng không mấy xa lạ trong giới các nhà nghiên cứu thế giới, đặc biệt trong giới các nhà nghiên cứu về chủ thuyết cộng sản và sự áp dụng của nó tại các quốc gia như Tàu hoặc Bắc Việt Nam trong những thập niên 40, 50, và 60. Nhưng đối với người Việt Nam, đặc biệt giới thanh niên sinh viên, vẫn có nhiều người chưa được biết đến cụ và những công trình nghiên cứu của cụ. (Xin xem phần tiểu sử của cụ Hoàng văn Chí).

Một trong những công trình nghiên cứu nổi tiếng của cụ là quyển “Từ Thực Dân Đến Cộng Sản”, dày ngót 400 trang, hoàn thành vào năm 1964 tại Balé, thủ đô Pháp quốc, và được tái bản liên tiếp trong nhiều năm qua bằng hơn 15 thứ tiếng khác nhau. Quyển sách này đã giúp ích rất nhiều cho các nhà nghiên cứu Âu-Mỹ và một số các nhà lãnh đạo các quốc gia kém mở mang mới thu hồi nền độc lập của quốc gia họ trong khoảng thập niên 50. Nó trở thành như một kim chỉ nam để nhân loại hiểu được một cách rất cụ thể về các bước sách lược của phong trào cộng sản, từ lúc lợi dụng chiêu bài Dân tộc để đánh Độc lập cho đến lúc tiến chiếm chính quyền của một quốc gia. Quyển sách này, cho đến nay, vẫn còn là một tài liệu quý giá cho những ai muốn tìm hiểu về cộng sản.

Trong cuộc phỏng vấn dài gần 2 giờ đồng hồ tại tư gia của cụ Hoàng văn Chí tại một khu vực ngoại ô cách thành phố Hoa Thịnh Đốn gần 30 dặm, nhà học giả họ Hoàng, với mái tóc bạc trắng, đã phát biểu, trong dáng nét đầy suy tư, về quan điểm của cụ trên các vấn đề liên quan đến công cuộc đấu tranh hiện nay của Dân tộc, đến vai trò của người Việt ở hải ngoại liên hệ vào công cuộc đấu tranh này. Và, khi được hỏi về cảm nghĩ của cụ về vai trò của người thanh niên sinh viên Việt ở ngoài nước đối với dòng vận động Cứu Nước và Dựng Nước

cụ Hoàng văn Chí, mặc dầu hơn 70 tuổi, đã say sưa nói với tuổi trẻ Việt ngày hôm nay về những công việc mà người thanh niên cần phải chuần bị, cần phải làm để sao cho Dân tộc sẽ phải có lại một “trang sử vẻ vang như ông cha ta đời Lý, đời Trần...”

Dưới đây là phần ghi lại cuộc phỏng vấn mà học giả Hoàng văn Chí dành cho Xác Định.

XÁC ĐỊNH: “Theo cụ thì cuộc đấu tranh hiện nay của Dân tộc đặt trên căn bản nào? Vai trò người Việt hải ngoại trong tương quan liên hệ với cuộc đấu tranh ấy ra sao?”

CỤ CHÍ: Lối nhìn hiện tại mà đoán tương lai rất khó vì rằng trong hiện tại đang có một số hiện tượng hay là những yếu tố, những chưa chắc rằng trong tương lai những yếu tố hay hiện tượng đó sẽ có thể xảy ra giống như thế. Có thể nó phải mất một khoảng thời gian nữa mới thực sự xảy ra. Nhưng nói chung thì cái gì cũng vậy, có sự bắt đầu thì phải có sự chấm dứt. Chế độ cộng sản xuất hiện cách đây hơn 60 năm. Nó đã phát triển đến cao độ. Nó phải đi xuống.

Trong các nước cộng sản hiện nay trên thế giới thì không có nước nào đang gặp phải sự khó khăn như Cộng sản Việt Nam. Vừa đối lại vừa phải theo đuổi một cuộc chiến tranh ở Miền, Lào. Phía Bắc lại bị đe dọa thường trực bởi Trung Cộng. Như thế, nếu có một nước cộng sản nào phải sụp đổ trước tiên thì nước đó sẽ có thể là Việt Nam.

Tình hình thế giới hiện nay do 3 cường quốc Mỹ, Nga, Tàu quyết định. Nga giúp đỡ Cộng sản Việt, Tàu thì chống Việt Cộng, Mỹ thì bây giờ chưa tỏ một ý muốn dính dáng gì cả; thật ra, sức lực chống Cộng của Mỹ cũng yếu lắm. Thế thì nhìn vào tình hình thế giới như vậy công cuộc đấu tranh của ta sẽ phải như thế nào?

Thứ nhất, Việt Nam cần có một Lê Lợi. Những Lê Lợi sau này cũng như Lê Lợi ngày xưa, người ở bên ngoài nước không làm được. Quá lắm thì ở bên ngoài có thể làm được Nguyễn Trãi là cũng. Ta phải nhớ như thế này, trong khi ở bên ngoài chúng ta đang học được nhiều bài học, kinh nghiệm mới có giá trị cho công cuộc tranh đấu hiện nay thì ở bên nhà, có khi dân chúng đang học được nhiều cái hay hơn ở đây vì họ đang có dịp trực tiếp tiếp xúc với Cộng sản.

Mình tin vào khả năng của dân tộc thì mình cũng phải tin rằng sẽ có một Lê Lợi, một Nguyễn Huệ, trong lòng dân mà ra. Ở ngoài, mình có thể giúp đỡ, hỗ trợ vì mình có điều kiện, có tầm mắt rộng, có hoàn cảnh theo dõi biến chuyển quốc tế. Mình còn có thể giúp

ấy không làm được việc thì mình trách họ nhưng mà trách như thế cũng không hoàn toàn đúng. Máy người ấy có được chuẩn bị, học hỏi gì đâu. Rồi ngoại quốc nó đi tìm người mình thì tìm sao cho ra được. Vấn đề Việt Nam là vấn đề Trồng Người. Trồng người là làm sao để mà có được một thể hệ mới, với đầu óc mới. Mới ở đây có nghĩa là khác với những thể hệ trước đây, và phải biết làm sao lấy lại được những giá trị cổ truyền của ông cha rồi lại phải làm sao cho nước tiến vào cùng thời đại với các nước khác. Như thế, Việt Nam mới có được một tương lai chứ nếu chỉ có lo chống Cộng, xuống đường thì lại đầu vào đấy cả. Có nước rồi thì cai trị thế nào? Ông nào bây giờ cũng nói Dân chủ với Tự do, thế nhưng mà đến khi có chính quyền rồi thì có Dân chủ, Tự do không? Và, Dân chủ, Tự do là cái gì? Đến giới hạn nào?

Ngày xưa có chuyện ông Quán Trọng và vua Tê. Quán Trọng là Tể Tướng của triều đình, gần như chức thủ tướng bây giờ. Mọi việc trong triều Quán Trọng đều quán xuyến hết. Một hôm vua Tê hỏi Quán Trọng làm vua thì phải làm gì? Quán Trọng trả lời: “Vua có một việc rất quan hệ đó là chọn người cho đúng chỗ.” Một hôm khác, vua Tê lại hỏi Quán Trọng nếu muốn làm cho dân no đủ thì phải làm gì? Quán Trọng trả lời: “Vua khuyến khích dân trồng lúa, gạo.” Vua lại hỏi thế nếu muốn làm dân phong phú, sung túc thì làm sao? Trọng trả lời: “Vua khuyến khích dân trồng cây ăn quả, mất độ 10 năm.” Sau cùng, vua Tê hỏi: “nếu muốn làm cho dân giàu nước mạnh thì thế nào?” Trọng trả lời: “Xin Vua Trồng Người. Mất độ 100 năm!” Đây là trường hợp nước Nhật. Tính từ ngày Nhật có cách mạng Minh trị đến ngày Nhật thanh đại cường quốc thì được 100 năm. Những phải nhớ rằng Nhật nó có cái tinh thần làm việc chết thời, đầu óc lại sáng suốt không tin lầm nhảm. Thành thử ra đối với các anh chị thanh niên ngày nay, các anh chị đang có cơ hội để học hỏi, mất độ 6, 8 năm chỉ đó thì có mạnh bằng cử nhân, cao học, hoặc tiến sĩ, những cái học quan trọng nhất vẫn là cái học thành Người. Phải thành Người để mà gây dựng lại ruộng cội của quốc gia. Ta phải có đủ người, người nào làm công việc ấy thì nước mới khôi phục, khỏe mạnh trở lại được.

*

* *

XÁC ĐỊNH: “Là một người sống và nghiên cứu đã lâu năm ở nhiều quốc gia Âu Mỹ xin cụ cho những lời khuyên cụ thể đến với người thanh niên sinh viên Việt trong lúc sống tỵ nạn ở xứ người.”

CỤ CHỈ: Tôi có năm điều muốn đề nghị với các anh chị thanh niên sinh viên:

1. Thanh niên sinh viên Việt Nam cần phấn đấu chống lại sự lệ thuộc của đầu óc vào máy móc.

Duy lý (Rationalism) là một truyền thống lâu đời của Tây phương. Khoa học sở dĩ có được là nhờ dựa trên tinh thần duy lý. Khởi đầu của duy lý là "chủ thuyết hoài nghi" (skepticism). Nhiều người cứ lam tuong cho rằng Cộng sản là duy lý, thực ra, Cộng sản không duy lý. Cộng sản là "vô lý" (Irrational). Vì thế, chủ thuyết Cộng sản không phải là chủ thuyết khoa học. Người Cộng sản cố gán ghép cho chủ thuyết của họ là một chủ thuyết khoa học, đây chỉ là nhằm mục đích tuyên truyền. Marx là một ông thầy tu xuất chỉ học thuần triết học chứ không học khoa học. Marx, bắt đầu từ cái Tâm muốn tìm kiếm một sự thay đổi trong xã hội Anh lúc đang ở khoảng giao thời và có nhiều khủng hoảng, bất công do ảnh hưởng cuộc cách mạng kỹ nghệ tạo ra. Như thế, phải nói là "duy tâm" chứ sao là "duy vật" được. Nói chủ thuyết cộng sản là "duy vật", là "khoa học" là nói láo, nói tuyên truyền.

Chủ thuyết duy lý xuất hiện từ Âu Châu, đặc biệt ở Pháp. Nó được ươm mầm trong thời kỳ "Phục hưng" (Renaissance) vào thế kỷ 16, 17. Thế mà bây giờ Pháp cũng đang mất dần cái đầu óc duy lý của mình. Pháp đang đi dần vào tinh thần "Cầu Chấp Luật Lệ" (doctrinarism).

Mỹ trước đây độ 100 năm có tinh thần duy lý nhưng bây giờ thì hết rồi. Mỹ bây giờ tin vào "chủ thuyết được việc" (Pragmatism) Đòi cho có vấn đề (problems) rồi mới tìm cách giải quyết (problems solving). Vì thế, chỉ giải quyết bằng ngon mà không tẩn gốc rễ, tức là cái căn nguyên của vấn đề. Từ chủ thuyết được việc để ra một thủ triết lý giáo dục gọi "Giáo dục Tiến bộ" (Progressive Education). Triết lý giáo dục này nhằm vào mục đích dạy cho người thanh niên Mỹ các khả năng chuyên môn (skills) để kiếm sống và đóng góp vào nền công nghệ của Mỹ. Cách giáo dục này giống như ta dạy cho một đứa trẻ tập đi xe đạp hoặc học bơi. Đầu óc thanh niên Mỹ vì thế đâm lười. Không dùng đến lý trí, không chịu khó suy tư nữa. Càng lâu thì đầu óc trở nên thiếu cỏi mớ, chuộng kỹ thuật.

2. Thanh niên Việt cần có một đầu óc mồi cỏi mớ, không giáo điều:

Thanh niên Việt sang Hoa Kỳ và các nước khác chắc chắn phải học những tiến bộ của họ. Tuy ở Hoa Kỳ tinh thần duy lý đã chấm dứt nhưng Hoa Kỳ hiện cũng vẫn còn là một nước đứng đầu nhiều tiến bộ kỹ thuật và khoa học trên thế giới. Thanh niên Việt cần noi

theo cái gương của thanh niên Nhật dưới thời Minh trị. Chính phủ Nhật đã sớm ý thức việc phải học cái tiến bộ kỹ thuật của Âu Mỹ nên đã khuyến khích thanh niên của họ đi ra các nước ngoài để học cái hay cái giỏi của ngoại quốc. Họ đã hoàn tất việc xây dựng lại Nhật trong vòng 100 năm. Khi đi ra nước ngoài, thanh niên Nhật nhờ vào tinh thần cách mạng, cởi mở, không giáo điều, đã thực sự làm họ mở mang được đầu óc. So với thời này, thanh niên Iran (trước thời Khomeini) tuy cũng đã được chính phủ họ gửi đi ra nước ngoài học hỏi, lại được tiền trợ cấp của chính phủ họ dồi dào, nhưng không tiến bộ vì đầu óc chật hẹp và mắc bệnh "Giáo điều" (dogmatic).

Thanh niên Việt ngày nay cũng phải nhớ rằng đầu óc của ta cũng đã hỏng rồi từ mấy thế hệ trước đây. Nước ta bị gần 1,000 năm Tống-Nho. Đầu óc ta một chiều. Nghĩa là ta tin sách và tin Thánh. Đến khi có trào lưu học thuyết công sản thì cũng vì thế mà nhiều thanh niên, trí thức ừa vào tin sách và tin thánh cộng sản. Xét trong các nước trong Á Châu thì có Việt Nam và Tàu bị mắc bệnh này. Nhật thì không, vì họ có tinh thần Tam giáo, sau khi tiếp xúc với Tây phương thì có thêm Hoa-giáo. Nhờ vậy Nhật có đầu óc duy lý, không tin sách tin thánh bừa bãi. Họ biết lý luận, không u mê, không nhắm mắt tin cần.

Thế hệ mới của thanh niên Việt Nam cần phải sáng suốt. Đầu óc phải cách mạng, cởi mở. Muốn thế phải chịu khó suy tư. Rất tiếc các anh cũng khó có thể học được các điều này ở trường học Mỹ. Xã hội Mỹ bây giờ máy móc quá nên con người và đầu óc cũng đâm ra máy móc. Ngày xưa có chuyện thầy Tử cống đang đi dạo ở một vùng quê thấy có một ông cụ già đang lom khom tưới cây ở đám ruộng bên đường. Ông cụ cầm một cái gàu nhỏ múc nước từ một cái giếng để tưới vào từng gốc cây. Cây thì nhiều và ruộng thì lớn quá. Lấy làm lạ, Tử cống đến bên ông cụ và hỏi: "Này cụ, trông cụ làm việc vất vả quá mà bao giờ thì tưới hết ruộng này? Cụ không biết rằng bây giờ người ta có cái guồng đập nước, chỉ cần đập vài công giờ là xong việc. Nhanh lắm, đỡ tốn thì giờ." Ông cụ trả lời: "Ồ, tôi có lạ gì cái máy đó, tôi không muốn dùng nó!" Tử cống ngạc nhiên hỏi: "Sao không dùng?" Ông cụ đáp: "Hữu cơ sự tất hữu cơ tâm!" (có nghĩa là nếu anh dùng máy móc thì cái đầu anh thành máy móc). Đó là cái tinh thần ngày nay của Mỹ. Cả nước Mỹ chỉ cần vài anh suy nghĩ, sáng tạo. Đám đông còn lại thừa hưởng các sản phẩm đó. Đầu óc không cần suy nghĩ vì mọi thứ trong cái xã hội này đều sẵn sàng. Đầu óc không quen suy nghĩ sẽ trở nên giản dị, đơn sơ. Do thế con người sẽ đâm ra không muốn lý luận tìm tòi.

3. Thanh niên Việt cần gìn giữ tính Tinh khôn của Dân tộc.

Người A Đông nói chung, người Việt ta nói riêng, đến từ những xã hội mà mọi thủ tiện nghi đều thiếu cả. Đấu óc vì thế hẳn còn chịu khó tìm tòi, suy nghĩ khiến cho nó trở nên tinh tế, bén nhạy, và tinh khôn. Về khía cạnh tinh khôn thì ta khôn hơn cả Tàu mặc dù Tây phương thường phục Tàu sát đất vì sự tinh khôn của họ. Ta chẳng những đã không phục Tàu mà lại còn chê Tàu nữa. Nếu không thế thì làm gì lại có câu "mặt cú nghệt ra trong như chúa Tàu nghe kèn," câu này dùng để chế giễu anh nào mặt mũi trông có vẻ ngờ nghệch. Sang đây, người Việt Nam, nhất là các anh chị thanh niên, phải thường xuyên tranh đấu để giữ lấy cái tinh khôn, sắc sảo đó của Dân tộc.

Tôi nghĩ anh chị em thanh niên cần phải phát động ra một Phong trào gây nên cái ý thức trong cộng đồng người Việt tỵ nạn ở khắp nơi là làm thế nào để trong khi ta đang học cái hay của người mà vẫn giữ được nét tinh khôn riêng của dân mình. Như thế có hai cái lợi. Một là làm phong phú và giàu có thêm cái kiến thức, cái kinh nghiệm của ta. Hai là chính nhờ thế mà ta có thể tồn tại và phát triển được ở nơi xứ người. Hãy nhìn đến cái gương của các giống dân thiểu số khác như Tàu, Do Thái, Nhật ở nước Mỹ. Họ cũng vẫn sinh sống ở đây hàng mấy thế hệ thế mà họ vẫn khác Mỹ, vẫn giữ được nét tinh anh riêng của dân tộc họ.

Trong hoàn cảnh lưu vong hiện nay, theo kinh nghiệm của các đám dân lưu vong khác, ta thấy trước sau gì rồi người Việt tỵ nạn cũng bị dòn vào thế phải đoàn kết với nhau. Người Do Thái khi mới đến lập nghiệp xứ này cũng đánh đám dành giết lẫn nhau. Sau bị dòn vào cái thế phải đoàn kết để tự tồn, thế rồi nung vào đấy mà đám ra phát triển, giàu có, và trở thành có uy thế chính trị nữa. Người Tàu cũng thế. Nhật cũng thế. Họ đã đoàn kết, đã tin tưởng nhau cho nên đã giúp đỡ lẫn nhau để sống sót, chẳng những thế lại còn nắm được các huyết mạch kinh tế tài chính của nước người. Ta phải sớm học cái kinh nghiệm đó của họ càng sớm càng tốt nếu không nguy hại lắm.

4. Phải gây dựng lại truyền thống chữ Tín:

Dưới thời Pháp thuộc, Pháp nó không dạy mình làm Người. Ngày xưa, các cụ nhà Nho có, tuy họ có nhiều cái sai, cái cố chấp nhưng về phương diện đạo đức thì các cụ vẫn nêu được một cái gương sáng. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín các cụ vẫn giữ đủ. Các giá trị ấy mất dần ở các thế hệ gần đây. Nhân còn rất ít, bất nhân rất nhiều. Nghĩa, là cái biết về nghĩa vụ của mình với gia đình, tổ quốc và xã hội; nghĩa mất nhiều trong xã hội Việt Nam cận đại. Lễ, so với các dân tộc khác thì ta còn nhiều. Trí, còn nhiều. Tín, gần như mất hẳn, không ai tin ai hết. Tôi muốn đề cập thêm về sự mất mát của chữ tín trong con

người Việt Nam trong thời gian vừa qua và bây giờ, nhất là sự cần thiết của chữ tín trong đời sống của cộng đồng người Việt ở ngoài nước.

Hiện bây giờ có nhiều tổ chức cứ hờ hào phải bảo tồn văn hóa Việt Nam. Nói như thế hình như cho rằng tất cả những cái giá trị cổ truyền đó vẫn còn nên bây giờ phải làm sao để giữ cho nó khỏi mất. Tôi thấy không những ta phải bảo vệ những gì ta còn mà còn phải khôi phục, gây lại những gì tốt đẹp mà ta đã mất rồi. Thí dụ như, ta vẫn hành diện là con cháu Trần Hưng Đạo, rồi lấy cái sự vẻ vang của đời Lý đời Trần mà tuyên dương. Hãy tự hỏi nếu đời Trần có tinh thần Hội Nghị Diên Hồng thì tại sao năm 1975, trước khi bỏ chạy, ta không có được một Hội Nghị Diên Hồng? Như thế, trong thực tế ta đã mất cái tinh thần Diên Hồng của Dân tộc rồi. Bây giờ muốn có cái tinh thần Diên Hồng ấy thì phải lập lại chứ có còn đâu để mà bảo vệ. Máy thế hệ vừa qua đã mất cái tinh thần ấy rồi. Cho nên thế hệ các anh phải làm lại.

Nếu anh em dự định làm báo, làm diễn đàn thanh niên sinh viên thì cái vấn đề cứu vãn những giá trị đạo đức, những truyền thống tốt đẹp của Tổ tiên phải là việc làm cấp thiết. Thế hệ các anh và tương lai phải có lại những trang sử vẻ vang như ông cha ta đời Lý, Trần. Hãy bắt đầu bằng việc gây dựng lại chữ Tín, vì nếu không làm lại được thì đừng nói gì đến công việc giải phóng đất nước hay cứu giúp được dân tộc. Cứ nói về hiện trạng của chúng ta ở đây thì hiện thời ta đang thua kém người Tàu, Nhật, Cao ly, mà cả Phi Luật Tân nữa. Vấn đề nằm ở tại chỗ không ai tin nhau hết. Không tin nhau mà kêu gọi đoàn kết thế nào được. Tây nó đã phá cái tinh thần tin nhau – tức là cái căn bản của sự đoàn kết – của Dân tộc. Tôi còn nhớ sau các vụ cách mạng năm 1930 chớ nào Tây nó cũng gài lính kín, mật vụ để làm người ta sợ hãi, ngổ vức, rồi sinh ra tổ giặc lẫn nhau. Kể từ lúc đó ta mất chữ tín trong xã hội Việt Nam. Cái đó nhất định phải lập lại. Những người lớn tuổi trong thế hệ chúng tôi hoặc dưới một chút đã mất cái truyền thống chữ tín rồi thì không thể nào bảo họ phải trở lại tin nhau được. Tôi tin rằng chỉ có lớp thanh niên bây giờ mới có thể làm lại được vì anh em chưa có nhiều quyền lợi bị đụng chạm. Hãy phát động một phong trào rộng rãi để gây dựng lại chữ tín ở trong tầng lớp anh em trẻ. Hãy hy sinh và kiên nhẫn. Việc làm này mất thời gian và không giản dị những các anh thanh niên phải làm.

5. Hãy gây ý thức về sự khôi phục lại một nền Quốc học:

Đã từ lâu dân tộc bị mất đi cái nền Quốc học của mình. Bắt đầu từ khi nhà Minh bên Tàu nó sang, Bao nhiêu sách vở, sáng tác của dân tộc nhất là dưới đời nhà Trần, bọn Tàu phan phá hủy, phần vở vết

mang về Bắc kinh hết. Rồi nó mang sách nó sang bắt sĩ phu của mình học. Lâu dần thành thói quen, các sĩ tử đi thi chỉ học toàn sách Tàu, Nền Quốc học của ta vì thế mất dần. Tệ nhất là đến đời nhà Nguyễn rồi tới đời Pháp, Pháp nó muốn dạy mình cái gì thì dạy, mình không có quyền chi cả.

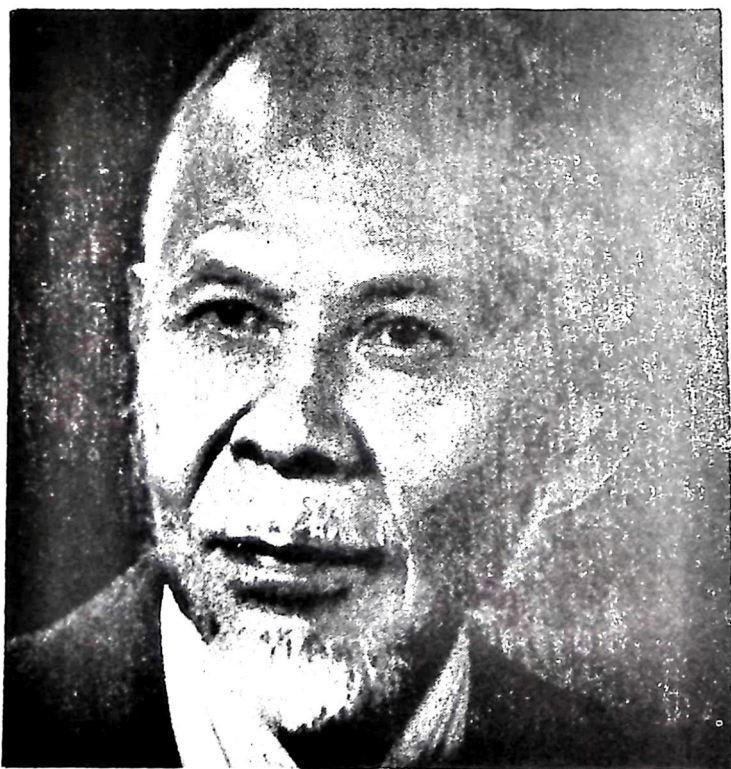
Các thế hệ trước lại ít chú trọng đến việc đào tạo các nhà học giả, các chuyên viên nghiên cứu. Trong Nam có một vài vị nhưng công việc thì đa đoan quá, sức người có hạn thành thử cũng chưa đến đâu. Ngoài Bắc thì có đặt vấn đề nghiên cứu những mã nội dung thì bị vụn vẹo hết cả, cái gì cũng phải lái sang chủ nghĩa Marxist. Nói tóm lại, lãnh vực nghiên cứu hầy còn là một chỗ trống rất lớn. Các thế hệ sau này phải làm, phải kiên tâm mà làm. Phải có đồng người và chia nhau ra mà làm lại, làm gần như từ đầu.

Mình có nước có dân thì mới thực sự có Quốc học được. Thế nhưng ở đây thì mình cũng cần vạch ra một chương trình tổng quát, cứ coi như mình đang có nước, mình dạy dỗ lẫn nhau.

Phải có thái độ thành khẩn ở đây mới được, Không tự ái, không câu chấp. Thế rồi những người có chút khả năng, chút hiểu biết phải làm cái công việc nghiên cứu, tìm hiểu. Các công trình ấy phải được phổ biến và truyền bá giữa những người Việt trong cộng đồng.

Thêm một vấn nạn nữa cho mình là các sách cũ viết sai nhiều quá. Các cụ ngày xưa đã nói: "Ôn cổ tri tân", nghĩa là học lại cái cũ để biết được cái mới. Nhưng mà nhiều sách viết sai quá thành ra có học lại cũng loay hoay. Chẳng lẽ học mấy cái sai chẳng? Bấy giờ các anh cứ giở một quyển sách triết học Đông phương, bất cứ của ai, bất cứ viết bằng tiếng Việt, Tàu, hay tiếng Anh, các anh đọc và ngắt ra nhiều câu thì thấy ngay cái sai. Sai là vì do tam sao thất bổn, tức là khi người chép lại chép không đúng, không đủ, hoặc cũng có khi là ngộ tạo nữa. Trước đây Tàu nó đình lâm lại công việc xét định lại cái sai cái đúng của sách nó, gọi là huấn hốt. Người đình lâm công việc ấy là ông Hồ Thích nhưng chưa làm được bao nhiêu thì nước Tàu bị chiến tranh, sau khi ông ta chết thì công việc đều bỏ dở. Sách của mình về Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo cũng có nhiều cái sai trầm trọng. Vì thế, các thế hệ tương lai phải học lại, nghiên cứu lại tận gốc thì mới tìm được sự thật của nó. Mà khi ra được sự thật rồi, tức là nắm được cái cốt tủy của nó, thì vấn đề chẳng còn gì là bí hiểm nữa. Có người than Đạo Đức Kinh học bí hiểm quá. Sự thật đâu có phải vậy, tại chép sai, giải thích sai thành ra nó bí hiểm; và cái anh làm công việc giải thích sai cứ tưởng là mình đang làm đúng.

Còn nhiều cái nữa mà ta phải học lại vì cái học là học tất cả. Tư tưởng là một bộ môn của văn hóa. Văn hóa là sự vay mượn lẫn của nhau. Chẳng có một dân tộc nào tự sản sinh ra cái văn hóa cả. Chỉ có anh Tàu ví dụ cho mình là cái rốn của vũ trụ nên nói phét cho rằng văn hóa Á Đông là sản phẩm thuần túy của Trung Quốc. Nên văn hóa của ta là sự vay mượn, sự tổng hợp của nhiều nền văn hóa khác nhau như của Tàu, Ấn, của Mã Lai... cho nên cái học văn hóa là cái học văn hóa toàn diện của nhân loại. Học như thế để theo dõi được sự tiến hóa và sự trao đổi văn hóa của nhân loại. Thí dụ, bây giờ, sử gia ngày sau nếu không biết rằng có chuyện người Việt mình di cư sang Mỹ thì làm sao lại có thể giải thích về vài đặc điểm trong đời sống Mỹ có phần giống người Việt Nam được. Mỗi lần di dân như thế trong



HỌC GIẢ HOÀNG VĂN CHÍ

lịch sử loài người thì con người mang theo văn hóa của mình. Đến một nơi nào đó, con người lại trao đổi, pha trộn với cái văn hóa ở địa phương mà họ đứng chân. Do đó, khi học về văn hóa không thể là một sự học về thứ văn hóa đóng khung. Càng học được nhiều nền văn hóa càng tốt, càng mở mang hiểu biết.

Cái mà tôi khuyên các anh chị thanh niên, nêu cho phép tôi khuyên anh chị em, khi học ở đại học để kiếm một cái nghề sinh sống với mảnh bưng Cao học hay Tiến sĩ chỉ đó thì cũng nên chịu khó theo dõi những phát minh mới của khoa học. Tôi biết thì giờ rất eo hẹp nhưng không làm thế không được, nếu các anh chị còn muốn trong tương lai đóng góp cho đất nước, dân tộc. Một điều nữa tôi muốn nhấn mạnh là khi học hỏi phải học hỏi bằng một đầu óc mới cối mó, tươi mát.

*

* *

XÁC ĐỊNH: “Xin cụ cho lời phát biểu chót để đúc kết phần phỏng vấn mà cụ dành cho Xác Định nói riêng, và anh chị em thanh niên sinh viên Việt Nam ở hải ngoại nói chung.”

CỤ CHÍ: Theo Phật giáo Việt Nam thì Phật giáo có thuyết luân hồi, nghĩa là khi một người sắp chết thì linh hồn của người ấy vượt ra khỏi xác để nhập vào một thể xác một đứa trẻ sơ sinh. Tôi xin nói rằng đây là thuyết luân hồi của Ấn-độ-giáo, được Kỳ-na-giáo chấp nhận nhưng Phật Thích Ca lại không đồng quan điểm. Theo Đức Phật, Phật ví con người như cái đèn dầu và linh hồn như ngọn đèn. Khi người chết thì linh hồn cũng biến mất không khác gì ngọn lửa biến đi khi đèn hết dầu. Theo Đức Phật thì chỉ có truyền kiếp chứ không có luân hồi. Có nghĩa là bố mẹ sinh ra con cái thì truyền cho chúng “cái sống của mình”. Nó cũng có thể được hình dung như ta dùng một ngọn đèn đường cháy để châm sáng một ngọn đèn khác. Hiểu một nghĩa rộng thì truyền kiếp còn là sự truyền cả cái kiên thức, kinh nghiệm từ đời này sang đời khác. Vì thế cho nên văn hóa nhân loại nó bất diệt. Đó là ý nghĩa của sự trả lời của tôi dành cho Xác Định và cho anh chị em thanh niên sinh viên Việt Nam ở ngoài nước.

Tôi nghĩ rằng tôi biết được cái gì — tuy không biết được nhiều, vì tôi sống ở thời loạn nên không được học nhiều — tôi sẵn sàng truyền lại cho các anh em thanh niên. Trong 70 năm, từ lúc tôi sinh ra đời trong một làng xóm Việt Nam lúc bấy giờ còn chưa có một tí dấu vết nào gọi là của văn hóa Tây phương mang tới — xà phòng chưa có, tông đơ (tondeux) cắt tóc chưa có, xe đạp chưa có — thế nhưng dần

dần tôi chứng kiến thấy những sự đổi thay về xã hội, chính trị, kỹ thuật nên tôi có nhiều cơ hội nhận xét, suy gẫm và theo dõi. Đến khi rời Việt Nam cách đây độ hơn 20 năm và đến sống ở Mỹ tôi có dịp suy nghĩ, chứng nghiệm thêm. Giờ đây nếu tôi có phát huy được cái gì tôi sẵn sàng để chuyển lại cho các anh, chuyển lại đối sau. Không chắc những cái tôi nhận xét và phát biểu đã là đúng, thế nhưng nó là những nhận xét, những ý kiến để mà các anh sẽ có những nhận xét và bổ khuyết thêm. Cứ mỗi một thế hệ như thế đi qua thì sau này cái kho tàng kiến thức của mình nó tích lũy lại, nó trở nên phong phú hơn. ■

Vũ Tuệ

TIỂU SỬ CỤ HOÀNG VĂN CHÍ

Cụ Hoàng văn Chí sinh ngày mùng 1 tháng 10 năm 1915 tại một nông trại tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam. Xuất thân từ một gia đình Nho gia, cụ đã theo học các trường Lycee Albert Sarraut (1928 - 35) và đại học Universite de L'Indochinese (1935 - 40), đậu cử nhân toán, vật lý, hóa học và văn vật.

Tiếp nối truyền thống đấu tranh chống thực dân của cha ông, cụ Chí tích cực tham gia các phong trào kháng Pháp đặc biệt phong trào Việt Minh 1936 - 39. Khi Pháp trở lại Việt Nam năm 1945, cụ Chí tham dự chính phủ Hồ Chí Minh và giúp chính phủ kháng chiến với chức vụ một chuyên viên, phụ trách đúc tiền, làm giấy in bạc, chế tạo hóa chất cho Quốc phòng. Mặc dầu được Hồ Chí Minh tuyên dương công trạng trong toàn quốc năm 1948, cụ Chí quyết tâm rời bỏ Bắc Việt để vào Nam năm 1955 khi Cộng sản chiếm chính quyền miền Bắc. Sau đó, nhận thấy chính quyền trong Nam đi dần vào chuyên chế và tự do báo chí bị hạn chế, cụ Chí quyết định xuất ngoại để có thể viết lại những kinh nghiệm của mình. Cụ đi Ấn Độ, giữ chức phó Lãnh sự tại New Dehli năm 1959 - 60, sau đó tình nguyện sang Âu Châu, lưu trú tại Paris từ năm 1960 - 65 nơi mà cụ viết cuốn "Từ Thực Dân Đến Cộng Sản", năm 1964, xuất bản cùng lúc ở New Dehli, Luân đôn và Nữu Ước. Năm 1965, cụ qua Hoa Kỳ viết cho đài VOA từ năm 1965 đến năm 1969 và sau đó làm giảng viên văn hóa và triết học cho Cơ quan Phát triển Quốc tế, Viện Ngoại Vụ, và một số đại học.

Một trong những công trình của cụ là nghiên cứu và lập thuyết tiến hóa văn hóa (đón phương, đã phương, tuần hoàn) để giải thích sự tiến hóa tâm lý xã hội, chính trị, kinh tế và lịch sử.

Năm 1940, ông Chí lập gia đình với bà Phan Lê Hằng. Ông Bà có ba người con, một trai, Việt Dũng, hai gái, Ngọc Anh và Minh Thơ.

Thi Diệp Nguyễn Du

Trong Bắc Hành Tập Lục, một tập thơ kỳ diệu viết về chuyến công du gần 400 ngày, từ 6 tháng 2 năm Quý Dậu (1813) đến 24 tháng 3 năm Giáp Tuất (1814) của Nguyễn Du, một người Việt Nam, xuyên qua hàng mấy ngàn dặm đất đai và mấy ngàn năm lịch sử Trung Hoa. Tập thơ Du Ký Lịch Sử ấy chính là bản điều trần khẩn cấp gửi đến tất cả các vị nguyên thủ quốc gia, các nhà lãnh đạo tôn giáo, chủ thuyết, các nhà giáo dục, kinh tế, xã hội v.v... và đặc biệt cho triều đình nhà Nguyễn Gia Long bấy giờ. Tập thơ ấy cũng là bản thông điệp tha thiết và trân trọng gửi toàn thể nhân loại, kêu gọi sự trở về nhân tính, tôn trọng nhân quyền, tự do, độc lập, để mở ra những phương trời thương yêu và trí tuệ.

Cho đến nay, bản điều trần ấy, thông điệp ấy, tập thơ ấy vẫn chưa được đọc, nghe và nhận đúng mức.

LƯƠNG CHIÊU MINH THÁI TỬ PHÂN KINH THẠCH ĐÀI

Đó là tựa đề của một bài thơ dài 32 câu trong Bắc Hành Tập Lục của Nguyễn Du.

Phải trở ngược lại lịch sử Trung Hoa, thời Nam Triều (Tống, Tề, Lương, Trần).

Ngày mồng một tháng mười năm Đinh Mùi (520) Bồ Đề Đạt Ma cưỡi thuyền đến Quảng Châu, bấy giờ thuộc nhà Lương, năm Phổ Thông thứ 8. Thứ sử Quảng Châu lấy lễ trọng nghênh tiếp và báo thiệp về triều. Lương Võ Đế (Chiêu Diên) thỉnh ngài vào kinh đô Kim Lăng. Vua hỏi:

— Trẫm từng xây chùa, chép kinh, độ tăng không biết bao nhiêu mà kẻ. Vậy có công đức gì không?

Đạt Ma đáp gọn:

— Không!

Lời đáp như một gáo nước lạnh tạt vào mặt vua.

Thế gian thường kiêu hãnh đến độ đánh mất bản ngã vì những công trình mình tự cho là thiện.

Sau vua lại hỏi:

— Trước mắt trăm là ai đây?

Sư nói:

— Không biết!

Thêm một gáo nước lạnh nữa, lần này dội vào tim vua.

Thế gian thường muốn xác định, rồi tái xác định, và hãnh diện về tri kiến đến độ cực đoan điên rồ. Cha con Lương Chiêu Diên, Lương Chiêu Minh đã chết cứng trong hình thức và tri thức đó. Cả hai đều tôn sùng đạo Phật, coi như quốc giáo. Họ đã phạm phải một điều sai lầm lớn là đem tôn giáo ra làm lịch sử, đem tôn giáo ra làm chính trị. Đặc biệt Thái Tử Chiêu Minh, tên là Chiêu Thông, tuổi trẻ thông minh, yêu thi ca văn nghệ, lớn lên ôm hoài bão đem đạo Phật cai trị nhân dân. Ông cho xây đài đá ở kinh đô để phân kinh sách Phật giáo, gọi là “Phân kinh Thạch đài.”

Trên đường về nước, Nguyễn Du đi qua đài đá này, tiếc việc trước, cảm việc sau, ông làm bài thơ:

LƯƠNG CHIÊU MINH THÁI TỬ PHÂN KINH THẠCH ĐÀI

Nguyễn văn như sau:

Lương Chiêu Minh Thái tử phân kinh xứ

Thạch Đài do ký “phân kinh” tự

Đài cơ vu một vũ hoa trung

Bách thảo kinh hân tận khô tử,

Bất kiến di kinh tại hà sở

Vãng sự không truyền Lương Thái tử

Cưỡng tài giải sự đồ phân phận

Phật bản thị không, bất trước vật

Hà hữu hồ kinh, an dụng phân?

Linh văn bất tại ngôn ngữ khoa,

Thục vi Kim Cương, vi Pháp Hoa?

Sắc không cảnh giới mang bất ngộ,

Sì tâm qui Phật, Phật sinh ma

Nhất môn phụ tử đa giao tế
 Nhất niệm chi trung, ma tự chỉ
 Sơn lăng bất dững liên hoa đài
 Bạch mã triêu độ Trường giang thủy
 Sở lâm họa mộc, trĩ ường ngư
 Kinh quyền thiêu hôi, đài diệc dĩ
 Không lưu vô ích vạn thiên ngôn
 Hậu thế'ngu tắng đồ quát nhĩ
 Ngô văn Thế Tôn tại Linh Sơn
 Thuyết pháp độ nhân như Hăng Hà sa số
 Nhân liễu thủ tâm, nhân tự độ
 Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu
 Minh kính diệc phi đài
 Bồ đề bản vô thụ
 Ngã độc Kim Cương thiên biến linh
 Kỳ trung áo chỉ đa bất minh
 Cập đáo phân kinh thạch đài hạ
 Tài tri' vô tử thị chân kinh.

Đại ý Nguyên Du nói cái đài đá ấy đúng là cái đài đá để phân
 kinh của Lương Chiêu Minh (549–556), bây giờ nó còn đây với
 thời gian dằng dặc của lịch sử Trung Hoa. Nó còn đây, còn cái nền
 hoang vu mùa gió. Cỏ cây rét lạnh đến chết khô chết héo. Nó còn
 đây, nhưng không thấy kinh sách được chia còn. Chỉ nghe đồn
 chuyện Thái tử ngày xưa. Thái tử tuổi trẻ yêu văn chương thơ phú,
 lập hội, lập bè, lập nhóm, lập xã như thi xã, hội thơ, nhóm bút
 xanh bút đỏ... Thái tử góp nhặt thi ca các nhà thành bộ văn tuyên,
 chuyên về hình thức tử chương, cốt sao cho bóng bẩy đua tình. Thái
 tử lại bày chuyện chia kinh ấn tống, thiết đàn giảng thuyết, tô tượng
 đức chuông, toàn những hình thức mị dân, khoe khoang kiến thức và
 đạo đức, toàn những chuyện gây thêm rắc rối mịt mù cho con đường
 đạo học. Phật giáo vốn là không, không nương, không chấp, không
 trụ vào vật (Hữu) thì có ở kinh đâu mà phải chia, phải phát? Cái kỳ
 bí'linh thiêng, cái ảo diệu giải thoát không phải ở lời kinh tiếng kệ,
 không phải ở sự sắp đặt chấp vá mẫu tử la tinh, Phan hay Nho. Thủ
 hỏi Kinh Kim Cương là gì? Kinh Pháp Hoa là gì? Đầu là chân diện
 mục của ta? Trong cảnh giới hỗn độn giữa sắc và không, mở mịt
 giữa không và có, mấy ai đã chứng ngộ được đề đi vào Trung Đạo?
 Nếu cứ nhắm mắt u mê bước cần hiểu bừa, thì hỏi đi lại ma đưa lối

quỉ đưa đường mà thôi. Bởi thế theo Phật mà u mê mù quáng thì Phật biến thành ma. Tiếc thay, cả nhà, hai cha con triều Lương đều đã si mê mù quáng. (Đến cái việc tướng Đông Ngụy là Hầu Cảnh về hàng rồi cũng đề phần, cuồi ngựa trắng sang sông Trường Giang đánh Lương Vũ Đế.) Ma đã nhập thì ma tha hồ lộng hành, và tử ý nghĩ đến việc làm đều có ma. Nào thấy đài sen mọc chốn sán lảng? Chỉ thấy một buổi sớm kia con ngựa trắng của Hầu Cảnh đem đến bao tang tóc đau thương, không riêng cho người dân nước Lương mà họa lây đến rừng cây tôm cá nước Sở. Hỡi ôi! Kinh sách bị thiêu ra tro bụi, đài vàng cũng nát đổ như tượng. Thế thì ngàn vạn cuốn kinh tiếng kệ phóng lúu lại có ích gì. Hay chỉ để bọn ngu tăng sau này vác mổ lên nói như con vẹt, chỉ tổ điếc tai người nghe.

Ta nghe nói Đức Thế Tôn từng ở Linh Sơn, thuyết pháp độ chúng sinh hằng hà sa số. Chúng sinh hiểu được Tâm là tự độ được mình. Linh Sơn ở ngay trong lòng ta. Lòng ta là cõi Như Lai thường trú. Giữa sắc và không có vướng bận chi đâu mà phải chau chuốt tới ngày lược gương son phấn. Cái hay không bù được cái dở. Chỗ sáng không lấp được cơn mê. Cuộc tranh chấp giữa hữu và vô ở ngay giữa lòng Phật giáo đã được khai thông bởi Huệ Năng.

*Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở.*

Giòng suối Tào Khê chảy mãi. Có ai đi lau bụi trên mặt suối Tào Khê! Có ai đi quét lá bóng cây trong lòng suối!

Ta đọc Kinh Kim Cương hàng ngàn lần. Tự trung những ý nghĩa thâm diệu nhất thì lại rất mù mờ. Tại sao lại “ứng vô sở trú...” Huệ Năng hiểu gì? Trần Thái Tôn hiểu gì? Cho đến bây giờ gặp cái đài đá phân kinh này ta mới thấy kinh vô tự mới thật là chân kinh. Bởi sao? Bởi vì “ứng vô sở trú.”

Bài thơ được chuyển thành lục bát:

ĐÀI ĐÁ PHÂN KINH

*Nơi đây Thái Tử Chiêu Minh
Lập đài khắc chữ “Phân Kinh” rành rành
Gió mưa đột nát tan tành
Cỏ cây khiếp lạnh cũng đành chết khô
Kinh đâu chẳng thấy bao giờ
Chỉ nghe câu chuyện mơ hồ triều Lương
Thiếu thời xây mộng vấn chương
Khéo phô kinh sách cho vương bụi hồng*

Vô thường của Phật là không
 Không kinh không sắc uông công giải bày
 Văn thiêng không mất không mảy
 Kim Cương thế ấy thế này Pháp Hoa
 Sắc không không sắc mù lò
 Tâm mù cầu Phật, Phật là Ma Vương
 Cha con si đắm đáng thương
 Ma đưa lối, quỷ đưa đường biết sao
 Đai sen không nở cánh đào
 Sớm mai ngựa trắng ngược vào Trường Giang
 Sông khô, rừng cháy, dãi trắng
 Kinh thiêng cũng nát, đai vàng cũng tan
 Chữ dù để lại ngãn ngãn
 Cũng bằng vô dụng, cũng bằng ngựa tai
 Linh Sơn nghe nói Như Lai
 Một đời thuyết pháp khoan thai độ người
 Linh Sơn ở giữa lòng người
 Thấy Tâm là thấy nụ cười chùa phai
 Sương trong không phải là đài
 Bờ đề không cội khéo là quét sân
 Kim Cương ta đọc ngãn lần
 Cao sâu kỳ bí như gần như xa
 Qua chời Đai Đá chôn này
 Hề "Kinh Vô Tự" vẫn là chân kinh.

Lại phải ngược về lịch sử Phật giáo Thiên Tông, khi Thích Ca giở
 lên một bóng sen giữa đại hội để cho ông Ca Diếp mỉm cười tâm linh—
 tử đó nụ cười truyền xuống đời thứ 28 là Đạt Ma—biến thành sự im
 lặng tuyệt đối trong vách đá chùa Thiếu Lâm—khởi nguyên của một
 thời đại cách mạng. Nụ cười im lặng đến thân bí này biến thái ra tiếng
 hét chế dôi, chế tử toàn bộ đời sống. Y bát của Đạt Ma dính chặt vào
 phiến đá, hốt nhiên lỏng lẻo giữa trời mây và quần quật đập vào trái
 tim người đại đệ tử phái Thần Tú. Để tử đó Huệ Năng ngang nhiên lăm
 liệt bước vào thế giới vô ngôn.

Đêm qua ra đứng bờ ao
 Trông cá: cá lặn. Trông sao: sao mờ
 Buồn trông con nhện giăng tơ
 Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai

*Đêm đêm tưởng giải ngân hà
Chuôi sao tình đầu đã bao năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở.*

Cái khả năng khủng khiếp của 8 câu thơ lục bát Việt Nam này là đã nông-dân-hóa tư tưởng Thiên Huê Năng, bình-thường-hóa mọi huyền thoại về các tổ sư Thiên, và thi-hóa-con-người-trước-lich-sử. Lịch sử con người, lịch sử các dân tộc, đều bắt đầu bằng giọng nước. Vả, không một thứ âm thanh nào có khả năng liên tục bằng tiếng nước chảy. Nước chảy ở Tào Khê, ở Tiểu Khê, ở Tiên-Đường hay ở Thanh Thủy thì muốn đời vẫn bất tuyệt.

Lịch sử bao giờ cũng đứng ra—khi lâm lũ—khi cuồng nộ—khi thối thối—khi nghen ngào... và các dân tộc trên thế giới, đặc biệt là dân tộc Việt Nam, đều có chiều hướng tôn thờ lịch sử, xem lịch sử như đời sống tâm linh và đời sống hiện thể của chính mình. Mọi tôn giáo, học thuyết, tư tưởng, khoa học, nếu muốn sống còn đều sẽ phải nương vào lịch sử—hay nói khác đi phải phục vụ lịch sử. Những âm mưu buôn bán, oán nghịch, chup mứ lịch sử, hay những phong trào tâng bốc lịch sử quá độ, đều sẽ bị lịch sử xử.

Ngày 8 tháng 7 năm 1963, một nhà văn Việt Nam, ông Nhất Linh đã uống độc dược quyền sinh với giọng chữ để lại: “Đời tôi để lịch sử xử...” Sáu chữ này có giá trị như một thông điệp truyền thống. Ông đã nói hộ Nguyễn Du lý do tại sao Nguyễn Du đã không nói gì trong những buổi triều kiến Gia Long. Sự thoái trào của Phật giáo đời Trần, kéo theo sự sụp đổ bi đát của đất nước ta đầu thế kỷ XV là một bài học lịch sử đáng ghi nhớ, cũng như sự sụp đổ của nhà Lương bên Trung Hoa vào thế kỷ thứ VI. Trong suốt những đêm dài ngụp lặn của phân ly, tang tóc, nghi kỵ, hình ảnh duy nhất có thể bùng sáng được là Nguyễn Trãi mà rồi cũng phải chịu cuộc bể dâu.

Tường Vũ Anh Thy

Vết Hân 30/4 ■ Vĩnh Thuận

Vai Trò Thanh Niên Trong Cộng Đồng Dân Tộc ■ Trần Phương

Tâm Sự Của Chúng Ta ■ Linh Sơn Linh

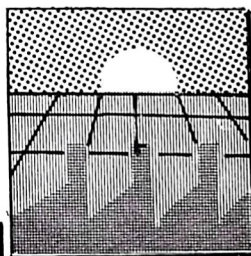
Tuổi Trẻ Chúng Ta ■ Lê Thị Nga

Chính Trị Và Nhà Trưởng ■ Hoài Nam Quốc

Sinh Viên Và Sinh Hoạt Báo Chí ■ Võ Tuấn

**Việt Nam Có Thể Thực Hiện Một Cuộc Cách Mạng Dân Tộc Hay
Không ■ Văn Thanh.**

⊕ **PHẦN THANH NIÊN**



Vết Hằn 30/4/75

Ngày 30-04-1975 đến với tôi như trong một giấc mơ. Thật khó mà tin được những gì đang xảy ra. Lệnh buông súng của ông Minh vang vang trong máy thu thanh. Những người lính Nhảy dù, Cảnh sát Dã chiến ngơ ngác, lạc lõng như mất hồn. Một chính quyền đã đứng vững tại miền Nam Việt Nam hơn hai mươi năm nay vỡ tan trong phút chốc. Trong đầu tôi bỗng dưng vang lên hai chữ hòa bình. Hòa bình đến rồi đó sao? Niềm khát vọng thiết tha in đậm trong hồn tử khi tôi đủ lớn để hiểu rằng mình đã được sinh ra và lớn lên trong chiến tranh, nay có lẽ đã thành sự thật. Tôi thoáng nghĩ đến những hình ảnh đoàn viên, "có anh thương binh cưới vợ hiền lành, có con trâu xinh hết lông giúp đỡ..."

Chỉ ít lâu sau tôi hiểu ra rằng hòa bình dưới chế độ cộng sản không mang một ý nghĩa "hòa bình" như vậy mà là sự nối dài chiến tranh dưới một hình thức khác, hình thức mà người cộng sản mệnh danh là đấu tranh giai cấp. Nhà nước lần lượt đánh đổ hết mọi hình thức tư doanh để nắm độc quyền điều khiển tất cả sinh hoạt xã hội, kể cả thông tin, văn hóa và kinh tế. Những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa vừa buông súng tức khắc bị lừa đi "trả nợ máu" trong những trại cải tạo. Một khuôn mẫu xã hội mới được thành hình với hai giai tầng (hay giai cấp?) rõ rệt: thành phần đảng viên, cán bộ nắm trong guồng máy cai trị mệnh danh là "nền chuyên chính vô sản" được dành cho mọi đặc quyền để thủ đắc đủ thứ đặc lợi hầu giữ vững lòng trung thành với đảng, và lớp quân chúng chỉ có một "quyền" duy nhất là "quyền làm chủ tập thể" mà họ có nhiệm vụ phải phát huy để tích cực lao động, học tập theo sự điều khiển của cán bộ, đảng viên; lơ là công tác hoặc suy nghĩ khác hơn là có dấu ốc phản động. Cả dân tộc quần quai dưới một tai ách áp bức mới bao gồm tất cả tinh hoa của các chế độ độc tài trong lịch sử. Có cha truyền con nối theo kiểu quân chủ. Có gom sách, đốt sách kiểu Tần Thủy Hoàng. Có công an,

súng đạn, cùm xích, nhà tù, trại tập trung kiểu Phát-xít. Có độc đoán truyền bá tư tưởng một chiều. Có đoàn thể hóa mọi tầng lớp dân chúng (kể cả thiếu nhi được gọi là "cháu ngoan bác Hồ") để tiện tuyên truyền và kiểm soát. Có độc quyền hoạt động kinh tế để nắm bao tử toàn dân, khi cần sẽ "cho nó đói nói nó mới nghe"...

So với sự bất công giữa chủ và thợ trong chế độ tư bản mà Karl Marx đã dày công mổ xẻ, sự bất công giữa quần chúng và đảng viên, cán bộ trong chế độ cộng sản còn sâu sắc và khó cải sửa hơn rất nhiều. Theo Marx, chủ tư bản bóc lột nhân công nhờ có tư liệu sản xuất thì ở đây, trong cái thiên đường mà người cộng sản dựng nên để thay thế, cán bộ cộng sản bóc lột dân chúng nhờ có họng súng và nhà tù. Chủ tư bản nhờ tư liệu sản xuất mà kiếm lời để thủ đắc tiện nghi vật chất thì cán bộ cộng sản cũng nhờ ưu quyền mà sắm sửa cho mình một đời sống phong lưu. Xem ra sự bất công trong xã hội không phải chỉ xuất phát từ chỗ có hay không có tư liệu sản xuất mà căn gốc của nó là ở chỗ người này có ưu quyền hơn người khác và dùng ưu quyền ấy để hiếp đáp, bóc lột. Tư liệu sản xuất chỉ là phương tiện để mang đến cho người chủ trong chế độ tư bản ưu quyền ấy mà thôi. Vì vậy, khi tước bỏ quyền sở hữu tư liệu sản xuất của chủ tư bản và tập trung quyền lực vào tay đảng, người cộng sản chỉ tạo ra một sự bất công mới. Chẳng những thế, nền chuyên chính vô sản còn tước hết những quyền tự do của con người. Với Việt cộng, tư tưởng của Marx là chân lý mặc dù nó đã để lộ ra những khuyết điểm mà ngay trong những buổi học đầu tiên sau 30-04-1975 sinh viên Sài-gòn đã cất vấn làm giảng viên cộng sản điên đầu. Chẳng hạn Marx cho rằng sau giai đoạn xã hội chủ nghĩa làm theo khả năng, hướng theo lao động, đến khi sản phẩm tuôn ra dồi dào, xã hội sẽ tiến lên cộng sản chủ nghĩa làm theo khả năng, hướng theo nhu cầu, xã hội không còn giai cấp và nhà nước sẽ tiêu vong, những quốc gia theo chủ nghĩa cộng sản sẽ tiến đến chỗ đại đồng. Một sinh viên đã nêu câu hỏi: Bên cạnh chức năng bảo vệ quyền lợi của giai cấp được ưu đãi, nhà nước còn có chức năng quản lý xã hội. Nếu nhà nước tiêu vong thì xã hội sẽ trở thành vô tổ chức sao? Mặt khác, làm sao sản phẩm có thể tuôn ra dồi dào đến độ mọi người có thể hưởng theo nhu cầu một cách đồng đều khi nguyên liệu và khả năng chế biến chỉ có hạn? Hơn nữa, liệu con người có thể tự giác đến nỗi chấp nhận sự chênh lệch về khả năng giữa cá nhân và cá nhân để đem hết sức mình ra làm việc và thụ hưởng một cách đồng đều như mọi người không? Ngoài ra, rất tự nhiên là khi một quốc gia dù tư bản hay cộng sản trở nên cường thịnh thì tư tưởng đế quốc sẽ dễ dàng nảy sinh để bảo vệ và phát triển quyền lợi của họ. Việc Nga đem quân dấn nát Hung-Gia-Lôi, Tiệp-Khắc, và hục hặc với Trung Cộng, v.v... chứng minh rằng cũng chủ nghĩa chỉ là cái tiểu đồng, quyền

lợi, lại là cái đại dị. Những câu hỏi và sự kiện vừa nêu cho thấy xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thiên đường không có ở trần thế trong khi sự bất công và sự tước đoạt tự do của nền chuyên chính vô sản đè nặng lên đầu, lên cổ nhân dân.

Nhìn lại lịch sử dân tộc, ta thấy sự du nhập của chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam chỉ là sự tiếp nối của một quá trình vọng ngoại lâu dài của giới sĩ phu, trí thức. Ngày xưa, họ tôn chữ nho làm chữ thánh hiền để nhiều người đã tự biến thành những ốc đảo phong lưu ngâm vịnh, xa rời quần chúng. Đến thời Pháp, họ bỏ bút lông để cầm bút sắt, ráng bắt chước cử xử như Tây và mới đây, một số nhà lãnh đạo chính trị, trí thức miền Nam cho Mỹ là "number one," giới lãnh đạo miền Bắc thì cho chủ nghĩa cộng sản là chân lý.

Trong khi đó, khối đa số quần chúng tuy thiếu khả năng lãnh đạo, tổ chức nhưng đều một lòng yêu nước sắt son, sẵn sàng đem cả tài sản, mạng sống của mình để cùng các nhà ái quốc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc. Nhờ đó, nước Việt đã không bị xóa tên trên bản đồ thế giới sau hàng ngàn năm Bắc thuộc và một trăm năm Pháp thuộc. Thấy rõ điều ấy, cộng sản đã quyết dùng chiêu bài chống Pháp giành độc lập, chống Mỹ cứu nước để lợi dụng xuồng mào dân tộc nắm quyền thống trị, trảm chủ nghĩa cộng sản khắc nghiệt lên đầu dân chúng và để lộ nguyên hình là tay sai đế quốc Liên-xô.

Như mọi dân tộc khác trên thế giới, người Việt cũng có một nguyện vọng rất đơn sơ là giữ nước để dựng nước, để xây hạnh phúc cho mình. Một số sĩ phu, trí thức Việt Nam đã liên tục lãng quên hoặc tai ác hơn là phản bội lại nguyện vọng của khối tuyệt đại đa số đồng bào. Có lẽ, thứ nhất, vì tâm lý tự cho rằng mình giỏi và phải thụ hưởng ở những địa vị cao sang, thứ hai, vì áp lực đế quốc liên tục đe dọa đất nước nhục tiếu của chúng ta, một số sĩ phu, trí thức đã dễ dàng thỏa hiệp hoặc xa hơn nữa là biến thành tay sai thực hiện các mưu đồ chính trị, kinh tế, văn hóa của đế quốc để thỏa mãn tham vọng cá nhân. Trên mặt trận chính trị, các sĩ phu ái quốc đã nhanh chóng được quần chúng ủng hộ để liên tục thành công trong cuộc đấu tranh giữ nước nhưng vì văn hóa cơ khả năng lưu truyền sâu rộng, lâu dài nên trên mặt trận này, những cố gắng soi sáng tình tự dân tộc để tìm một con đường dựng nước thích hợp đã bị xóa mờ bởi những kẻ vọng ngoại vì đương nhiên, nếu chủ trương dựng nước được thực hiện thì họ sẽ không còn được thích dụng. Mười báng điều trần của Nguyễn Trữơng Tộ bị xếp xó dưới triều Tự Đức chỉ là một dấu hiệu điển hình cho tình trạng kể trên.

Từ những nhận định ấy, ta có thể rút ra được những tiền đề sau đây:

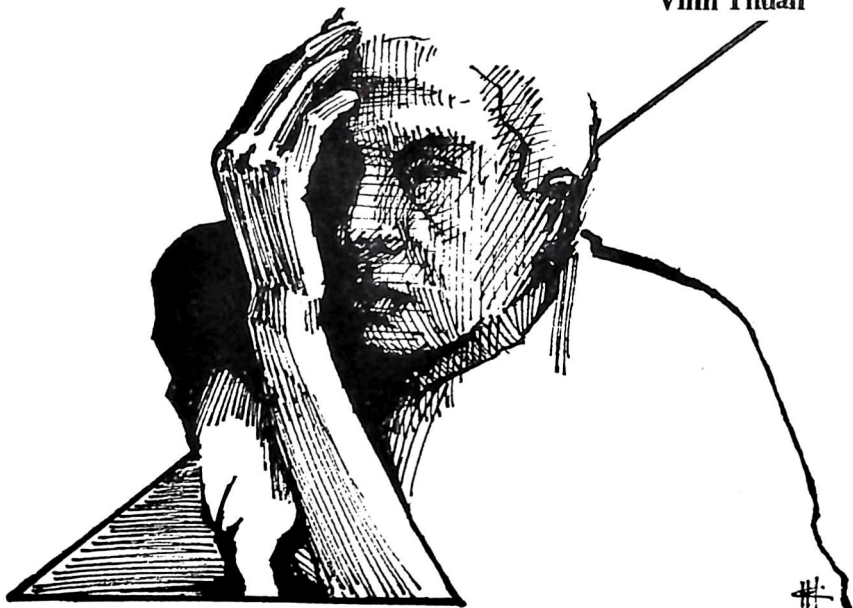
1. Dân tộc Việt Nam có quyền được sống trong độc lập để dựng nước, xây đời hạnh phúc như các dân tộc khác trên thế giới và người Việt sẽ phải đấu tranh để thực hiện nguyện vọng kể trên. Đặc biệt, nếu mất độc lập, dân tộc sẽ lao vào một cuộc chiến giữ nước mới và dĩ nhiên công cuộc dựng nước bị bỏ dở.

2. Trong khoa học tự nhiên, với các phương pháp quan sát, suy luận và kiểm chứng chính xác, kết quả đạt được vẫn chưa là chân lý thì trong khoa học nhân văn với phương pháp nghiên cứu còn kém chính xác hơn, các lý thuyết càng có giá trị tương đối hơn. Ngoài ra, như đã trình bày, chủ nghĩa cộng sản chẳng những không phải là phương pháp thích đáng để giải quyết những bất công trong chế độ tư bản mà còn mang đến những điều tệ hại hơn. Chúng ta, những người Việt Nam yêu nước, sau khi đã có dịp tiếp xúc với các nền văn hóa Á đông, tư bản lẫn cộng sản cần phải làm sáng lại văn hóa dân tộc và phối hợp với các tinh hoa thích hợp của các nền văn minh khác để vạch đường đấu tranh lật đổ cộng sản Việt Nam, tay sai đế quốc Liên-xô và xây dựng đất nước, mang hạnh phúc đến cho toàn dân. Hạnh phúc có được là do ở sự thỏa mãn và bình an cho con người, do đó, ta sẽ không chỉ chú trọng vào việc phát triển và phân chia quyền lợi kinh tế mà phải bắt đầu từ việc xác định mối tương quan giữa người và người, giữa người và vũ trụ, từ đó mà khai triển các hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa thích nghi. Hơn nữa, dựng nước là phương cách tích cực nhất để giữ nước, trong đó, việc làm sáng văn hóa dân tộc cũng nhằm kháng đối lại các âm mưu dùng văn hóa để quốc tiêu hao ý chí độc lập của dân tộc ta.

3. Sĩ phu, trí thức tách rời khỏi quần chúng chỉ làm cho đất nước suy yếu và trở thành môi ngon cho đế quốc. Khi ấy, chính thân phận sĩ phu, trí thức cũng sẽ hoặc là tay sai cho ông chủ mới, hoặc là nô lệ. Vì vậy, sĩ phu, trí thức phải hòa mình trong cộng đồng dân tộc, đem khả năng và hạnh phúc của mình cộng vào khả năng và hạnh phúc của toàn dân để giữ nước và dựng nước. Một lần này ta xác định rằng chỉ có một cộng đồng dân chúng Việt Nam, không có sĩ tách rời khỏi nông, quân khác với dân; trí thức "cao siêu" hơn quần chúng, tất cả đều là con dân Việt Nam được phân công theo khả năng của từng người để cùng thực hiện một nguyện vọng chung. Vì không cá nhân nào nắm được chân lý nên các chủ trương, kế hoạch phải là kết quả của sự suy tư tập thể và ngay cả trong trường hợp đó, chủ trương, kế hoạch ấy chỉ là một thành quả tối ưu và sẵn sàng để được bổ cứu. Cũng vì vậy, ta sẽ không có loại lãnh tụ thần thánh, "đỉnh cao trí tuệ," nói ra là chân lý.

Tôi đồng ý với cách diễn tả cuộc chiến Việt Nam trước 30-04-1975 của ông Nguyễn Tường Tú đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong số 172, mục Bạn Đọc Viết trong bài "Góp ý với giáo sư Nguyễn Ngọc Huy" như sau: "Thằng ăn cướp tư bản nhờ tay thằng ăn cắp Nguyễn Văn Thiệu và bè lũ để đánh thằng ăn cướp cộng sản Bắc Việt. Người quốc gia chân chính Việt Nam bị ép vào ba gọng kìm: Mỹ, tai sai của Mỹ và cộng sản Việt Nam." Một số hiểu rõ cộng sản bắt buộc phải hợp tác với phe thằng ăn cắp để chống cộng và tự tồn, một số khác bị lường gạt bởi chiêu bài chống Pháp giành độc lập, chống Mỹ cứu nước của Hồ Chí Minh mà ngã theo cộng sản. Sau ngày 30-04-1975, người quốc gia Việt Nam—những người thực tâm yêu nước—đã có cơ hội tách rời khỏi tư thế chùn gỏi ở miền Nam kể trên và toàn dân đã trải qua thực tế để hiểu rằng chế độ cộng sản còn tệ hại, bất công, hà khắc gấp trăm lần chế độ tư bản, hơn nửa đất nước lại lọt vào vòng kềm tỏa của Nga Xô. Tôi vô cùng mong ước rằng với những kinh nghiệm ấy, chúng ta, những con dân Việt Nam yêu nước sẽ kết thành một khối đồng tâm vững mạnh để đấu tranh lật đổ cộng sản, giữ vững độc lập và xây dựng đất nước đến chỗ hạnh phúc vững bền. Đó mới chính là một cuộc giải phóng đích thực cho dân tộc vì nếu chỉ cứu nước mà không chăm lo dựng nước, chẳng chóng thì chầy đất nước sẽ lọt vào một vòng nô lệ khác mà thôi.

Vĩnh Thuận



Vai trò thanh niên trong cộng đồng dân tộc

Dân tộc Việt là dân tộc có truyền thống đấu tranh để sinh tồn và thắng tiến. Trong suốt dòng đấu tranh liên tục đó, trải qua nhiều thời đại, thanh niên luôn luôn là lực lượng nòng cốt, là mũi nhọn trong mọi vận động cứu nước và dựng nước.

Trong mỗi giai đoạn chuyển mình của dân tộc, sự hiện diện và đóng góp tích cực về tâm lực, xương máu của lực lượng thanh niên luôn luôn là yếu tố chuyển đổi chính. Tuổi thanh niên là tuổi giàu nhiệt huyết, mang hoài bão và chí lớn. Những người tuổi trẻ không hề bị đè nặng bởi mặc cảm, bởi tâm thức báo thù, nên dễ dàng chấp nhận những tâm thức mới, và sẵn sàng dấn thân cho lý tưởng. Là một bộ phận quan trọng hội đủ các yếu tố cần thiết cho công cuộc đấu tranh, thanh niên cũng đã luôn luôn là đối tượng tranh thủ của các lực lượng đấu tranh, vì các chủ lực đấu tranh sẽ được tìm thấy trong hàng ngũ thanh niên dấn thân.

Lịch sử thăng trầm của dân tộc đã trải qua rất nhiều thử thách sau giai đoạn đấu tranh cho lý tưởng dân tộc vừa qua, vì can trường, dũng cảm, lực lượng thanh niên đã phải chịu nhiều tổn thất.

Sau ngày sụp đổ của chế độ thối nát phi dân tộc trước một thế lực quốc tế đầy cuồng vọng, sau những cơn hoảng loạn niềm tin, hàng ngũ dân tộc trong đó có hàng ngũ thanh niên đã tập hợp dần dà lại dưới nhiều dạng thức đề chuẩn bị cho sự ra đời của một chủ lực đấu tranh mới.

Tại quốc nội, hàng ngũ thanh niên Việt đã kết tụ bằng mọi cách trong lý tưởng chung: lật đổ chế độ cộng sản và xây dựng một xã hội Việt phồn thịnh và bình đẳng. Công cuộc ấy dù gặp phải rất nhiều khó khăn do bộ máy kềm kẹp của công an cộng sản, nhưng đã gây một củng cố chặt chẽ hơn. Do thiếu phương tiện, lực lượng thanh niên Việt quốc nội tuy có trưởng thành hơn về mặt tâm thức đấu tranh, nhưng còn một số yếu kém không thể tránh khỏi về mặt: kiến thức tổ chức, và kiến thức chính trị tổng quát.

Ngược lại, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, lực lượng thanh niên tại hải ngoại đã gây một đông đảo hơn, những người trẻ này nếu được hàng ngũ hóa một cách chặt chẽ dưới nhiều hình thái tổ chức cơ sở khác nhau, có lẽ đã trở thành một áp lực chính trị mạnh mẽ với bạo quyền, mà còn là một đội ngũ cán bộ cứu nước dựng nước có tổ chức qui củ, có sinh hoạt tập thể và do đó dĩ nhiên phát huy được sáng kiến tập thể trong công tác đặt định những nguyên tắc, quan điểm cứu nước dựng nước hợp thời, hợp dân tộc tính.

Hiện nay, dù số người trẻ hiện diện trong các đại học ngoại quốc không ít, nhưng ngược lại, lý tưởng đấu tranh hơn bao giờ hết xa rời khỏi tâm tưởng của những thanh niên này. Từ môi trường đại học, sang môi trường chuyên viên, đến một trưởng của những thanh niên đang lao động chân tay, hoài bão đóng góp tích cực cho công cuộc tranh đấu cho cộng đồng dân tộc đang bị lu mờ một cách nghiêm trọng, ý tưởng chạy theo danh phận viễn vọng, tâm thức cầu an, hưởng thụ, đứng dưng và từ chối đóng góp với ba chữ “phi chính trị”, “phi đoàn thể” hơn lúc nào hết đang ngự trị trong môi trường thanh niên.

Quay cuồng với những nổi trôi và tranh đua phù phiếm, chỉ trích lẫn lộn nhau, dường như tất cả chúng ta đã quên đi một điều: sự xa rời thiếu cảm thông của hai thế hệ: lão thành và thanh niên, sự lạc lõng và nguy cơ vong thân của kinh tế lẫn văn hóa của thanh niên đã đẩy thế hệ thanh niên chúng ta khỏi những chuyển đổi đã và đang xảy ra cho cộng đồng dân tộc.

Những sinh hoạt ồ ạt, nổi trôi của các cơ sở sinh hoạt, tử phạm vi quần chúng, sang phạm vi đấu tranh, văn hóa hiện nay phần nào bắt nguồn từ sự thiếu tham gia tích cực của thanh niên: mũi nhọn sinh hoạt không thể thiếu.

Chúng ta cần tìm một giải pháp thỏa đáng cho vấn đề này bằng một phương thức thích hợp để xây dựng tâm thức mới cho thanh niên, và qua đó chuyển đạt đến tận tâm thức quần chúng, rút ngắn giai đoạn chuyển vận động cách mạng.

Nhìn lại đoạn đường đã qua, chúng ta có thể quả quyết rằng sự xa rời một số sinh hoạt nhằm chuyển đổi vận mệnh của cộng đồng dân tộc của số lớn thanh niên đã bắt nguồn từ tâm thức bảo thủ, lỗi thời của thế hệ đàn anh, và sự thiếu hướng dẫn từ tưởng thanh niên trong một giai đoạn quá dài của lịch sử dân tộc. Thế hệ thứ hai phân hóa, thế hệ thứ ba giao động chưa kịp tái tạo niềm tin, và thế hệ thứ tư lớn lên không có được một hướng dẫn cụ thể nào. Tất cả đang đẩy dân lực lượng thanh niên Việt khỏi cộng đồng dân tộc. Không thể thiếu thanh niên trong công cuộc vận động cách mạng hiện nay. Các tổ chức cơ sở đấu tranh do đó phải đặt định ưu tiên công tác: xây dựng tâm thức thanh niên xuyên qua các cơ sở sinh hoạt tại địa phương.

Muốn xây dựng tâm thức thanh niên, chúng ta phải tạo dựng một môi trường sinh hoạt thuận lợi qua cơ sở sinh hoạt thanh niên tại từng địa phương. Sự xây dựng những cơ sở sinh hoạt này không thể bắt nguồn từ hô hào, tuyên truyền suông, mà phải bắt nguồn từ sự tái tạo niềm tin vào tập thể của những thành phần thanh niên chủ động.

Trở ngại chính hiện nay của công cuộc đoàn ngũ hóa,

sinh hoạt hóa để xây dựng lẫn hồi tâm thức mới cho thanh niên tại từng địa phương là thái độ thờ ơ, chối bỏ đoàn thể của thanh niên. Thái độ này từ đâu mà ra? Tất cả từ ý tưởng tổ chức, và cung cách sinh hoạt ồn ào, phi thực chất trong nhiều năm qua của hầu hết các sinh hoạt hải ngoại. Ở đâu, người thanh niên cũng thấy thân thể, khoa bảng, thành tích quá khứ đôi khi giả tạo được đặt định làm tiêu chuẩn, và ở đâu họ cũng ngăn ngấm cho sự thao túng, của các phần tử đầu cổ nhiều hơn là tâm thành muốn đóng góp khiêm nhường cho cộng đồng dân tộc.

Muốn mang người thanh niên đến với các cơ sở sinh hoạt, và qua đó dần dần thấy rõ vai trò của sinh hoạt tập thể trong việc rèn luyện và nâng cao khả năng cá nhân, các thành phần chủ động cần phải chấn chỉnh quan điểm tổ chức và sinh hoạt của các cơ sở.

Công cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc hơn lúc nào hết đòi hỏi sự dấn thân tích cực của thế hệ thanh niên. Muốn vậy, công tác xây dựng tâm thức chung xuyên qua các cơ sở sinh hoạt thanh niên tại địa phương phải được đặc biệt quan tâm.

Thanh niên là bộ phận quan yếu duy trì sinh động tính cho dân tộc, không thể ngày một xa rời cộng đồng dân tộc. Mang người thanh niên trở về, và tích cực tham gia dòng vận động cứu nước của toàn khối dân tộc là nhiệm vụ của những thành phần đấu tranh chủ động hiện nay. Có như thế chúng ta mới kiến tạo được một đội ngũ cán bộ thanh niên đích thực làm gạch nối cần thiết cho sự kế tục bất tuyệt của các thế hệ trong dòng đấu tranh miên trường của dân tộc.

Canada, 7.4.1983
Trần Phóng

tâm sự của chúng ta

Anh Định thân,

Anh nhớ lại mà xem, trước ngày mất nước miền Nam Việt Nam coi chính trị như bệnh hủi, mọi người dân (và nhất là mọi người trẻ mệnh danh là trí thức hoặc trí thức dân thân) đều ngại ngùng khi nói đến hai chữ “chống Cộng” “chính trị” được đồng hóa với mị dân, tham nhũng, bè phái và sự trố trên – “chống Cộng” là đề tài dành riêng cho cán bộ thông tin tuyên truyền xã, ấp hoặc tuyên bố, hiệu triệu của chính phủ. Đến chính những quân nhân cầm súng chống Cộng cũng hầu như chẳng bao giờ nói đến hai tiếng này. Trong suốt cuộc đời tôi, cho đến ngày 30/04/75 tôi chưa hề được học một bài nào nhan đề “Cộng sản là gì?” hoặc “Tại sao chúng ta phải chống Cộng?” – Cả miền Nam VN được nuôi dưỡng trong sự ngây thơ đó, lớp trẻ VN được nuôi dưỡng trong sự ngây thơ đó, đi giữa cuộc chiến một mất một còn mà chỉ nói truyện của Satre, Canus...) như một thiếu nữ bị bọn cướp bắt cóc, trước lúc bị hãm hiếp vẫn muốn điểm trang son phấn, vẫn muốn làm dáng trước kẻ thù.

Anh thử tưởng tượng mẫu đối thoại này xem sao: Có một anh chàng chạy thực mạng, hốt hớ hốt hải, thừa sống thiếu chết. Mọi người chặn lại hỏi:

- Cái gì làm anh chạy thế?
- Nó rượt tôi.
- Nó là ai vậy?

- Tôi không biết.
- Nó làm gì anh?
- Tôi không biết nốt.
- Thế tại sao anh chạy?
- Tôi thấy người ta chạy nên tôi chạy. Bấy giờ phải giết nó các ông ời.

Sẽ có những người khi thấy tôi đặt vấn đề như thế, họ sẽ đem vốn kiến thức uyên bác ra để trả lời. “Cộng sản à, mở quyền tư bản luận ra là thấy ngay chứ gì, có thể cũng không biết” rồi sau đó là tràng giang đại hải “Cách mạng vô sản, đấu tranh giai cấp, duy vật sử quan, biện chứng ... những người bình dân hơn “Cộng sản tam vô, nó ác lắm.” Chúng ta chỉ còn những người đã từng đấu tranh trực diện, hoặc từ Cộng sản mà ra. Họ trả lời “nói không được, sống với nó mới biết.” Tóm lại, chúng ta như “bốn anh mù đi sờ voi” mỗi anh tả một cách.

Đến rồi kể từ ngày 30/04/75, quân hùng quốc gia cầm thù “Cộng sản khát máu” quá bèn vùng kiếm đánh loạn (như quân hùng trong truyện Kim Dung rủ nhau đi diệt Ma giáo, bị lọt vào dướng hầm tối đen, không thấy đường bèn xā thân chém giết lẫn nhau mà cứ ngỡ như đang chém Cộng) Những chiêu thức của Cộng sản độc vô cùng, mà chúng ta chưa một lần bình tĩnh ngồi với nhau tìm cách phá thế (đó là chưa kể đến việc chúng ta phải nghĩ thêm những chiêu thức mới để khởi thế tấn công). Chiêu “Đang lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ,” chiêu “quyền làm chủ tập thể” là chiêu thủ. Chiêu “kẻ thù giai cấp,” chiêu “yếu tố ngăn cách, ly gián, cách ly,” chiêu “quản lý hộ khẩu” là chiêu công. Danh từ “Cách Mạng” không phải là chiếc bánh thánh, chia nhau ra mỗi người ăn một chút là no. Chúng ta hô hào, rủ nhau đi làm Cách Mạng trong lúc chúng ta chưa nắm rõ được là đối tượng của CM đã như thế nào. Như vậy có khác nào nhiệt thành của chúng ta cũng bị đốt cháy nhanh trên “Quang Minh đỉnh” của Ma giáo (Cộng sản và Ma giáo là cở điểm thích nói truyện chính chuyên, Ma giáo gọi nói tụ tập của bọn cướp của, hút máu người là Quang

Mình đỉnh, Cộng sản đặt tên cho mọi tổ chức trong guồng máy cai trị của chúng bao giờ cũng phải có hai chữ tổ quốc hoặc nhân dân).

Một truyện vui vui kể cho anh nghe: trong trại tù Cộng sản, một anh phát biểu để trả lời bài học tập chính trị “nguy quân nguy quyền tay sai đế quốc Mỹ”: “tay sai Mỹ có ăñ.” Nhiều người thấy anh ta nhủ vậy nghĩ là anh hùng. Thực sự là anh ta đã vô tình tiếp tay cho Cộng sản. Điều Cộng sản bao nhiêu năm cố tình nguy dụng, tuyên truyền miền Nam VN là “tay sai đế quốc Mỹ” để lôi kéo chính nghĩa “đấu tranh giải phóng dân tộc” về phía chúng, cuối cùng được một ông cán bộ Quốc gia vô tình nhìn nhận một cách ngon lành.

Các ông Quốc gia mình bắt chước ông Lệnh Hồ Xung trong Tiểu Ngạo Giang Hồ của Kim Dung xử dụng chiêu thức “vô chiêu thắng hữu chiêu” những bắt chước không xong. Độc Cô Cầu Bại khi truyền cho người Lệnh Hồ Xung đã dạy là khi đánh nhau, đối phương dù có xử dụng chiêu tuyệt kỹ đến đâu cũng đều phải có sơ hở, lúc bấy giờ ngấm cho đứng chỗ yếu mà đập là ăñ chắc. Nhủ vậy muốn xử dụng “vô chiêu thắng hữu chiêu” là phải hiểu rất rõ kẻ thù. Binh pháp Tôn Tử cũng đã dạy từ ngàn xưa.

Nhưng hồi ới, những người Quốc gia mình đã học được và học thuộc điều này chưa nhỉ? Đã không hiểu kẻ thù, thực sự ra vì chúng ta say mê chóng kẻ thù quá nên cũng không hiểu mình lắm. Chúng ta hô hào “cứ nước, dựng nước,” chúng ta hô hào “cứ người, dựng người,” những điều trước tiên là “cứ mình, dựng mình.” Một điều mà mọi chúng ta đều phải hiểu là cuộc chiến này, cuộc chiến thần thánh giải phóng đất nước, cũng đồng thời mở đầu kỷ nguyên thắng lợi của CON NGƯỜI trước Công sản (kỷ nguyên tả trắng trắng cổ hồng) đang hình thành và được tiến hành bởi chủ lực quân thợ thuyền và đông bào nông thôn. KHÔNG LÀ AI KHÁC (hết rồi huyền thoại liên minh công nông lâm cách mạng vô sản). Từ mỗi anh hùng đó, họ tự động dựng về phía TA (có thể họ chưa hoặc không cần

biết tới phía TA của họ mang lý tưởng cao siêu gì) để chống lại ĐỊCH (họ hiểu rất rõ là con sói cầm quyền Cộng sản với mọi lối nói ngon ngọt, của một mặt nạ nhân nghĩa). Tám năm nay, mỗi giờ, mỗi phút, những con người đó bình thần trực diện với kẻ thù. Họ đã tự tin là họ sẽ chiến thắng trong cuộc chiến quyết liệt và trường kỳ này — VÃ HỌ ĐÃ CHIẾN THẮNG — NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐÃ CHIẾN THẮNG— Điều này không còn là một mơ hồ. Tám năm. Tám năm đối với đời sống mỗi chúng ta là một quãng thời gian đáng kể. Nhưng đối với lịch sử của một dân tộc thì chỉ là một thoáng (tôi nhớ hai câu thơ trên mộ thi sĩ Đông Hồ tại nghĩa trang Mạc Đình Chi: một thoáng cổ kim chớp mắt, nghìn năm dấu bể trao tay). Trong tám năm, nhân dân VN đã làm nên chuyện phi thường. Họ đánh bại kẻ thù trong tư thế vững vàng và tự tin như tiền nhân đã làm trong mọi cuộc kháng chiến chống xâm lăng. Từ Nguyên, Minh, đến Cộng. Hung bạo, tàn ác như Mông. Gian manh, quỷ quyết như Cộng. Họ đều rất đủ khả năng, sáng kiến để tiến hành, cuộc kháng chiến. Ngày hôm nay, trên mọi tác đất cánh đồng, trong mọi xưởng máy, xí nghiệp, mọi góc đường hẻm phố đều là chiến trường và mọi tâm hồn, tấm tình người chiến sĩ Việt là một pháo đài chống Cộng. Nhân dân VN đánh bại Cộng sản trên mặt trận kinh tế, nhân dân VN đánh bại Cộng trên mặt trận tổ chức. Và quan trọng hơn cả, nhân dân Việt Nam đánh bại Cộng trên cả mặt trận chủ nghĩa, lý tưởng. Lý thuyết đấu tranh của Cộng đổ vỡ hoàn toàn trước nhân dân VN. Ai đẩy Cộng vào bãi đầm sa lầy không lối thoát như hiện nay? Nhân dân Việt Nam. Ai lột mặt nạ Cộng trước nhân dân, trước tổ quốc và trước thế giới? Nhân dân Việt Nam.

Anh Định thân, danh tử “nhân dân” ở đây bao gồm tất cả những người con dân Việt chưa bị nhuộm—dù là nhuộm đỏ hay nhuộm trắng. Tôi tự nhận là một trong những người cán bộ Quốc gia, cũng như anh, cũng như bạn bè chúng ta, và các anh, chị đã từng đi trước, và các anh, chị đang bước theo sau. Chúng ta đang sát cánh cùng đồng bào

(ôi chứ đồng bào có nghĩa là cũng một bọc nhấc đến huyền sử dựng nước linh thiêng biết là chừng nào) chúng ta đang hoà cùng đồng bào để chiến đấu. TIẾP NỐI lịch sử cha, ông dựng xây Cách Mạng. Không ai, không một giai cấp nào tự nhận mình có quyền lãnh đạo. NẾU HỌ KHÔNG ĐÓNG GÓP CÔNG LAO THỰC SỰ TRONG CUỘC CHIẾN ĐẤU NÀY. Phải không anh Định?

Tình thân,
Linh - Sơn - Linh





TUỔI TRẺ CHUNG TA

Có một số nhận xét, nhất là từ một số quý bậc cao niên, cho rằng tuổi trẻ ngày nay nông cạn và ích kỷ không còn tha thiết gì đến quê hương dân tộc, không còn lý tưởng và tâm hồn Á Đông mà chỉ nghĩ đến đồng tiền bát gạo, nhà lầu xe hơi bằng cấp công danh. Họ đã đánh mất những giá trị thiêng liêng như lòng hy sinh, tính trung dung, khát vọng lý tưởng, sự dấn thân phục vụ mà thay thế vào đó bằng những kèn cựa, bon chen, thờ ơ và vô trách nhiệm. Họ đã lăm hoen ố đi cái tuổi trẻ thần thánh của một Phù Đổng, một Đinh Bộ Lĩnh, một Trần Quốc Toản, một Nguyễn Thái Học hay một Quách Thị Trang. Họ đang đi trên con đường vong thân. Họ đang quay lưng lại với lịch sử dân tộc, với những hiện trạng đau thương của đất nước. Họ đang phụ lòng mong mỏi và tin tưởng của tổ tiên, của các bậc đàn anh và của 50 triệu người dân cũng khổ ở quê nhà. Những lời phán xét này

của các bậc phụ huynh về tuổi trẻ ngày nay trên đất Mỹ như vậy không phải là hiếm mà cũng không hẳn là sai, nhưng có lẽ hơi khe khắt vì không cảm thông được rằng tuổi trẻ Việt Nam đã và đang là nạn nhân của thế cuộc và sự thờ ơ của lớp người đi trước.

I. QUÁ KHỨ

Trước hết chúng ta hãy nhìn các quá khứ, cái gốc gác tâm lý của tuổi trẻ Việt Nam. Tuổi trẻ Việt Nam lớn lên trong một cuộc chiến kéo dài triền miên không phân định ranh giới, trong một xã hội nhiều nhưỡng mục nát, trong một nền kinh tế lạc hậu nhỏ lẻ, trong một thể chế chính trị độc đoán bất công và trong một nền văn hóa uỷ mị vọng ngoại. Cuộc chiến không rõ trận tuyến, không hướng giải quyết đã làm cho tuổi trẻ Việt Nam chán nản và thất vọng, mất đi tất cả các phân lý tưởng còn ngoi ngóp sống trong hồn dân tộc sau bao nhiêu năm mất chủ quyền. Họ lại càng mất tin tưởng vào tiền đồ của dân tộc và vai trò cũng như khả năng của họ vì thấy trong khi cả dân tộc đang chiến đấu hy sinh thì giới lãnh đạo tham ô độc tài. Trong cuộc chiến ấy những Phù Đổng, Đinh Bộ Lĩnh, Trần Quốc Toản, v.v... không còn đất dung thân thì tuổi trẻ Việt Nam không chán chường mỗi một làm sao được?

Nền kinh tế của một nước trong thời chiến thì đường-nhiên không thể lành mạnh và vững chắc được nhưng ngay cả đến cái thiện ý duy trì nền kinh tế ở mức độ khả dĩ chấp nhận được cũng không có nơi giới lãnh đạo. Giới lãnh đạo thiếu trong sạch đã dung túng cho gian thương lũng đoạn thị trường làm giàu nhờ thủ đoạn hơn là khả năng làm kinh tế. Người dân và nhất là các gia đình binh sĩ ngày càng xơ xác cùng quẫn. Tuổi trẻ có thể chấp nhận được khổ cực nếu khổ cực ấy có ý nghĩa nhưng không thể chấp nhận sự bất công và tặc trách như vậy. Họ đã cay đắng cảm thấy các giá trị cốt lõi của mình trước các giá trị vô biên của đồng tiền và quyền thế. Họ không thấy được lối thoát cho dân tộc trên bình diện kinh tế và càng thêm mặc cảm tự ti khi thấy dân tộc chỉ còn biết mong chờ nơi lòng tốt của chính phủ và quốc hội Hoa Kỳ. Tuổi trẻ Việt Nam có thể tự hào được không khi sống trong các nền kinh tế bấp bênh, nhỏ lẻ, và bất công ấy?

Song song với nền kinh tế bạc nhược là một chính quyền ung thối, giằng co cấu xé nhau vì quyền lợi và chức vụ. Người dân không có cơ hội chọn lựa người lãnh đạo vì hiến pháp cộng hòa không bao giờ được tôn trọng và bảo vệ, vì các chính khách chấp chính không qua hình thức dân chủ mà do gian lận hay bẽ phái trong các cấp chính phủ. Những người còn lương tri và lòng khảng khái để nói lên tiếng nói của người quốc gia chân chính thì bị chụp mũ cộng sản. Tuổi trẻ Việt Nam cũng như tuổi trẻ của bất cứ một quốc gia nào không thể thỏa mãn được với một thể chế chính trị chỉ tốt hơn chế độ cộng sản.

Họ ghét số chế độ cộng sản nhưng họ cũng thất vọng chế độ mang tên “quốc gia” thì họ quay về đâu, hướng về đâu?

Đã thế nền văn hóa dân tộc ngày một thêm bị hủy hoại bởi sự du nhập không chọn lọc của các trào lưu văn hóa Âu Mỹ. Các anh hùng dân tộc đã có công cứu nước và dựng nước chỉ còn một chỗ đứng rất khiêm nhường trong sử sách hay qua các kỳ lễ tưởng niệm chủ còn trong cuộc sống hàng ngày thì không được ngưỡng mộ và nhắc nhở nhiều bằng một tài tử hay minh tinh điện ảnh. Cái nhân nghĩa lễ trí tín và trung hiếu chung không còn sáng giá bằng một chiếc honda, một bộ đồ đắt tiền hay một mảnh băng trong cái nền văn hóa đảo lộn ấy tất cả những gì có tính thuần túy dân tộc thì bị coi là “cải lương,” “nhà quê,” lạc hậu, còn những gì học lóm được của Âu Mỹ thì cho là tây, là văn minh tiến bộ. Trong cái hoàn cảnh ấy thì làm sao tuổi trẻ Việt Nam vững lòng duy trì cái thuần túy và hãnh diện với cái góc gác văn hóa 5000 năm của nước nhà?

Tất cả những vấn đề kinh tế, chính trị và văn hóa ấy trong một hoàn cảnh chiến tranh kéo dài đã sản sinh ra một xã hội thiếu tôn ti trật tự, thiếu giềng mối luân lý, thiếu đến cả cái công lý tối thiểu để duy trì một xã hội. Các tệ trạng xã hội càng ngày phát triển dưới con mắt thờ ơ của giới lãnh đạo, thanh thiếu niên Việt Nam sa dần vào vũng lầy vong thân trước sự dửng dưng của các bậc đàn anh. Tuổi trẻ Việt Nam nhìn chung quanh chỉ thấy nghèo đói, chán chường, và tự ti mặc cảm.

II. HIỆN TẠI

Họ mang các hành trang tâm lý ấy đi tản sang một nước Âu Mỹ để đối đầu với một hoàn cảnh hoàn toàn mới lạ—một xã hội có trật tự và nề nếp riêng của nó, một văn hóa dựa trên những căn bản giá trị khác với chúng ta. Trong xã hội mới định cư này, tuổi trẻ Việt Nam đã đi từ hoang mang đến mất tự chủ, từ lạc lõng đến chìm đắm, từ thiếu tự tin đến thiếu tự trọng. Họ đã không tự chọn được một hướng đi, một tư cách, và một nếp sống phù hợp với bản thể của mình, phù hợp với nguồn gốc và giá trị luân lý của mình hơn là học đòi những cái mới lạ của xã hội Âu Mỹ một cách thiếu chọn lọc và không tới nơi tới chốn vì các góc da vàng Á Đông vẫn là Á Đông da vàng; hoặc ngược lại họ đã phủ nhận hoàn toàn cái xã hội bản xứ, đã cố gắng không hòa nhập vào một hoàn cảnh sống mới trong phản ứng tâm lý thù nhất, người thanh niên Việt Nam đã cố gắng tự biến mình thành người bản xứ qua quan niệm sống, cung cách hành xử, trò tiêu khiển và đến cả ngôn ngữ. Họ cố gắng tách rời khỏi cộng đồng tị nạn để cảm thấy gần với người bản xứ hơn, khinh thường tất cả những gì có liên quan đến dân tộc để cảm thấy giống người bản xứ hơn. Họ đã tự phủ nhận

trong hy vọng tự đồng hóa với người bản xứ. Nhưng càng nỗ lực tự đồng hóa thì lại càng thể hiện cái mặc cảm tự ti vì người bản xứ vẫn nhìn họ như những người ngoại quốc đến tị nạn sống nhờ. Có đến gần với người bản xứ cách mấy thì tâm vóc, màu da, tiếng nói, phong thái của người Việt Nam vẫn không hết được cái máu cái hồn Việt Nam. Họ chỉ tạm quên, tạm yên ổn tinh thần cho đến khi một biến cố xung đột trong đời sống sẽ làm cho họ bế bạng và tự nhận thấy cái thực chất của họ. Phản ứng tâm lý thứ hai phải nhận thực tế là đang sống trong một xã hội mới. Những thanh niên này chỉ giao du với người Việt, hoàn toàn sống trong cộng đồng người Việt để tự có lập khỏi cái không khí bản xứ ở ngoài. Họ quên rằng cuộc sống của họ luôn luôn bị chi phối bởi luật pháp và qui ước của xã hội họ đang sống, bởi những tiếp xúc và va chạm với người và các cơ quan bản xứ hằng ngày. Sống như vậy là sống trong ảo tưởng, sống xa rời thực tế. Sống như vậy không bao giờ vươn lên được cho bằng hay hơn người bản xứ. Sống như vậy là trốn tránh trách nhiệm và phủ nhận vai trò của mình đối với xã hội đang sống. Cả hai phản ứng tâm lý này đều tiêu cực ở chỗ không nhận chân được hoàn cảnh thực tế và tâm chất của mình. Cả hai phản ứng tâm lý này đều là hậu quả của sự va chạm cọ xát giữa hai nền văn hóa hoàn toàn khác nhau, giữa hai hệ thống luân lý cũng hoàn toàn khác nhau. Người trẻ Việt Nam được nuôi dưỡng trong một tinh thần Á Đông, thuần túy, trong một hệ thống giá trị dựa trên nền tảng tình người và trách nhiệm nhưng như đã nói cái tinh thần ấy, cái hệ thống giá trị ấy không đủ bén rễ sâu trong tâm hồn họ để đương đầu với cái quan niệm duy lý, duy vật chất của xã hội Âu Mỹ. Cái mộng mơ và lý tưởng của tuổi trẻ đang được dần dà thay thế bởi những đua đòi, bon chen. Cái tình gia đình và tinh thần trách nhiệm đang được dần dà thay thế bởi sự quên lãng, phóng túng. Cái nhuệ khí và lòng trung dung đang được dần dà thay thế bởi cái trốn tránh uy mị. Trong cái xã hội dù nhiều nhường của Việt Nam, dù thiếu sự chăm sóc hướng dẫn của người đi trước, tuổi trẻ Việt Nam vẫn còn thừa hưởng được cái quản tính của 5000 năm văn hiến để kềm giữ phần giềng mối kỷ cương còn sót lại. Nhưng thả người thanh niên Việt Nam vào một xã hội Âu Mỹ thì cũng không còn được cả cái quản tính đó nên sự vong thân đã đến tột cùng. Một số người còn quyền luyến với cái truyền thống dân tộc đang củng cố lại những quyền rũ của xã hội vật chất nhưng hành động của họ chỉ mang tính chất riêng lẻ và bộc phát để rồi dần dà bị vô hiệu hóa bởi hoàn cảnh và chính họ đôi khi cũng bị cuốn hút vào trong quỹ đạo chung.

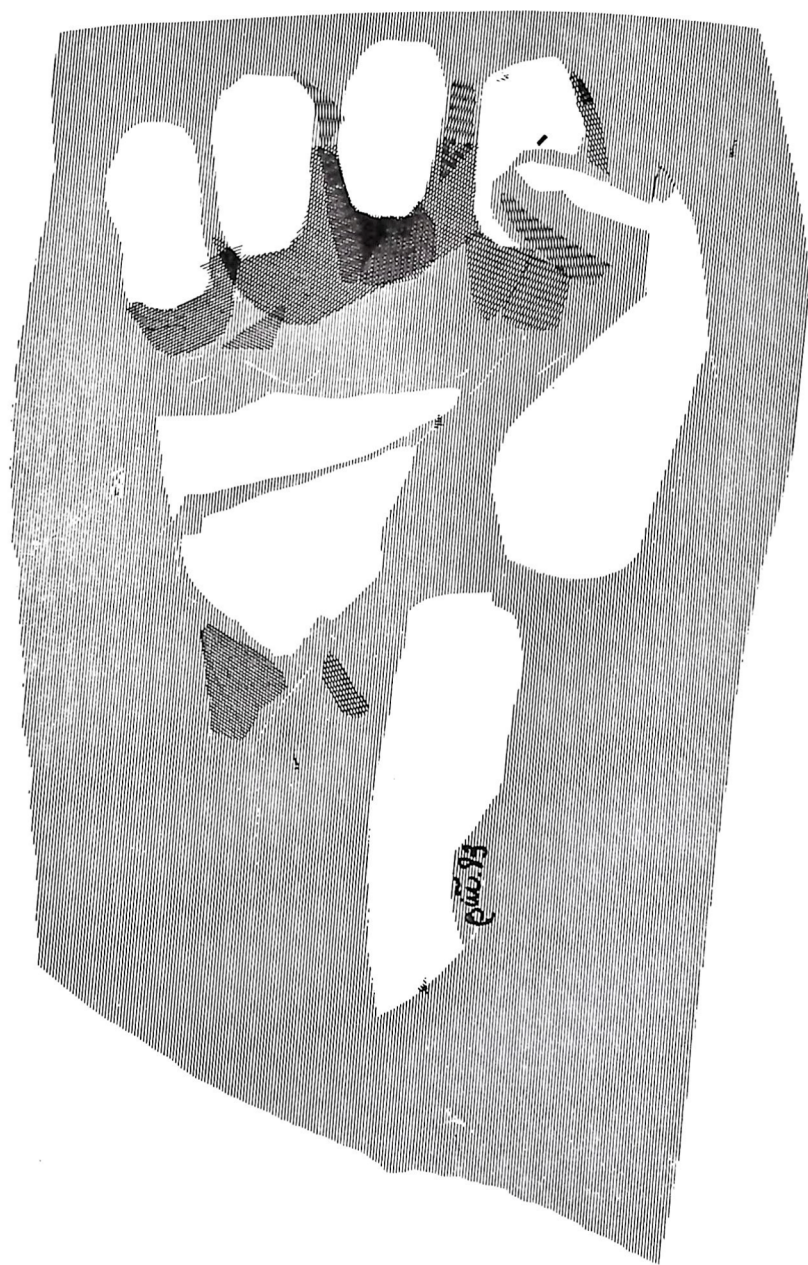
III. TƯƠNG LAI

Thế thì tương lai những đàn anh đi trước và những người trẻ còn nhận thức được và tự hào về nguồn gốc của mình sẽ phải làm

gi-bỏ tay làm ngò, chống chọi lẻ tẻ, hay có một phương hướng giải quyết qui mô? Làm ngò thì không thể được vì lương tâm và trách nhiệm không cho phép để thanh niên Việt Nam bị nạn tiếp tục làm nạn nhân của cuộc khủng hoảng bản sắc dù chọn một thái độ nào đi nữa tách rời hoàn toàn khỏi cộng đồng Việt Nam hay xã hội bản xứ thì cũng chỉ như con đà điểu vục đầu vào trong cát, cũng chỉ là một hành động trốn tránh tạm thời chứ không phải là một giải pháp cho vấn đề. Chống chọi lẻ tẻ cũng không đi đến đâu vì sẽ bị thất thế và lạc lõng giữa một trào lưu vong thân, những tâm hồn dù thuần túy dù khảng khái đến đâu cũng sẽ hao mòn dần và rồi rụng dần hoặc sẽ bị đám đông coi như là cổ hủ, lạc hậu, hóm hỉnh. Do đó một phương hướng giải quyết qui mô là cần thiết. Phương hướng giải quyết này trước hết cần sự lưu tâm chủ xứng và đóng góp của các bậc đàn anh sáng suốt và có lòng. Phương hướng giải quyết này phải tẩy cho kỹ hết mặc cảm tự ti, sự hoang mang nghi ngờ của tuổi trẻ, phải làm sống lại cái truyền thống hào hùng của dân tộc, phải làm sáng lại các giá trị luân lý dân tộc để người thanh niên Việt Nam có thể gắng đấu hòa nhập vào xã hội Âu Mỹ trên tinh thần tự trọng và tôn trọng lẫn nhau, để người ngoại quốc thấy rằng thanh niên Việt Nam có một phong cách thuần túy khác với họ nhưng đáng để họ chiêm ngưỡng hoặc ít ra là không coi thường. Làm được công việc này thì cũng coi như là đã húng khởi một trào lưu mới cho giới thanh niên Việt Nam nhằm duy trì văn hóa và truyền thống dân tộc tại các quốc gia tạm và chống lại mưu đồ huỷ diệt văn hóa và truyền thống dân tộc tại nước nhà của bọn Hà Nội.

Nói tóm lại, tuổi trẻ Việt Nam, hiện sẵn mang những mặc cảm về chính bản thân do hiện trạng của đất nước và sự thờ ơ của những người đi trước. Những hoài bão khát khao và lý tưởng của họ đã bị vùi dập bởi thế cuộc. Khi phải định cư trong một xã hội dựa trên những căn bản giá trị luân lý tư tưởng hoàn toàn khác thì họ bị hoang mang và cảm thấy bị bỏ rơi để đi đến chỗ phóng túng, vị kỷ, ngỗ ngược, bon chen, kèn cựa và thờ ơ đối với quê hương dân tộc và cộng đồng. Nếu thông cảm được với tâm trạng của tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại và nêu ý thức được trách nhiệm diu dặt của mình thì những người đi trước và những người trẻ có thành tâm cần phải khôi dựng lại một nền nếp sinh hoạt mới, một phong thái sống mới mang tính truyền thống cho giới trẻ nhằm giải quyết các vấn đề bản sắc cũng như vấn đề sinh tồn của dân tộc.

Lê Thị Nga



Chính Trị & Nhà Trường

Có chính trị* trong sinh hoạt của nhà trường hay không đã và đang là đề tài bàn cãi và ưu tư của nhiều hội cũng như cá nhân sinh viên học sinh. Nhóm chủ trương học đường phi chính trị quan niệm rằng trong nhà trường chỉ học hỏi về kỹ thuật, nhân văn mà tránh các sinh hoạt có dính dấp đến chính trị. Thứ nhất là để duy trì tính chất thuần túy của một học đường. Thứ hai là để tránh những xích mích trong nội bộ sinh viên học sinh; và thứ ba là khi còn cấp sách đến trường thì nên đầu tư tất cả thì giờ vào việc học tập. Nhóm chủ trương ngược lại trong đó có người viết thì quan niệm rằng: chính trị là một sinh hoạt cần thiết trong quá trình học tập trong nhà trường vì ba lý do. Thứ nhất là vì sinh hoạt chính trị trong nhà trường Mỹ là sinh hoạt hợp pháp và được khuyến khích. Thứ hai vì chúng ta là sinh viên tị nạn, nên nội việc ngồi học tại đất Mỹ này thay vì tại Việt Nam cũng đã là một hành vi chính trị rồi. Và thứ ba là vì kiến thức chính trị là một yếu tố không thể thiếu giúp mỗi người chọn một hướng đi đúng đắn trong cuộc đời.

Như đã nói, một số sinh viên ngại rằng các sinh hoạt có tính chính trị trong phạm vi nhà trường là làm phương hại đến tính chất thuần túy của một ngôi trường. Thế nhưng nếu nhìn vào mỗi nhà trường tại Mỹ nhất là các trường đại

học thì thường thấy có chi nhánh hoặc đại diện của các tổ chức và đoàn thể chính trị. Rõ ràng nhất, chúng ta thấy các ứng cử viên tổng thống, dân biểu, hoặc nghị sĩ thường đến thuyết trình tại các đại học về đường lối chính trị của mình. Nội san của các trường cũng thường có các bài viết phản ánh quan điểm chính trị của các nhóm hoặc cá nhân sinh viên học sinh. Sinh viên học sinh Mỹ cũng thường tham gia các sinh hoạt chính trị có tầm vóc toàn quốc hoặc quốc tế như trong phong trào phản chiến những năm 70, Phong Trào Sinh Viên chống Cộng trên Thế Giới, hay chống bành trướng vũ khí nguyên tử hiện nay. Tại một số tiểu bang, đại diện sinh viên cũng có quyền tham dự vào các quyết định của chính quyền tiểu bang. Ngoài phương diện hoạt động kể trên, ngay cả trong phương diện học vấn, chính trị cũng là một trong những môn khoa học xã hội được khuyến khích hoặc bắt buộc phải lấy kể cả đối với các sinh viên chuyên về kỹ thuật. Đây chỉ là một số ít ví dụ về sinh hoạt chính trị trong nhà trường Mỹ. Thế thì vì lý do gì chúng ta tự động tách rời chính trị ra khỏi nhà trường?

Một số sinh viên chủ trương học đường phi chính trị khác lại viện lý do là đưa sinh hoạt có tính chính trị vào nhà trường sẽ gây nên những va chạm, bất đồng quan điểm và có thể đi đến bạo động trong nhà trường. Chỉ bằng gác chuyện chính trị lại cái đã, cho ra khỏi cổng trường hoặc tốt nhất là cho học xong đã rồi hãy tính. Trong số sinh viên ấy có một số nghĩ rằng người cấp sách đến trường thì không phân biệt đảng phái hay lý tưởng chính trị mà chỉ có cùng mục đích là trau dồi kiến thức. Một số khác lại nghĩ rằng dù sao chẳng nữa thì cũng là người Việt Nam với nhau. Thân Cộng hay không cũng chẳng quan hệ gì miễn là đừng làm phương hại đến mình hoặc đừng tuyên truyền một cách trắng trợn. Quan điểm học đường phi chính trị kiểu này đã không nhiều thì ít dung túng một số phần tử thân Cộng tại các trường. Không những không tẩy chay, một số sinh viên học sinh chủ trương phi chính trị kiểu này lại còn giao du khá thân

mật với các phần tử thân Cộng trên tinh thần phi chính trị hoặc đã vô tình tiếp tay cho bọn chúng trong việc tuyên truyền cho Cộng sản. Theo người viết, thái độ dung túng này không thể chấp nhận được nói một người sinh viên tị nạn và biết suy tư. Các va chạm và bất đồng quan điểm có thể xảy ra nếu đưa chính trị vào nhà trường thường là thể hiện của và xuất phát từ những mâu thuẫn về lý tưởng. Trong hoàn cảnh của người sinh viên tị nạn thì những mâu thuẫn về lý tưởng ấy bắt buộc phải được giải quyết vì nó phân định đâu là bạn đâu là thù. (Ở đây xin phân biệt mâu thuẫn về lý tưởng với các dị biệt về tư tưởng giữa các anh em cùng lý tưởng). Mà kẻ thù thì chúng ta không thể dung túng. Chúng ta không thể dung túng những người đang trực tiếp hoặc gián tiếp tiếp tay với bọn Việt cộng trong nước để đẩy dọa cả dân tộc Việt Nam. Hơn nữa những người thân Cộng luôn luôn tìm cách tuyên truyền cho Việt cộng hoặc có những sinh hoạt với mưu đồ đưa chính trị vào nhà trường.

Người viết cũng không đồng ý với quan điểm cuối cùng là trong thời gian đi học nên tránh các hoạt động chính trị mất thời giờ, sau khi ra trường tính sau cũng chưa muộn. Dĩ nhiên, khi đi học thì nhiệm vụ chính là học hành chứ không phải vơ vét chuyện gì cũng làm để tổn hại đến việc học nhất là công việc học hành cũng là nhiệm vụ của mọi người theo đuổi lý tưởng giải cứu dân tộc và xây dựng xứ sở. Thế nhưng trước khi bước chân vào môi trường đại học chúng ta phải tự đặt câu hỏi: “Học để làm gì và vai trò của giai đoạn đi học này như thế nào đối với cuộc đời?” Đối với những người còn suy tư về vấn đề dân tộc thì đi học còn là chuẩn bị kiến thức, khả năng và trau rèn nhân cách cho một Việt Nam trong tương lai, ngoài vấn đề bảo đảm đời sống cá nhân và giữ một chân đứng trong xã hội Mỹ. Thế nhưng có một số người chưa đặt những câu hỏi trên khi bước chân qua cổng nhà trường. Vì vậy sinh hoạt chính trị giúp họ đặt câu hỏi ấy. Câu trả lời như thế nào là tùy mỗi người. Những vấn đề tiên khởi vẫn là câu hỏi cần phải được đặt ra. Một khi đã có câu trả lời thì mọi sinh hoạt của người sinh viên

đều hướng về mục đích đã chọn chứ không phải đòi học xong đã rồi mới đặt và trả lời câu hỏi học để làm gì. Riêng đối với những người thấy mục đích đi học chỉ nhằm bảo đảm một cuộc sống đầy đủ, vững bền, và an toàn thì sinh hoạt chính trị cho họ thấy rõ vị trí và nhiệm vụ của họ đối với cộng đồng Việt Nam tại Mỹ, đối với cả dân tộc Việt Nam, đối với xã hội Mỹ và đối với toàn thể nhân loại. Hơn nữa sinh viên Việt Nam học tại Mỹ thường không có cơ hội và động lực để tham gia các sinh hoạt chính trị của người Mỹ. Các môn học chính trị tại các trường Mỹ lại không hoàn toàn phù hợp với và hữu ích cho hoàn cảnh bị nạn đặc biệt của sinh viên học sinh Việt Nam. Như thế sinh hoạt chính trị không những giúp chúng ta đặt câu hỏi học để làm gì mà còn giúp chúng ta đạt được một câu trả lời đầy đủ và hợp lý hơn.

Tóm lại, sinh hoạt chính trị trong học đường xét về mặt lý lẽ là một điều hợp pháp và tự nhiên trong môi trường giáo dục tại Mỹ. Xét về mặt hành động là nhiệm vụ của mỗi người sinh viên học sinh bị nạn đối với dân tộc, và xét về tư tưởng là yếu tố quyết định hướng đi và mục đích của công việc học tập tại nhà trường. Theo đấy, đưa sinh hoạt có tính chính trị vào nhà trường không những là một điều khích lệ mà còn là một điều cần thiết phải làm và làm một cách mạnh dạn.

Hoài Nam Quốc

* Định nghĩa Chính-trị được dẫn đến trong bài “những bước luận-lý về chính-trị” đăng trong phần Nhân-loại.

Sinh Viên và Sinh Hoạt Báo Chí

~~~~~

Báo chí là tiếng nói chung của tập thể. Báo chí phản ánh tinh thần và lối suy tư của nhóm người đứng sau tờ báo ấy. Đối với sinh viên, tờ báo hay đặc san đã trở thành một truyền thống cố hữu không có không được. Hình như các bạn trẻ của chúng ta đã đồng ý rằng một tờ báo quan trọng như hơi thở, như một linh hồn nói lên tiềm năng mãnh liệt của ước vọng. Như thế, làm báo trong tập thể sinh viên Việt ty nạn cũng có thể đồng nghĩa với việc xây đắp một chiều sâu của suy tư trước một cuộc sống quá thiên về vật chất bề ngoài. Công tác báo chí sinh viên thường được thể hiện qua nhiều hình thức như: phát huy văn hóa, bảo tồn dân tộc tính, và ngay cả mục đích tuyên truyền, cổ động đấu tranh chính trị.

Với nét phác họa như trên về ý nghĩa của báo chí sinh viên, chúng ta thử duyệt qua những nét nổi bật của các tờ báo sinh viên đang được ấn hành. Rất nhiều những tờ đặc san của sinh viên hiện nay đã không thể hiện rõ ràng được đường lối, đa số có khuynh hướng viết lách theo đề tài tự do, và số đông trưởng ban báo chí được bầu lên không ngoài mục đích thu thập bài vở như một thư ký tầm thường trong vấn đề “chạy giấy” chuyên môn!

Viết văn theo đề tài tự do là hiện tượng “thả hồn đi hoang.” Người văn sĩ sinh viên có kiểm soát được mục tiêu mà mình phải đi đến hay không, hay họ sẽ đi loanh quanh

với hàng loạt tình cảm chìm nổi trong đời sống tỵ nạn và học hành hàng ngày? Dù sao đi nữa cái hiện tượng trên đang làm phát sinh và nảy nở tính thu động, yếu đuối, ru ngủ...

Kế đến, những đặc san của sinh viên phần nhiều không có phần nhận định tham khảo, suy luận... Không có hay không biết? Điều này phải chăng chứng tỏ rằng sinh viên Việt Nam tại hải ngoại chưa trưởng thành đúng mức trước trách nhiệm của mình? Không gì đáng ngạc nhiên hơn khi đọc một tờ báo sinh viên phát xuất từ một đại học lớn nổi tiếng lại có quá nhiều chuyện tình buồn thảm, có quá nhiều thương nhớ quá khứ một cách mệt mỏi thiếu tinh thần phấn đấu. Song song với loại văn chương ngái ngủ ấy lại đầy tràn những tiểu ký sự, những đoạn văn trữ thơ đến độ ngổ ngẩn. Đó có phải là chiều sâu tinh thần của những người đang đi học đại học, những người mà xã hội cứ chiều và đặt nhiều hy vọng ở tương lai?

Vấn đề kế đến cần phải đề cập là vai trò của những trưởng ban báo chí. Các trưởng ban báo chí không cần phải là những người biết hành văn điêu luyện hay vẽ vời. Các nhân sự này phải là tay có khả năng lãnh đạo, ngoài sự hiểu biết về chuyên môn. Trưởng ban báo chí còn có nhiệm vụ luận bàn với các sinh viên bè bạn về những đề tài viết rõ rệt. Trưởng ban báo chí phải giải thích để các bạn sinh viên thấu triệt sự lợi hại của vấn đề. Cần phải có những bài tham luận hoặc nhận định có tính đấu tranh chống Cộng sản. Ngoài ra cũng cần lưu ý lẫn nhau về những tác phẩm không giá trị hay đi ngược lại đường hướng Quốc gia Dân tộc. Trưởng ban báo chí phải tế nhị, linh động trong vấn đề chọn bài để tạo cho người văn sĩ sinh viên tập sự được cảm thấy thoải mái, được khuyến khích mà không bị chạm tự ái. Nên nhớ viết văn với sinh viên là một hành động dẫn thân can đảm.

Tóm lại, một tập san của giới sinh viên phải bao gồm nhiều lãnh vực dưới các thể bình luận, tham khảo, nhận định chính trị, khoa học, thơ, tranh, nhạc, chuyện phóng

tác, v.v... Vai trò người Trưởng ban báo chí là phải cố khuyến khích sinh viên viết càng nhiều càng tốt. Đó cũng là phương cách tạo sự trưởng thành trong suy tư về văn hóa Dân tộc cho lớp trẻ, giúp cho họ cố hoàn cảnh để trau dồi khả năng nghiên cứu và phân tích vấn đề, sau hết là tránh được tình trạng “tình cảm không người lái” sẽ đưa các bạn trẻ chúng ta xuống vũng lầy của tình cảm uỷ mị. Trước hiện trạng của đất nước, báo chí sinh viên tại hải ngoại phải xác định được vai trò và trách nhiệm của người sinh viên đối với công cuộc cứu nước hiện nay và dựng nước sau này; phải thể hiện được quan điểm chính trị và sự trưởng thành về tư tưởng của người sinh viên; và phải thực hiện được nhiệm vụ bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc.

Trước hiện trạng của đất nước, báo chí sinh viên tại hải ngoại phải xác định được vai trò và trách nhiệm của người sinh viên đối với công cuộc cứu nước và dựng nước sau này; phải thể hiện được quan điểm chính trị và sự trưởng thành về tư tưởng của người sinh viên; và phải thực hiện được nhiệm vụ bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc.

Vố Tuấn





# VIỆT NAM

có thể thực hiện một cuộc  
cách mạng dân tộc hay không ?

Bài này viết nhằm trả lời một người bạn lâu ngày gặp lại về một vấn đề được nêu lên trong một cuộc nhàn đàm, đó là khả năng làm cách mạng của nhân dân Việt Nam nhằm lật đổ chính quyền Cộng sản. Bài này do đó chỉ mang tính cách đóng góp ý kiến hơn là một bài khảo cứu.

Theo ý kiến của người bạn thì Việt Nam cũng như các nước thuộc tiểu khác chỉ là một con chốt trên bàn cờ quốc tế mà người chơi cờ là các siêu cường Mỹ, Nga, Tàu, Nhật... Do đó sự mất nước của miền Nam Việt Nam chỉ là một thỏa thuận trao đổi giữa các siêu cường nhằm tương nhượng quyền lợi chính trị và kinh tế. Mỹ không hề thua trận chiến tại Việt Nam mà cố ý bỏ rơi để đánh đổi lấy những quyền lợi khác như ở Trung Đông. Cũng do đó mà người dân Việt Nam ngày nay không thể làm gì được hơn là chấp nhận cái giải pháp mà quốc tế đã sắp xếp, chống đối chỉ phí công sức và mạng người. Người bạn ấy còn đi xa hơn khi cho rằng thay vì phá hoại làm cho dân thêm khổ thì đồng bào ở hải ngoại nên đóng góp về tài vật cho chính quyền Hà nội theo tinh thần “cán bộ được mười thì dân cũng được hai ba”.

Quan điểm cho rằng vận mạng của các nước nhỏ hoàn toàn do các nước lớn mạnh quyết định có đúng đắn, có giải thích được những sự kiện lịch sử hay không? Và có thực sự là nhân dân Việt Nam đành cam chịu số phận đau đớn tủi nhục ngày nay mãi mãi hay không?

Chúng ta hãy nhìn về lịch sử cổ kim của Việt Nam. Đầu thế kỷ 15, quân nhà Minh mượn cớ sang đánh Hồ Quý Ly để khôi phục nhà Trần mà thôn tính Việt Nam. Nhà Minh bên Tàu lúc ấy đang thời hưng thịnh nên cử hùng binh sang nước ta thế như nước vỡ bờ, quân Hồ Quý Ly không cự nổi nên đành chịu mất nước. Đến lúc nhà Hậu Trần khởi binh thì cũng vì lúc yếu nên chỉ được 7 năm thì tan. Đây là cái thế lực của ngoại quân nó mạnh hơn cái thế lực của họ Hồ hay nhà Hậu Trần. Nhưng sau đó vì quan quân tham ô, thuế má nặng nề, luật pháp dã man nên dân tình vô cùng thống khổ, trăm đường nhục nhã. Dù lòng dân đã trăm tầng phẫn uất nhưng thiếu tổ chức, thiếu kết đoàn thì cái tiềm lực tuy mạnh nhưng cái thực lực lại không có. Cho đến khi anh hùng áo vải Lê Lợi phát cớ khởi nghĩa, dùng chiến tranh du kích để tiêu hao lực lượng địch, dùng chính khí để thu dụng hiền tài và dùng nhân nghĩa để thu phục lòng dân. Sau 10 năm quân nhà Minh bị phân hóa vì nạn tham ô, bị một mối vi phong thổ khắc nghiệt, bị cô lập vì lòng dân căm và bị tiêu hao bởi chiến tranh du kích nên thế đã mòn lực đã kiệt mà đành thúc thủ. Lê Lợi đã biết khai thác cái đoàn binh của mình để vô hiệu hóa cái trường trận của địch, đã biết phối hợp các yếu tố chiến lược và chiến thuật để chuyển dịch từ thế mạnh sang thế yếu và từ thế yếu sang thế mạnh. Đây cũng là cái tướng quan thế lực quyết định thắng bại.

Nhìn lịch sử cận đại thì trong cuộc chiến Việt Nam vừa qua, quân đội Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũng bị tiêu hao bởi chiến tranh du kích và bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, và ngoại giao. Thế lực chính trị, kinh tế, và quân sự của Việt Nam Cộng Hòa bị suy giảm nhiều bởi

những cuộc đấu tranh xuống đường, nạn tham nhũng, những xấu xé trong nội bộ, sự cắt giảm chi viện của Mỹ và sự phá hoại của đặc công năm vùng. Nước Mỹ thì bị vây bủa bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chính trị, bởi các phong trào phản chiến trong nước và bởi dư luận quốc tế. Sau hội nghị Ba-lê thì cán cân lực lượng trở thành chênh lệch khi người Mỹ rút quân khỏi chiến trường miền Nam. Bắc Việt tiến chiếm miền Nam và chúng ta mất nước lại cũng được quyết định bởi tương quan lực lượng của hai phe tham chiến.

Trong lịch sử hiện đại, tuy thắng bại chưa ngã ngũ nhưng sự tương quan lực lượng lại lần nữa được thể hiện tại chiến trường Kampuchea. Kháng chiến Kampuchea lại áp dụng du kích chiến. Quân đội Việt Cộng bị phân tán lực lượng thành những chốt đóng quân rồi rạc khó khăn cho vấn đề tiếp viện và tiếp vận, luôn luôn phải phòng thủ trong thế thụ động. Nếu chỉ nhìn trên t<sup>u</sup>ơng quan về quân số hay tầm vóc giữa hai quốc gia thì kháng chiến quân Kampuchea đã bị tiêu diệt hoặc bị t<sup>u</sup>ệt liệt từ lâu, nhưng sự thực thì ngược lại, chính quân đội Việt Cộng đang ngày càng sa lầy trong chiến trường Kampuchea.

Xét 3 ví dụ trên thì chúng ta thấy một điểm tương đồng là mỗi t<sup>u</sup>ơng quan lực lượng tại khu vực quyết định thắng bại tại khu vực đó chú không phải là tổng lực của hai quốc gia tham chiến. Nếu so về tổng lực, có nghĩa là về dân số, thu nhập quốc dân, tài nguyên, quân số, ... thì nhà Minh là một đại cường quốc so với Việt Nam, nhưng khi xua quân sang Việt Nam thì đạo quân của Thoát Hoan, một bộ phận nhỏ của cái tổng lực, đã bị quân dân ta đẩy vào thế yếu về cả ba mặt thiên thời, địa lợi, và nhân hòa. Cuộc chiến Quốc Cộng vừa qua và trong cuộc chiến Việt Nam Kampuchea hiện nay lại càng chứng minh rằng t<sup>u</sup>ơng quan về tổng lực không phải là yếu tố quyết định. Trong cả 3 cuộc chiến này chúng ta cũng nhận thấy rằng chiến tranh du kích đã được sử dụng để triệt để phân tán lực lượng đối phương

nhằm tạo một tương quan lực lượng mà mình ở thế chủ động.

Tóm lại, khi nhận định về tương quan lực lượng chúng ta không thể chỉ căn cứ vào tổng lực của hai quốc gia tham chiến mà phải căn cứ vào tương quan lực lượng ở vùng tham chiến (kể cả các lực lượng không tham chiến nhưng có thể huy động được). Các siêu cường quốc do đó tuy là siêu cường trên mặt tổng lực nhưng lại bị hạn chế ở tại các khu vực tranh giành ảnh hưởng, về quân sự hay chính trị, nếu không phải ở trên lãnh thổ của họ và trong phạm vi chiến tranh cổ điển.

Quay trở lại với hiện tình Việt Nam thì thế lực chính hiện nay là nhà cầm quyền Hà Nội với bộ đội và công an của họ chứ không phải là Nga hay Tàu. Bộ đội Bắc Việt hiện đang bị phân lực trên 4 chiến trường—chiến trường miền Nam Việt Nam, chiến trường Việt-Trung, chiến trường Kam-puchea, và chiến trường Lào—nên đã mất thế chủ động về tấn công, chuyển vận, phối hợp, và tiếp ứng. Công an Bắc Việt trong nỗ lực phân tán nhân dân bằng chế độ kiểm soát và ly gián thì ngược lại bị phân tán mỏng bởi chính nhân dân bằng sự bất cộng tác và đề kháng tiêu cực xuất phát từ lòng căm hờn phản uất, và bởi phạm vi kiểm soát quá rộng lớn. Hơn nữa Việt Cộng cũng đang mất uy tín với dư luận quốc tế. Nếu chúng ta có thể tạo dựng các chiến trường, đủ để thao túng chính quyền Việt cộng, ngay trong ổ của chúng và nếu có thể vận dụng dư luận quốc tế nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự tham dự trực tiếp của Nga Tàu thì vấn đề lật đổ chính quyền Việt cộng chỉ còn là vấn đề thời gian.

Nhắc lại, trên đây chỉ là những ý kiến được ghi chép lại nhằm bảo vệ một quan điểm trong một cuộc phiếm đàm hơn là một bài khảo cứu mang tính chuyên môn. Tuy nhiên người viết hy vọng những ý kiến ấy sẽ khởi xướng các cuộc thảo luận sâu sắc hơn về vấn đề khả năng thực hiện một cuộc cách mạng bởi dân tộc và cho dân tộc.

VĂN THANH



Giấc Mơ Cửa Bé ■ *Bạch Mã*

Thơ: Anh Bộ Đội Áo Xanh ■ *Quỳnh Lưu*

Thơ: Tủ Khi ■ *Nguyễn Ngọc Phương*

Khoảnh Trỗi Xanh ■ *Nguyễn Tường*

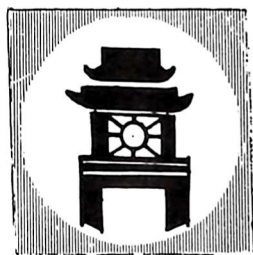
Giá Trị Ngón Ngủ

Thơ: Không Con Ai Vết Đất Bồi Ấy Lên ■ *Giang Hữu Tuyên*

Câu Cho Má Được Sống Đời Với Con ■ *Nguyễn Công Huân*

Thơ: Người Đứng Bên Bờ Đại Dương ■ *Hồ Đắc Ngọc*

⊕ **PHẦN SÁNG TÁC**



# GIẤC MƠ CỦA BÉ

**B**ây giờ là cuối mùa xuân, ở một thị trấn nhỏ ngoại ô thành phố Sài Gòn có một cô bé vừa tròn 15 tuổi, em ngồi ngoài hàng hiên và nhìn trời, đêm nay là trăng rằm, trăng tuổi em, tự dưng em buồn vô cớ — em nhớ lại, những năm trước, cũng vào ngày này, bố thường dẫn em dạo chơi, và khi về bố thường dúm vào tay em một món quà nhỏ — một phong kẹo, một quyển sách hay một chiếc kẹp tóc — món quà nhỏ nhưng làm em cảm động, bố không hề quên ngày sinh nhật của em. Em vẫn luôn luôn là Bé, là con gái cưng của bố.

Kể từ ngày Sài Gòn lọt vào tay giặc, bố dăm chiêu hằn, đêm đêm bố mẹ thầm thì bàn tính. Bố không còn đùa nghịch với em. Bố đi về thất thường và trên trán hằn những vết nhăn. Em hiểu lòng bố đầy những lo âu ray rứt, đôi khi em bắt gặp trong cái nhìn của bố một chút gì bất an khắc khoải, và những lúc đó em muốn sà vào lòng bố nũng nịu để xoa dịu niềm thao thức của bố, nhưng em thấy lòng mình mềm hẫng, bố là một khối cô đơn như đá thạch. Bố cầm nín và lăm lăm đi về thâm lặng. Lăm sao, lăm sao em có thể gây lại một nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt của bố.

Suốt ngày hôm nay, em hồi hộp đợi chờ – không lẽ hôm nay bố quên ngày sinh nhật của em – con gái rượu của bố, Bé của bố. Em không nghĩ đến món quà, em chỉ mong được nghe bố gọi “Bé lại đây với bố”. Em sẽ chạy vòng sau lưng bố, em sẽ đu người trên vai bố. Em sẽ kéo bố nằm xuống sa lông và lấy nhíp nhổ những sợi tóc bạc trên đầu bố, có lẽ em sẽ xót xa vì nhận ra tóc bố nay đã muối tiêu và em sẽ bảo khẽ vào tai bố: “Bố ơi, bố đừng lo lắng gì cả, chỉ cần có bố con mình, có đông đủ gia đình bên nhau, mình sẽ mãi mãi hạnh phúc.”

Nhưng bố vẫn im lặng – gương mặt đầy trầm tư, bố vẫn nhỏ dãi ngoại quốc rồi lên giường nằm, hai tay gác trên trán. Mẹ lặng lẽ thu dọn đồ đạc rồi thu mình trên di-văn khế thờ dài. Mấy đứa em chừng như cũng linh cảm điều gì bất an trong nhà nên cũng không dám đùa giỡn.

Riêng Bé, em thấy len lén trong lòng một nỗi tủi thân. Đúng rồi, hôm nay không còn ai nhớ ra là ngày sinh nhật em. Em ra hàng hiên ngồi. Bầu trời trong và đám cỏ thì thảo – em ngắm vầng trăng rằm – từ mấy năm nay, mỗi kỳ con trăng rơi nhằm vào tuổi mình, em hay chờ đợi và ngẩn ngơ với vầng trăng tuổi mình.

Em nhớ đến vầng trăng khuyết của tuổi 12 – vầng trăng cong và thon nhỏ như móng tay em vừa để dài để e ấp lăm lăm đáng. Lòng em đầy mơ mộng khi nhìn vầng trăng tuổi 13, “một vầng trăng khuyết ba sao giữa trời”, vầng trăng đầy then thùng và nũng nịu. Em nhớ nhung băng khuâng vào những đêm trăng 14. Lòng em rạo rổ như vầng trăng và những cơn gió vô tình đùa cợt trên má. Em ngượng ngập nhớ lại những ánh nhìn cầu thân của mấy chàng trai cùng trường. Bây giờ là trăng rằm. Ba năm qua, mỗi mùa trăng tuổi mình, em vẫn vờ theo dõi bóng trăng và nghe những xao xuyến nẩy nở trong lòng mình – những ước mơ thầm kín khó hình dung – nó nhẹ như sương mà phảng phất hương hoa quỳ trong gió.

Mười lăm tuổi, vầng trăng chưa quá mãn khai, nhưng đã

toả sáng cả bầu trời. Và Bé cũng thế, em bắt đầu trở thành một cô gái, còn rất nhiều e ấp những sáng láng dịu dàng biết bao. Em thâm hiểu, sang năm vầng trăng của tuổi mình đã quá tròn vẹn để từ đó sẽ tiếp nối những vầng trăng hắt hiu héo úa của tuổi 17, 18... tàn phai của tuổi 19, 20... Và rồi em sẽ chẳng còn mơ mộng với những vầng trăng. Em sẽ trở nên một người lớn. Em sẽ không còn là Bé của bố. Em muốn chảy nước mắt, một đôi con gái, một khoảng thời gian dịu với mơ mộng — rồi sẽ qua đi, những vầng trăng ngà ngọc, những ngày cắp sách đến trường luống cuống với những cặp mắt chiêm ngưỡng mình.

Em bước vào nhà. Bố vẫn còn gác tay trên trán nằm dài trên giường. Mẹ thì cầm cui may áo. Mấy đứa em lấm lét học bài. Hình như em linh cảm, có điều gì bất thường sắp xảy ra. Em không đoán được bố đang dự tính những gì — có lẽ một điều gì quan trọng lắm. Em ra sa-lông bật đèn nằm một mình. Quả thật hôm nay bố đã quên ngày sinh nhật em. Em rưng rưng muốn khóc. Em nhìn cây đèn giữa phòng khách. Cây đèn có một cái chụp đèn màu vàng cam. Trên chụp đèn có in hình tám vị tiên bằng những nét ẩn họa linh hoạt. Những lúc lòng buồn quá đổi, em thường vặn đèn để nhìn những vị tiên như sống dậy, những cử động chột búng dây trên chụp đèn. Em cảm thấy mình đang trò chuyện với ông tiên cưỡi ngược trên lưng lửa. Một ông tiên khác đeo trên vai một bầu rượu đang nheo mắt cười diều cợt với em. Và một bà tiên cầm lẵng hoa chững như đang hát cho em nghe. Những vị tiên dường như đang gởi gắm với Bé đôi điều. Em nhắm mắt và nghe từ cõi xa xăm, những lời vỗ về an ủi.

\*

\* \*

Em thấy mình đang lạc giữa một vùng sương khói, bênh bông như một đám mây trắng, thâm thì tiếng suối từ xa vọng lại. Bước chân em lướt nhẹ trên lớp cỏ ướt, con





chớm nụ, vạn vật đang hồi sinh sau một mùa đông giá rét, nàng thả bộ dọc theo một thung lũng đến một giòng suối bạc. Không ngăn được lòng mình, nàng tháo hài rửa chân bên giòng suối, và trong một phút thẳng thốt định mệnh, nàng lao đao nghiêng mình vì một phiến đá tròn, chiếc hài rơi xuống giòng nước và trôi về phía hạ lưu.

Do một sự dun dủi của đất trời, dưới hạ lưu giòng suối có một thư sinh đang ngồi vọng cảnh, chàng nhòa người vớt chiếc hài và lần theo giòng suối đi lên tìm người đẹp.

Theo tục lệ Trung Hoa cổ, một người con gái luôn luôn giữ kín đôi chân mình, kẻ nào nhìn được đôi chân trần của người con gái cũng thể như nhìn nàng khoả thân. Do đó, chàng thư sinh, khi thoáng thấy người đẹp đang luống cuống từ đằng xa, đã kín đáo đi vòng theo đường lộ và đặt chiếc hài trên phiến đá, rồi bỏ đi không ngoái lại.

Sau một hồi ngẩn ngai, Lam Thế Hòa đi lại phiến đá xanh lấy chiếc hài mang vào chân, và nàng trở về điền trang mà lòng đầy băng khuâng. Chàng thư sinh ấy quả thật đã bỏ đi hay hảy còn lẫn khuất đâu đó? Và đến bao giờ ta mới gặp lại chàng...

\*

\* \*

Không, chàng thư sinh ấy không hề đành đoạn bỏ đi. Phép lạ chỉ đến một lần trong một đời người. Chàng ẩn mình sau một lùm cây và thả bước theo nàng từ một khoảng xa, và từ đó mỗi chiều tà trên cầu thạch đến điền trang, có một kẻ hào hoa ôm đàn gảy khúc tỳ bà – khúc nhạc nâng tiếng hát của kẻ tình si đến lầu ngọc...

Lam Thế Hòa nhìn Bé, nàng nhớ lại, thương lòng nàng xao xuyến với khúc nhạc văng, nàng cũng trẻ tuổi em, tâm hồn nàng cũng trong như nắng lụa, nhẹ như tơ trời. Cũng có lúc nàng e ngại trước cái nhìn khẩn khoản của gã si tình ấy, có lúc nàng sợ hãi vì tiếng dầm tiếu hay chế riếu của gia đình

hoặc người quen, cũng có lúc nàng lúng túng vì quanh mình có quá nhiều đôi mắt người lạ soi mói rình mò.

Nhưng gã si tình ấy, gã Lữ Đồng Tân của mấy nghìn năm xưa, vốn dĩ thuộc nòi tình, chẳng bắt cần những đôi mắt lạ, chẳng thản nhiên trước những lời dâm tiếu. Nhớ có lần trảng đĩnh trong điện trang xua chó dữ ra đuổi chàng. Chàng bình tĩnh nhìn con chó nhảy xổ vào cắn nát áo chàng, chàng an nhiên nhìn giồng máu chảy xối xả từ về đùi, chàng đâu sợ gì những đòn đau tằm thương nơi thân xác. Bởi khi lòng yêu ai, thế giới đâu nghĩa lý gì ngoài người đẹp chân trần bước nhẹ bên giồng suối...

Lông thanh của chàng đã khiến Lam Thế Hòa xiêu lòng, nằng bở điện trang cố quận để theo chàng vân du khắp cõi. Rồi từ đó, trên cõi núi xa sông rộng có hai kẻ yêu nhau hoà tiếng tiêu cầm với lời thơ trữ tình vọng về muôn kiếp. Và rồi đôi lứa đi vào cõi thiên thai. Chàng Lữ Đồng Tân trở thành vị tiên của Thi ca, người làm mới ngôn ngữ, làm nhiệm màu tâm hồn và thánh hóa những cuộc tình của những đôi lứa trọn vẹn tình sâu.

“Làm sao biết được mình gặp người bạn thiết”. Câu hỏi của Bé khiến Lam Thế Hòa chìm ngập trong những xao xuyến xa xưa, khi lông mình đã được thực sự cảm hóa, người bạn ấy sẽ trở nên mãi mãi duy nhất, mãi mãi gắn liền vào đời mình như một tiền định. Nàng tiên vuốt tóc Bé và bảo khẽ:

— “Em hãy gặp vị tiên áo xanh đang ung dung lại đây, đó là Lữ Đồng Tân, người bạn thiết của tôi, người sẽ giải đáp cho em mọi câu hỏi tế vi nhất của tâm hồn.”

Lữ Đồng Tân tay cầm phát trần, áo đoạn bào, ung dung tiêu sai, từ nghìn năm qua, bởi sống tương thông gắn bó trọn vẹn với Lam Thế Hòa, nên ngay từ một thoáng nhìn, chàng có thể nhận biết ngay những nỗi niềm của tri kỷ. Chàng nói nhẹ như thể trả lời Bé:

— “Mỗi người con gái là một cành hoa, như Bé là một nhánh huệ tình khiết, hoa sẽ tỏa hương lâm phong phú đời

người. Mỗi cành hoa sẽ trở nên tuyệt diệu duy nhất đối với kẻ nào biết nâng niu chiêm ngưỡng nó. Và em thấy không cả một vườn hoa đầy màu sắc muôn vẻ kia sẽ vô duyên tử phận biết chừng nào nếu không có những kẻ thấu hiểu niềm bí ẩn tuyệt vời của nó”.

Lữ nhìn đôi mắt long lanh của người tình và nói với Bé “Người bạn thiết em muốn tìm, phải là kẻ có tâm hồn tận tụy của kẻ làm vườn, suốt đời vun xới trung thành với đóa hoa yêu dấu của đời y. Kẻ ấy, xuôi theo giòng định mệnh. Có khi đầy nghiệt ngã đắng cay, sẽ tìm đến em, sẽ nâng niu, gìn giữ và trân trọng với hương trinh khiết mà em dâng hiến...”. Lời họ Lữ trầm xuống như gọi đến cùng muôn hoa và những nỗi niềm thầm kín của lứa đôi: “Em thấy đó, người bạn thiết chỉ đến với những ai soạn sẵn đời mình để đón nhận, dịu dàng sáng láng như em, sớm muộn gì rồi cũng sẽ gặp người bạn chân thật của đời em...”

Bé ngáp ngừng hỏi:

– “Thưa tiên ông, nhưng biết đến bao giờ...”

Lữ cười nhẹ và bảo:

– “Như ngọn gió, đến từ cõi nào không ai biết, đi từ lúc nào chẳng ai hay. Chỉ biết những cành hoa chợt rung động quện hương phảng phất đâu đó... như từ một giấc ngủ triền miên, chợt thức dậy, một cành huệ trắng lung linh.”

Giọng họ Lữ thật thông dong, như tiếng từ nghìn xưa vọng lại.

– “Người bạn thiết ấy, đối với tâm hồn người đồng điệu, là một kẻ, bao giờ cũng đến quá chậm... và ra về quá sớm...”

Bé lập lại trong trí những điều họ Lữ vừa nói “người bạn thiết ấy bao giờ cũng là kẻ đến quá chậm và ra về quá sớm.” Chẳng đến không hề báo trước, ra đi âm thầm như ngọn gió thoảng, và lòng Bé, như hòa âm của cây đàn, đang chờ ngọn gió nhiệm mầu để reo vui niềm hạnh phúc trọn vẹn và bất tuyệt. Em xao xuyến âm thầm với vầng trăng 15 đêm thắm của tuổi mình. Em nhìn Lữ Đồng Tân và Lam Thế Hòa



đang sánh vai bên nhau nơi phiên đá. Hạnh phúc, những ước mơ đang bay cao trên đôi em. Đó là một phép lạ, một nhiệm màu hay chỉ là một ảo ảnh?

Như đọc được niềm băn khoăn của Bé, Lữ Đồng Tân đứng dậy nắm tay em dẫn về một phía lều cỏ khuất sau rừng cây xanh, ông ta nói bằng một giọng vỗ về:

— “Điều cốt tủy không phải là lúc nào hay bằng cách nào người bạn thiết đến với em — chàng sẽ đến, nhất định sẽ đến nếu em giữ mãi được tâm hồn sáng láng. Điều cốt tủy là em, em phải phong phú đời mình để chờ đón phút hòa hợp với chàng.

Phép lạ chỉ đến một lần cho một đời người, với những ai không biết dọn lòng mình để đón nhận, với những ai mụ lòa tâm hồn, u mê tử chối hay phụ rầy — Phép lạ, sự nhiệm màu sẽ trở thành ảo ảnh.” Lữ chỉ về phía đường mòn và nói:

— “Ta giới thiệu với em một người bạn ta, vị tiên của âm nhạc — là kẻ sẽ truyền cho em cách phong phú tâm hồn...”

Hàn Ngọc Cầm vốn là một kẻ sĩ sinh trong thời loạn, giữa cuộc chiến khốc liệt đầy rẫy tham vọng của những kẻ mưu đồ bá nghiệp thời Chiến Quốc. Hàn bỏ bút nghiên lên núi hái cỏ kết lá dựng lều sống cảnh thiên nhiên, ngày tháng tiêu dao nổi chốn thâm sơn cùng cốc. Chàng mở lòng mình tương thông với muôn thú, lắng nghe tiếng đế thừ thầm, tiếng nai tình tứ, tiếng chim nô đùa, tiếng vạc hắt hiu. Có một lượt, chàng gặp một con khỉ mẹ đang gào thảm thiết, tiếng gào xé ruột não nùng trong đêm khuya bên con khỉ con vô tình sa bẫy, con khỉ mẹ gào đến khi máu đỏ tuôn rỉ trên đôi mắt ngầy dại, và chết đứt ruột bên xác con.

Muôn thú đầy chí tình, chỉ con người mới nhấn tâm chà đạp con người. Hàn suốt tuổi thanh xuân hòa hợp với muôn thú và hiểu được điều cốt tủy của âm thanh. Chàng hiểu sự cách ngăn của tâm hồn vốn do ngôn ngữ, thứ ngôn ngữ đầy trá ngụy lọc lừa phản ánh bản chất trí trá của con người. Âm nhạc là tiếng gọi của tâm hồn thuần khiết, và từ

đó, chàng gói lồng chàng vào tiếng tiêu để ngợi ca sự nhiệm mầu của thiên nhiên và tình người.

Quán thông được sự hòa hợp của tâm con người và vũ trụ, tiếng tiêu chàng bay vút vào cõi toàn bích – như một loài chim quý, càng bay cao tiếng hát càng hay, tiếng tiêu chàng càng tỏa rộng với đất trời càng trở nên phong phú.

Nhưng rồi tiếng ta thán của lê dân vọng đến chín tầng uất hận, cảm nhận trách nhiệm của kẻ sĩ, Hàn cầm tiêu xuống núi. Tiếng tiêu Hàn vọng từ bên sông, đầu chợ góc đình. Phảng phất trong nắng sớm, hắt hiu trong chiều tà để con người quên bao phiền muộn. Từ những khu chiến khốc liệt sát khí, Hàn cất tiếng tiêu nỉ non như lời người vợ trẻ, nũng nịu như tiếng con thơ vùi quâ. Nói những chốn triều đình điện ngọc đầy âm mưu giả trá, tiếng tiêu vọng về như tiếng suối reo, tiếng lá cây thì thầm chuyển đạt cảnh hờn nhiên chân chất. Hàn cất gót khắp chốn điền dã thị thành, ở đâu còn tiếng khóc u uất lầm than, chàng gói tiếng tiêu vào an ủi, ở đâu con người sống trong khốn cùng áp bức, chàng góp tiếng nhạc đấu tranh.

Và cứ thế trên đoạn đường ruổi rong phiêu bạt, chàng đem tiếng nhạc đi mời gọi con người trở về với cõi nguồn chân thực. Như một đứa trẻ, một hôm chợt nhận ra trái tim mình nồng nàn yêu thương, nó ôm trái tim vô nhiễm đi khoe khắp lối xóm, Hàn đem tiếng nhạc đi khắp các nẻo đường để an ủi những tâm hồn tủ nhục và rao giảng niềm vui, niềm vui đích thực khi con người đoạn tuyệt với ngôn ngữ giả trá và trao gởi nhau bằng ngôn ngữ hồn nhiên và trong sáng của âm thanh.

Khi trở lại quê hương mình, Hàn gặp cảnh hỏa ngục do một lũ giả hình được thời gậy bá nghiệp khống chế lương dân, coi sinh mệnh con người như con sâu cái kiến. Hàn quyết định ở lại quê hương và đem tiếng tiêu lâm vũ khí để hòa với lớp người thống khổ vùng lên đấu tranh. Tiếng tiêu chàng len lỏi khắp hang cùng ngõ hẻm, hào hùng như từng lớp sóng cuộn cuộn thôi thúc ngày vùng dậy của lớp người

bị áp bức. Lũ cầm quyền hiểu được sức mạnh của tiếng nhạc chàng nên đã dùng đủ mọi thủ đoạn để mua chuộc, khi vuốt ve phũ dụ, khi dọa nạt hăm he, cho đến ngày, biết không khuất phục được chàng, chúng đem chàng giam cầm, lưu đầy chàng vào những chốn rừng thiêng nước độc.

Thời Hàn sống cũng như thời Bé bây giờ, người ta giết chết nghệ sĩ, tiêu diệt những tài hoa và phỉ nhổ nghệ thuật. Nhưng không ai ngăn được lời ca — với bao đoạ đầy thống khổ, với tấm thân tàn ma dại lê la nơi chốn núi độc rừng sâu... chàng vẫn hòa mình với đám trẻ thơ và phở tiếng lòng quần chúng vào những bản đồng dao. Chàng vẫn bất chấp mọi thử thách đe dọa để luồn vào tiếng ca, ý nhạc những nỗi niềm của đám nhân gian khổ ải.

Không ai ngăn được lời ca. Những thế lực hành hạ Hàn Ngọc Cầm rồi đều sụp đổ — nhưng Hàn trở nên bất tử vì vẫn được nhắc nhở đến như là tác giả của nhiều vần kinh thi đầy nhân tính. Cho đến ngày chàng theo bóng chim góp nhạc về trời. Hàn Ngọc Cầm trở nên Hàn Tương Tử, một trong tám vị tiên. Chàng trở thành vị tiên của âm nhạc.

Hình như mọi nghệ sĩ chỉ kết thân được với trẻ thơ và những ai có tâm hồn không vướng bụi, như Bé, Hàn Tương Tử đón Bé thân mật như đón một người bạn thân từ kiếp trước. Và không cần những lời lẽ rào đón, Hàn cất tiếng tiêu mời em vào cõi tuyệt vời của âm nhạc. Tiếng tiêu khởi đi nhịp “thủy” khoan thai mở lòng Bé vào những ngọn đồi chập chờn trong làn mây trắng, đám cỏ mượt đuổi bắt nhau theo từng ngọn gió dịu dặt và tiếng suối thì thào đôi điều thầm kín. Tiếng tiêu thoát chuyển sang nhịp “xê” đầy phong ba bão táp, với tiếng sắt tiếng chùy dồn dập nghiêng ngửa. Thiên nhiên giáng trả những thiên tai lũ lụt vì con người đắm chìm trong u muội đã tàn phá thiên nhiên và chính mình. Sau những cuồng nộ kinh hoàng, tiếng tiêu hạ nhịp “thương” đưa Bé vào cảnh đêm khuya có chính phụ ôm con ngóng vầng trăng ủ dột, có cảnh chiến trận lúc tàn cuộc, binh giáo ngổn ngang, thấy người chông chất và những bãi tha ma, hắt hiu những linh hồn vất vưởng. Tiếng tiêu



trở lại cung “hồ” đầy tươi sáng phần khởi, như những nụ hoa chớm nở, cành cây đơm lá, vạn vật đang hồi sinh và từng tiếng chim riu rít thiết tha mời gọi con người trở về với cảnh thái bình xưa cũ. Và cuối cùng tiếng tiêu quay về nhịp “cổng” khoan dung, đầy hội vui, cây cổ giao hòa trong tiết trời tỏ rạng, vạn vật phối ngẫu trong toàn bích và bất tuyệt. Bé nghe tiếng tiêu rào rạt chuyển giao lòng mình qua những tình tự sâu thẳm mà tiêu dao, như một giòng sông qua những cơn cuồng nộ hồng thủy đã trở lại bình an và đầy ân cần nương tựa.

Trong không khí thánh hóa siêu thoát ấy, em đặt tay vào gấu áo Hàn Tương Tử và ngẫm hỏi, câu hỏi thiết thân vấn ám ảnh em từ độ lòng em vừa xao xuyến với ánh trăng 13 “Lâm sao, lâm sao em biết được mình gặp người bạn thiết”. Em nghe phảng phất câu trả lời của Hàn, câu nói của chàng nhạc sĩ hay hồn nhạc vọng từ cõi toàn bích của âm thanh!

– “Người bạn thiết ấy, như một phép lạ, sẽ đến bất chợt nhưng sẽ mãi mãi bên em, như âm nhạc là kết tinh của những gì tinh khiết của đất trời, chỉ đến với ai dọn sẵn lòng mình để đón nhận. Ngôn ngữ vốn đã bị con người chà đạp cưỡng ép và hủy hoại, lời nói đầy những trá ngụy và hàm hồ. Vì thế, chỉ khi con người cảm thông trọn vẹn với nhạc, con người sẽ hiểu được tinh túy của ngôn ngữ. Và người bạn thiết, là kẻ sẽ nói với em bằng ngôn ngữ không gian dối, không trá ngụy hàm hồ, là người sẽ nói với em ngôn ngữ của âm nhạc, của cái đẹp, cái thật muôn đời...” Giọng nói Hàn trở nên tha thiết, “Người bạn thiết ấy, như âm nhạc, sẽ làm phong phú đời em, và cùng em làm phong phú đời người – những kẻ đồng điệu sẽ nói với nhau bằng một thứ ngôn ngữ mới – ngôn ngữ của chân tình, vị tha và hòa hợp.

Phải làm mới đời nhau, đó là nhiệm vụ của người bạn thiết, làm mới đời nhau là một hình thức của sáng tạo... Ta sẽ dẫn em gặp bạn ta, người sẽ chỉ cho em làm sao để hội nhập lòng mình với người bạn thiết. Bạn ta vốn ít giao du



với kẻ lạ, nhưng với tâm hồn sáng láng của em, ta tin bạn ta sẽ đón em vào thế giới của ông ta — thế giới của hội họa, thế giới của cái đẹp vĩnh cửu, của sáng tạo. Và ông ấy sẽ chỉ cho em, qua nghệ thuật, người bạn thiết của em, sẽ đến với em bằng đường bay tuyệt vời của sáng tạo.”

\*



Hình Thiết Sử trầm tư trong căn nhà cổ, khung hình đã dựng lên, màu sắc đã pha sẵn, hình thể đã phác thảo trên khung - những đường nét hài hòa uyển chuyển phối hợp trong một bố cục cân xứng và tròn vẹn - bức tranh của một người nữ, tóc xỏa buông lung theo làn gió hắt hiu của một chiều tà rực rỡ chói lọi những đường như đang chuyển sang tàn phai héo úa.

Chất liệu, đường nét đều sẵn sàng trên khuôn, sao tác phẩm vẫn chưa hoàn tất, có phải vì Hình đã già cỗi, tay Hình đã run rẩy, lòng Hình đã thấm mệt?

Hình nhớ lại, thuở còn trên dương gian, chàng thường ngao du trên một đỉnh núi tuyết - và chàng trầm tư trên đỉnh núi trọn mùa đông rét mướt để chờ ngày hẹn với một loài chim đi trốn tuyết, mỗi đầu xuân chuyển cảnh trở về tổ ấm - chàng yêu đôi cánh hồng mỗi lượt vỗ cánh vút tận tầng mây, chàng ao ước được như chim phóng trái tim vào cõi trời rộng, vượt qua những hệ lụy tầm thường của cuộc sống.

Rồi từng mùa đông, trong cơn lạnh căm gan của đỉnh núi tuyết, chàng vẽ lại trong trí con chim ước hẹn của mình, nỗi hoài vọng nung nấu lòng chàng nên khi cầm cọ, hình ảnh cánh chim hồng chợt linh hoạt hẳn trên khung vải - người vật dần dần tưởng thông đến nỗi chàng có thể rồi theo bóng chim đáp xuống một giếng sông rộng đưa cột với đám lục bình hay khi chim nương theo cơn gió lộng rong chơi trên những cánh rừng ngút ngàn, hoặc cả những phút, lòng chàng chợt đau nhói khi chim mỗi cánh rơi rụng giữa biển khơi.

Chim bay trên trời rộng, trái tim chàng mở hội đón chim - lòng chàng thên thang gợi theo chim qua nhiều miền đất lạ - những bức tranh vẽ chim của chàng dần dần như thần bút. Có kẻ phàm phu lạc bước đến lều cỏ chàng đã run mình kinh hoàng vì trong cảnh giá buốt chiều đông, chợt nghe tiếng chim ròn rã từ những bức tranh của chàng - lều cỏ đầy tiếng chim, chim từ muôn phương tụ về trong tranh tạo nên một mùa xuân đầm ấm ngay trên đỉnh núi tuyết.

Trải nửa đời người chỉ sống và vẽ chim, chàng bẻ cọ xuống núi — chàng đã đạt được mức tương thông giữa người nghệ sĩ và tạo vật. Ánh mắt chàng, cây bút lông, chiếc cọ sắt — tất cả hội tụ trong vũ trụ của đường nét và màu sắc. Người ta kể lại, chàng vẽ cây — cây kết trái, vẽ hoa — hoa mẩn khai, vẽ trẻ — trẻ ca hát, vẽ người — người reo vui. Những bức tranh chàng trở nên những thế giới sinh động. Khi vẽ hùm beo ác thú chàng không dám tô móng vuốt vì e rằng muôn thú sẽ từ tranh phóng ra gây náo loạn. Khi vẽ rồng chàng không dám điểm nhãn vì ngại rồng sẽ bay vào cõi trời cao.

Khi xuống núi, lòng chàng quặn đau khi thấy quê hương chàng, cũng như quê hương Bé ngày nay, đang chìm ngập trong rên xiết dưới ách thống trị của một bọn giả nhân ngu muội. Không thể ngoảnh mặt làm ngơ, chàng biến đổi mình làm người chứng để ghi lại cuộc đấu tranh hùng tráng của dân tộc chàng. Và từ đó tranh chàng càng thêm rực lửa. Cảnh ngày mùa trong tranh chàng dục đã con người vùng lên phá xiềng xích, tiếng trống ngũ liên thôi thúc nhịp nhàng, sức chịu đựng hiên ngang của anh nông dân trước bao sưu cao thuế nặng, ánh nhìn u uất của nàng thôn nữ khi nhìn bó gao đầu mùa bị bọn cường quyền cưỡng ép thu mua ... tất cả đã bóc trần bộ mặt đạo tặc của bọn cầm quyền. Tranh vẽ nạn đói của chàng đã tố cáo chính sách kinh tế phi nhân, những đứa bé bụng ỏng da bọc lấy xương, những cụ già oằn mình mót lúa ... nhưng từ đó tiềm ẩn một sức đối kháng không gì khuất phục nổi của lớp người cùng khổ trước đòn ép bao tử dã man.

Từ vai trò người chứng, chàng góp tài họa như vũ khí vào cuộc chiến đấu chung, qua tranh chàng, chiếc gậy tầm vông thành mũi giáo, lưỡi hái thành thanh gươm, giọng hò gáo khoa vang như tiếng hịch truyền, cái mo tre đôn sơ trở thành tiếng loa gọi. Chàng tự nguyện từ bỏ vai trò một nghệ sĩ đóng vai trò người xung kích. Giặc cầm đầu tranh chàng, chàng vẽ trên tường, ngoài bờ thành, nơi cửa quan lộ.

Giặc đem sơn xóa tranh chàng, chàng kiên trì dùng đục dùng dũa khắc trên vách đá, ngoài miếu cổ, nơi đền xưa. Giặc truy lùng, chàng nương mình trong sự che chở đầy ân tình của quần chúng uất hận. Giặc tung chó săn bủa vây, chàng ẩn nấu nơi căn cứ địa của đấu tranh là những nông trại hoang vu ngoài bìa rừng. Ở đấy chàng truyền tài nghệ cho đám thiếu niên sơn trẻ, mở rộng màn lưới xung kích văn hóa tỏa ra khắp các ngõ đường quê hương.

Càng đi sâu vào cuộc đấu tranh của quần chúng, chàng càng thấy nhấn quan mình biến đổi. Lòng chàng không còn vương bụi với đám hủ nho chốn thị thành, đám con buôn chính trị nơi quyền môn, đám phỗng đá khua môi giữa chợ. Chàng trực nhận được nguồn sống miên viễn của dân tộc chàng qua nét chịu đựng bất khuất của anh nông phu, nơi tình thiết tha gắn bó của đứa trẻ với dân trâu, nơi giọng hò xót xa cam phận mà yêu đời của mấy cô gái tát vôi nhịp gầu. Chàng thấu hiểu được mạch sống của dân tộc chàng qua những tâm hồn chân chất mà kiên cường đó — đó chính là nguồn sữa ngọt đã cứu mang nuôi dưỡng cuộc đấu tranh trường kỳ thần thánh. Chàng ghi nhận những hình ảnh đáng yêu và cảm động đó trong những khung mộc bản để in hàng triệu tấm gởi khắp nơi hẻo lánh hoang vu. Những bức tranh mộc bản giản dị đầy niềm vui và hứng khởi đã được lớp nông dân đón nhận như những tặng vật ấm áp tình người.

Và như mọi nghệ sĩ khác, Hình Thiết Sử cũng ray rứt ám ảnh về một tác phẩm để đời. Chàng hiểu, cái định mệnh nghiệt ngã trầm luân của dân tộc chàng, sức chiến đấu kiên trì gian khổ của đám dân cũng khổ ấy, bắt nguồn từ một nguồn thiêng bất tận luân lưu hằng thế hệ, phải được thể hiện trên bức tranh trọn vẹn của cả đời chàng. Chàng mơ hồ cảm nhận nguồn thiêng ấy có thể biểu trưng bằng một Người Nữ — một Người Nữ kết tinh của sức sống mãnh liệt kiên cường mà đầy bao dung, của nét hồn nhiên trong sáng không vương bụi của trẻ thơ và của nỗi thông khổ điều linh nghiệm ngào của những số kiếp bị chà đạp.

Như một kẻ tình si nuôi trong lòng một nhan sắc, Hình



Thiết Sử cũng ấp ủ, thao thức đi tìm một thứ nhan sắc vĩnh cửu của Người Nữ, thứ nhan sắc không hề tàn phai theo năm tháng, bất diệt với mọi đổi thay.

Và Hình Thiết Sử, kẻ có thể hòa nhịp với cánh chim hồng, làm hồi sinh cây cỏ, điểm nhãn làm rỗng thiêng bay vút vào cõi trời cao – vẫn chỉ là một kẻ tôn thờ một thứ nhan sắc tưởng chừng như không thể gặp. Chẳng vẫn tự hỏi, có phải nhan sắc không thể gặp gỡ này, mới chính là người chàng ấp ủ trong tim?

Rồi cuối đời phiêu bạt, chàng đến cõi thiên thai này và trở nên một vị tiên của Hội họa.

Đã mấy ngàn năm nay, trước giá vẽ trong lều cổ quanh vắng, lòng chàng vẫn không ngớt thao thức đi tìm – “có phải em là người không bao giờ ta gặp được, mới là người ta ấp ủ trong tim?” \* Một bức vẽ phác qua, một bức khác hình thành trong trí, một bức nữa chợt lóe trong ánh sáng giao hòa... thật vô ích, người đẹp không hề xuất hiện, và giờ đây Hình vẫn ngồi bất động nhìn sự dang dở của tác phẩm của đời mình.

Có phải lòng chàng đã cần cõi, có phải tim chàng đã mệt mỏi, hay tay chàng đã run rẩy bất an?

Hình vẫn ngồi bất động trước bức họa khi Bé bước vào. Em im lặng và thấy tội nghiệp cho những vết nhăn trên trán, những sợi tóc bạc phát phơ của người nghệ sĩ. Em hiểu được sự nhem mầu đốn đau đầy thao thức của giây phút sáng tạo. Con tầm đến phút nhả tơ... Em đã nhìn thấy trí não Hình căng lên như sợi dây đàn, tâm hồn Hình rung lên từng phẩm.

Em linh cảm, người bạn thiết của đời em, kẻ sẽ tận tụy vun xới đời em, cũng như chàng họa sĩ này, sẽ trải qua những giây phút đốn đau nhem mầu như thế. Lầm sao, lầm sao em có thể san sẻ cùng chàng những ray rút đến đứt ruột như vậy?

Hình vẫn thả hồn vào cõi mộng lung và đáp lại ý nghĩ của Bé “giống như định mệnh, người bạn thiết ta vẫn mong đợi đón chờ, có thể sẽ không bao giờ đến, nhưng ta phải tin

rằng y vẫn có mặt, ở đâu đó... con người không thể sống trong tuyệt vọng... nhất định y vẫn đâu đó, vì em, em phải biết kiên tâm chờ đợi, có thể chờ đợi suốt đời em... có thể chàng đã đến và ẩn khuất đâu đó... và em thấy không, chính sự chờ đợi này cũng đủ làm cho đời sống có ý nghĩa. Và đôi khi, chỉ một ngọn gió nhẹ, một vài giọt sương, dăm ba tia nắng nhạt... sẽ chuyên chở trong nó đôi lời nhắn gửi của chàng... ”

Một vài giọt sương, dăm ba tia nắng nhạt... Bé chợt thấy òa vỡ trong lòng mình những tia sáng khả thị tuyệt vời. Em hiểu có những phút thiên thu kết tụ trong một khoảnh khắc, và khi lòng mình đủ bén nhạy để đón nhận, ta sẽ hình thành từ những phút nhiệm mầu ấy, những gì bất tử.

Lung linh trong mắt em, những kết tụ toàn bích của một giây phút đồn ngộ. Em bước lại gần giá vẽ, và bắt gặp cái nhìn khắc khoải của Hình Thiết Sử. Em thấy trời đất giao hòa trong một ánh sáng trong suốt mà rực rỡ. Em thấy chàng họa sĩ ngẩn ngơ như xuất thần, em mơ hồ thấy Hình cầm cọ tiến gần bức tranh... Bố cục, màu sắc, đường nét chừng như biến đổi, linh hoạt hẳn. Đó không phải là một bức tranh tĩnh vật nữa – như con rồng được điểm nhãn và uốn mình vào cõi trời cao. Bức tranh bay bổng trong ánh sáng ngọc bích. Từ giá vẽ, một nhan sắc, một Người Nữ khoan thai chiếu một nụ cười huyền bí trên khuôn mặt chợt sinh động, như từ một giấc ngủ ngàn năm, bỗng thức dậy... và đôi mắt...

Bé rung mình và ứa nước mắt. Em chợt hiểu đôi mắt sáng lóng dịu vợi của mình vừa được họa sĩ gói vào bức tranh. Và em thấy Hình ngả người trên nệm cỏ, cái phút đón đau của bà mẹ vừa sinh đứa con đầu lòng, đón đau mà mãn nguyện.

Nhiệm mầu biết bao, con tầm quạ quạ trong giây phút nhả tơ.

Xem tiếp kỳ sau

**Bạch Mã**

thơ

## ANH BỘ ĐỘI ÁO XANH

Anh bộ đội anh băng rừng lội suối  
Mỗi hờn căm nặng trĩu bước quân hành  
Là sức sông dâng đã bơm vào máu  
Là lý tưởng dâng bơm vào trí não của anh  
Anh được dạy vào Nam giải phóng  
Lũ dân đen đang đói khổ nhục nhằn  
Trước họng súng của đám nguy dân tàn khốc  
Dưới gót giày của bầy Mỹ trắng râu quăn  
Anh đã vượt Trường Sơn vượt cao nguyên Nam bộ  
Vượt sông Thạch Hãn vượt cánh đồng Chum  
Băng suối băng rừng băng đèo băng lộ  
Đế vào Nam phá ách gông cùm  
Giờ đây Mỹ đã thua và miền Nam giải phóng  
Anh thấy gì hồi người bộ đội áo xanh  
Anh có thấy nhà trường mở rộng  
Hay thấy ngục tù chi chít quê hương anh?  
Anh có thấy dân mình no ấm  
Anh có thấy hạnh phúc dân chủ tự do  
Hay chỉ thấy béo no một bầy gặm nhấm  
Và lũ dân đen ốm đói cò ro?  
Anh có thấy hòa bình độc lập  
Thấy dân tộc hòa giải hòa đồng  
Hay chỉ thấy chiến tranh lệ thuộc  
Và hận thù thiêu rụi non sông?  
Anh có thấy đồng xanh bát ngát  
Và công trường ổng khói reo vui  
Hay chỉ thấy những thằng dân thay trâu vổ đất  
Và những trại giam lớn chật người?  
Anh có thấy quê hương mình giải phóng  
Và anh đã chiến đấu cho ai

Hay chỉ thấy một bầy phản động  
Đã lửa anh để đưa chúng lên ngai?  
Này anh bộ đội áo xanh chất phác  
Đã đến lúc anh phải tỉnh cơn mê  
Đồng dân tộc anh phải quay bước trở về  
Và quay súng cho bọn chúng mỗi tên một phát.

Quỳnh Lưu

## TỪ KHI

Từ khi lạc loài nơi xứ lạ  
tìm bên này không thấy áo bà ba  
chiều lên đứng hướng về phương đông mắt xếch  
tìm da văng nón lá bài thơ

Tìm nét ngọt của mái tóc huyền nhưng  
tìm nỗi buồn cô kính thâm cung  
tìm tiếng sáo vang trên đồng ruộng  
lánh lút bay lên cao vút trời hồng

Tìm cánh vạc chao mình lá lướt  
trên đường thôn em gánh lúa oằn vai  
oĩ người em hai mùa mưa nắng  
ta tìm em mái tóc hoa cài

Ta tìm em trong nỗi buồn biệt xứ  
trên đỉnh hồn chót vót nhớ nhưng  
ta tìm em trong khói hương chinh chiến  
tuổi loạn ly tang tóc vô cùng

Ta vẫn đứng nhìn về phương đông mắt xếch  
của da văng nón lá bài thơ  
giữa lộn lẫ muôn màu Mỹ quốc  
ta vẫn mơ về áo vải đơn sơ.

Nguyễn Ngọc Phương



# Khoảng Trời Xanh

Uyên thích ngồi thật yên nhìn cái khoảng không hết sức tĩnh mịch của buổi trưa hè trong xóm nhỏ. Cái khoảng không ấy chứa đựng bầu trời xanh trong có ít áng mây trắng mỏng thưa thớt lơ dăng trôi, chứa đựng mấy tán cây xơ xác đong đưa trong cơn gió nhẹ không đủ gây tiếng động, chứa đựng những bóng người đứng nắng lười lười trên con đường trải đá xanh lờm chờm. Cái khoảng không tĩnh mịch ấy chỉ thỉnh thoảng bị khuấy động bởi một giọng hát đưa em nhũn nhụa hay bởi tiếng chén đĩa khua chao náo tử bên hàng xóm. Uyên thích cái khoảng không tĩnh mịch ấy vì nó cho Uyên cái cảm giác lơ lửng chơi vơi trong cái khoảng không gian và thời gian vô tận của buổi trưa như một cành lá đang rơi mà không bao giờ chạm đất. Uyên tìm được trong cái cảm giác lơ lửng ấy sự bình dị cho tâm hồn và một sự an nghỉ cho những lo âu, dù chỉ là áo tuồng bấp bênh. Uyên đã chán ngấy những giờ học chính trị, những buổi kiểm thảo, đã chán ngấy những khuôn mặt không hồn của mấy người mà Uyên gọi là bạn học, Uyên cũng đã chán ngấy cuộc sống giả tạo, lừa dối, đầy dẫy của chính mình, cái cuộc sống lúc nào cũng như một tấn tuồng. Uyên phải đóng kịch hăng hái, hoạt động, tiến bộ, và luôn luôn tự giác tự nguyện. Uyên phải nói những lời mà không hiểu trọn nghĩa. Uyên đã phai giả tạo từ cách ăn mặc cho tới bộ dạng, từ lời nói cho tới ý tưởng. Chán thật. Cuộc sống có còn ý nghĩa hay không khi con người không thể tin nhau và nghi ngờ chính mình?

Cuộc sống của Uyên hoàn toàn vô nghĩa nếu đã không có Thúc. Thúc đến với Uyên không có gì là bất ngờ, đến như tất cả những người con trai đã đến với Uyên trong nhà trường hay qua sinh hoạt hội đoàn. Tuy nhiên Thúc có khác ở chỗ đã đến và đã ở lại trong tâm hồn Uyên. Giữa sự nghi ngờ chông chất, tâm hồn Uyên đã lóe lên một niềm tin, một sự cảm thông. Niềm tin và sự cảm thông dần dà trở thành tình thân lưu luyến, cái lưu luyến của hai tâm hồn trong cùng cảnh ngộ với cùng những giấc mơ và suy tư. Uyên đã tìm thấy nơi Thúc cái sáng rõ, bông bột, lãng mạn pha lẫn cái đần độn, tính toán, trầm tư của tuổi trẻ lớn lên trong thử thách. Thúc là như thế đấy, hay cười nói nhưng buồn bất chợt, hay suy nghĩ nhưng bỗng mông mẫm, hay hân hoan để rồi thờ ơ dài nảo nuốt. Thúc đã đến với Uyên qua những tâm tình nho nhỏ, qua những chuyện thế sự vu vơ, và qua những lời trào phúng không chủ đích. Ấy vậy mà Uyên đã hiểu Thúc ngay từ những buổi gặp gỡ đầu vì trong Thúc, Uyên thấy được hình ảnh và tâm hồn của chính mình. Đến giờ thì Uyên hiểu Thúc rất rõ, rõ đến độ Uyên tìm thấy được chiều sâu trong nụ cười, trong cái nheo mắt, trong sự ngập ngừng của Thúc. Uyên hiểu rằng Thúc cũng hay có cái cảm giác chơi vơi như Uyên, cái cảm giác của một người đi tìm một giấc mơ mà không bao giờ đạt đến cũng như cánh lá đang rơi mà không bao giờ chạm đất.

Mấy ngày nay Thúc chắc bận lắm nên không ghé qua Uyên chơi, nói chuyện vu vơ về trăm ngàn thứ chuyện vu vơ, uống dấm ba ngậm nước rồi đứng dậy ra về trong cái trạng thái bỏ lửng dang dở. Có lẽ Thúc đang bận học thi cho mấy cái môn kinh tế chính trị khô khan nhức đầu. Hay là Thúc gặp chuyện chẳng lành, bệnh hoạn hay tai nạn. Uyên cố xua đuổi ý nghĩ ấy nhưng thấy cũng rất có thể là như vậy. Thúc giờ này đang làm gì? Có đang ngồi nhìn mây bay như Uyên chẳng? Thúc còn mắc nợ Uyên lời hẹn đưa Uyên lên Bình Triệu cầu cà sau vườn nhà một người bạn. Cuối tuần này Uyên sẽ nhắc Thúc, hay là để tuần tới, tuần tới nữa. Thôi thì tùy hứng vậy. Chắc Thúc đang bận học thi nên chưa thể thực

hiện lời hẹn với Uyên đầy thời. Có lẽ giờ này Thúc đang miệt mài đọc sách. Có lẽ Thúc mất ngủ vì học thi. Chắc phải bận lắm Thúc mới không ghé qua Uyên chơi được vì thường thường ngày nào Thúc cũng ghé qua. Đã mấy ngày rồi nhỉ? Thứ hai, thứ ba, thứ tư – ba ngày rồi. Hay là Thúc gặp tai nạn? Không, chắc chẳng có chuyện ấy xảy ra đâu. Uyên lại nhìn lên bầu trời qua khung cửa sổ. Giờ này mây đã trôi đi đâu cả nên chỉ còn lại một khoảng trời xanh trong vắt và rộng rãi trong cái vuông vức của khung cửa. Lâu lắm rồi Uyên không được thấy hoặc nghe những con chim se sẻ liú lo trên dây điện trước nhà. Dân đói nên chim sẻ cũng bị giết sạch. Thật tội nghiệp cho loài chim sẻ Việt Nam, cái kiếp nhơ nhời mà cũng không được yên thân với thế sự. Thúc hay nói một câu mỉa mai: “Con người không thể thoát khỏi bản tính của loài vật dù cho có tiến hóa đến ngàn năm sau. Con người có khi đối với nhau còn tệ hơn cả loài vật. Họ dùng tiến bộ khoa học kỹ thuật để kiểm chế, kiểm soát và hành hạ lẫn nhau”. Uyên chợt cảm thấy như mình đang sống giữa rừng núi hoang vu chỉ có sự rình rập và đe dọa. Mà cuộc đời có lẽ cũng chỉ là một khoảng rừng hoang, nếu không có Thúc. Lại Thúc, Thúc đang làm gì nhỉ? Chắc đang ngủ gà ngủ gật bên chồng sách vở hay đang sinh hoạt hội đoàn. Hay là Thúc đã bị tai nạn? Uyên phải đi thăm Thúc mới được, ngay chiều nay, ngay bây giờ.





Uyên tạm rời cái khoảng không tĩnh mịch của một buổi trưa sau khung cửa sổ để đi tắm gội và thay quần áo. Dòng nước lạnh làm Uyên tỉnh táo thoát khỏi cái cảm giác lơ lửng chơi vơi. Uyên lại linh động như loài chim sẻ mà Uyên vẫn yêu. Uyên dắt xe ra khỏi cổng và nhảy lên đạp ra khỏi con hẻm trái đá xanh lởm chởm, thỉnh thoảng gạt đầu chào một người hàng xóm quen mặt. Uyên đi lại những con đường mà Uyên đã một vài lần đi qua để đến nhà Thúc. Nhà Thúc cũng ở trong một con hẻm nhỏ, cũng trái đá xanh nhưng rộng và nóng hơn con hẻm nhà Uyên. Uyên đếm đến căn thứ tám thì dừng xe lại và bấm chuông. Trong nhà im lìm không động tĩnh. Uyên bấm thêm lần nữa và lần này Uyên để ý thấy tiếng chuông kêu rē rē nho nhỏ từ cuối nhà vọng ra. Uyên cố lắng nghe tiếng chân bước xuống cầu thang, tiếng dép kéo lẹp xẹp trên nền gạch hay tiếng lạch cạch của chìa khóa nhưng căn nhà vẫn phẳng phác như tờ. Lòng Uyên bắt đầu hoang mang. Uyên nấn ná đứng chỗ một lúc thì có một bà cụ lom khom đi ngang báo khẽ với Uyên rằng cả nhà đã vượt biên rồi và nhà cửa đã bị tịch thu, và khuyên Uyên nên tránh đi kéo bị liên lụy.

Uyên chợt hiểu. Thì ra là vậy, Thúc cùng gia đình đã vượt biên có lẽ đã được hai ba ngày rồi, từ ngày Thúc ngừng ghé Uyên chơi. Thế mà Uyên đã không nghĩ ra. Vượt biên ở thời buổi này chỉ là chuyện cơm bữa thì có gì là không ngờ được đâu. Ấy vậy mà Uyên vẫn không nghĩ ra. Uyên quay xe và lững thững đạp về dưới ánh nắng chói chang của buổi trưa tĩnh mịch. Lại thêm một người nữa ra đi, sống chết ra sao chẳng biết. Chuyện vượt biên là thường tình, là phổ biến, là tất yếu. Thúc ra đi là lẽ thường. Nhưng tại sao không nói một lời giả tử? Nhưng vậy cũng là lẽ thường vì có mấy ai dám tử giả người quen khi đi vượt biên. Nhưng Uyên khác chứ. Uyên đối với Thúc phải khác chứ. Nhưng tại sao phải khác? Chẳng tại sao cả. Uyên cố gắng nghĩ vu vơ sang chuyện khác nhưng vẫn cảm thấy nghèn nghẹn ở cổ, cái nghèn nghẹn của một ý tưởng không thành hình, của một lời nói không thành tiếng. Uyên biết Uyên đang nghĩ gì và cũng biết là không



muốn nghĩ đến điều ấy. Uyên đang buồn cái buồn của một cánh lá đã rơi chạm đất.

Không còn lưỡng lự nữa. Không còn chối với giữa niềm tin và ngờ vực nữa. Thúc đã ngờ cả Uyên khi ra đi mà không một lời giả biệt. Và Uyên, Uyên cũng không còn tin Thúc được nữa. Chắc chắn là gia đình Thúc đã tính chuyện vượt biên từ cả mấy tháng nay hoặc lâu hơn thế. Thế mà không một lời bóng gió, không hề dả động tới. Uyên cố nhớ xem lần chót đến thăm Uyên Thúc có thái độ gì khác lạ hay không. Uyên chẳng nhớ một chi tiết nào khác lạ cả có lẽ vì lúc ấy Uyên vô tình không để ý. Thúc vẫn có cái lối nói chuyện vu vơ, vẫn cái nụ cười vừa hồn nhiên vừa miếu mai châm biếm, vẫn cái ánh mắt của người đang mở ngày. Không một dấu hiệu nào cho biết là Thúc đến thăm Uyên lần chót. Thúc đóng kịch tài thật. Uyên hơi buồn cười vì đã nghĩ rằng trong cái xã hội giả dối này ai cũng đóng kịch cả trừ Thúc, ít ra là đối với Uyên. Té ra Thúc đóng kịch tài và dai hơn ai hết. Những thói buồn giận mà làm gù, cuộc đời là bánh xe khổng lồ lôi cuốn con người vào vòng quay, nghiền nát lương tri, tâm hồn và tin tưởng. Cuộc đời đã cuốn hút bao nhiêu người khác thì giờ đây có cuốn Thúc đi thì cũng chỉ là quy luật, chỉ là đương nhiên.

Uyên đã về đến nhà, Uyên dắt xe đạp vào trong sân và khẽ khép cổng lại. Uyên đi vòng ra sau nhà bếp, dựng xe đạp bên tường rồi leo lên phòng ngồi bên cửa sổ như trước. Khoảng trời vẫn còn xanh, không gian vẫn tĩnh mịch. Có một tiếng trẻ khóc ré từ bên hàng xóm. Đứa bé chắc bị muỗi cắn hay ngã văng. Uyên ngồi yên, yên như cái yên tĩnh của buổi trưa, nhìn vu vơ đâu đó. Mấy tàn cây xỏ xác đứng im phăng phắt, bóng đổ xuống mặt đường như những vết mực lem trên cuốn tập sử địa của Uyên thừa nào. Ô cái thừa nào. Nghệ sao vừa xa xưa mất hút vừa gần gũi vồ về. Thừa nào Uyên còn là cô nữ sinh mặc áo dài trắng đi học mỗi ngày, cuộc đời thu gọn chỉ có gia đình, trường lớp, thầy bạn và mấy hàng quà trước cửa trường hay đầu ngõ. Thừa ấy Uyên có những đứa bạn thân thân như Lan, Chi, Mai, Thủy... Giờ này



đũa đã thành đoàn viên, đũa đã đi thanh niên xung phong, đũa đã mất hút như Thúc. Lại Thúc. Quên Thúc đi Uyên đi, để nghỉ đến cái thừa nào điệu vợi của mi. Uyên vẫn còn nhớ cái lần ăn vụng trong lớp bị thầy bắt gặp bắt đứng quay mặt vào tường suốt giờ. Uyên nhớ cả lần con Chi khóc sưng mắt khi nghe tin thầy Tân lấy vợ. Nó thường thấy suốt cả năm lớp 10, lớp 11. Chi giờ này ở đâu Uyên cũng chẳng biết, sống hay chết Uyên cũng chẳng hay. Mỗi người một số phận, đi chung một đoạn đường rồi cũng đến ngày chia tay. Bây giờ chẳng ai còn biết ai nữa. Âu cũng là qui luật. Hộp rồi tan, gần rồi xa, có rồi không, hiện diện rồi mất hút. Uyên chợt nghĩ đến cô Hạnh, cô giáo sư địa năm lớp 10 mà bọn Uyên

thường như người chị cả. Cô Hạnh vẫn thường tâm sự với tụi Uyên và rủ tụi Uyên đến nhà chơi hay đi cắm trại. Năm ngoái cô Hạnh bị bộ đội bắn chết khi đang leo tàu vượt biên. Uyên có cảm tưởng như khoảng không gian chột có một lỗ hổng, cái lỗ hổng để lại do sự mất hút của cô Hạnh. Thật vô nghĩa và phi lý. Khoảng không gian của Sài Gòn có lẽ chỉ chít những lỗ hổng. Mỗi hôm qua hôm kia lại thêm một lỗ hổng do Thức để lại. Uyên bất giác rung mình vì cái ý nghĩ về lỗ hổng nó giống như những lỗ huyết ngoài nghĩa trang. Uyên mong Thức đi lọt chứ đừng như cô Hạnh. Thức dù sao cũng là một hình ảnh đẹp. Dù sao Thức cũng đã đóng trọn vở kịch cho Uyên vui lên trong một thời gian, để sống giả trong vài tháng rồi trở lại thực diện thực tế. Mong rằng Thức bình yên đến chân trời tự do, xây lại cuộc đời mới, sống một tâm hồn mới, nhìn thấy tương lai, tìm thấy tin tưởng và hạnh phúc. Có lẽ rồi đây Thức sẽ quên tất cả những lo âu, thất vọng, chán chường, những khó sợ, túng quẫn, đói gian, và những tháng ngày thật dài, thật triu năng của kẻ ở lại. Dù sao Uyên cũng buồn. Buồn vì vở kịch đã hạ màn quá bất ngờ và để lại trong Uyên một sự trống rỗng đến tận cùng. Dù sao Uyên cũng đã quen Thức một thời gian và đã có nhiều kỷ niệm. Nhưng thôi gác lại chuyện của Thức, Uyên phải chuẩn bị ra phố chạy hàng chợ không thì đói nhăn răng. Uyên nhìn lại khoảng trời xanh lân lân nửa và như thấm rằng cuối cùng chỉ còn lại khoảng trời xanh lá mãi mãi xanh để Uyên nhìn ngắm, để Uyên tìm an ủi. Khoảng trời xanh của Uyên, ôi Uyên yêu nó, thương nó biết ngần nào.

Nguyễn Tường

# GIÀ TRỊ NGÔN NGỮ

Tại một hội nghị quốc tế về ngôn ngữ học, sau các phiên thảo luận sôi nổi, trong giờ giải lao, một nhà ngôn ngữ học yêu cầu các đồng nghiệp của từng quốc gia đưa ra một vài từ ngữ ngắn, gọn, súc tích nhất có thể diễn tả được giá trị của ngôn ngữ của từng nước.

Nhà ngôn ngữ Pháp lên tiếng phát biểu:

— “Tình yêu.”

Cả hội trường vỗ tay tán thưởng.

Nhà ngôn ngữ học Đức trầm tư một hồi rồi nói:

— “Triết lý.”

Hội trường tuy không vỗ tay nhưng cũng gật gù đồng ý.

Nhà ngôn ngữ học Nga gần giọng cộc lốc:

— “Tranh đấu.”

Hội trường im lặng tuy cũng tán đồng hai tiếng ấy quả thật đã minh chứng đặc tính của người Nga.

Nhà ngôn ngữ học Mỹ đáp nhanh gọn và thật lạnh lùng:

— “Quyền lợi.”

Cả hội trường xôn xao nhưng cũng ngầm công nhận lời phát biểu khá chính xác.

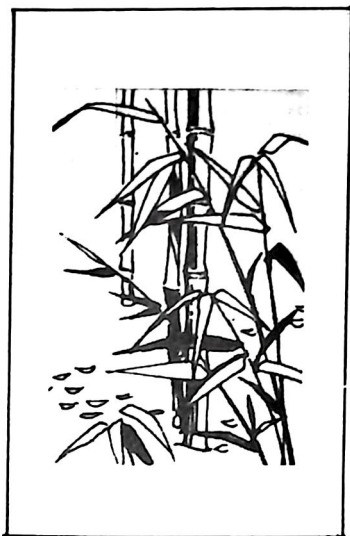
Đến phiên nhà ngôn ngữ Việt Nam, ông ta vưỡn vai, thả người xuống ghế bành, ngáp vặt 1 cái dài, mắt lim dim và phán một chữ thật gọn:

— “Hợp.”

Cả hội trường im phăng phắc vì tôn trọng giấc ngủ của ngài đại diện đang yên giấc trong phòng họp.

(Câu chuyện được truyền tụng trong đợt nhà nước CHXH CNVN phát động liên tục các phiên họp tổ dân phố vào năm 1977.)





không con  
ai vết  
đất bồi  
ấy lên

Rau dứa xanh ngon dưới mương  
Bếp chiều nôi mấm tỏa hương ngọt ngào  
Con giò lừ lặc nơi nào?  
Đêm đêm chiếc bóng, mẹ râu, con ơi!  
Rạch kia đã cạn hết rồi  
Không con, ai vết đất bồi ấy lên?  
Nhớ mùa nước lớn tràn hiên  
Một tay con đắp, con giềng bờ ao  
Miệng cười, con nói: không sao  
Cá không vọt nổi đặng cao như vầy  
Ao giờ lau cỏ mọc đầy  
Rông rông đó ứng một bầy con ơi!

Giang Hữu Tuyên

thư gửi  
người em quê nhà \_\_\_\_\_

## CẦU CHO MÁ ĐƯỢC SÔNG ĐỜI VỚI CON

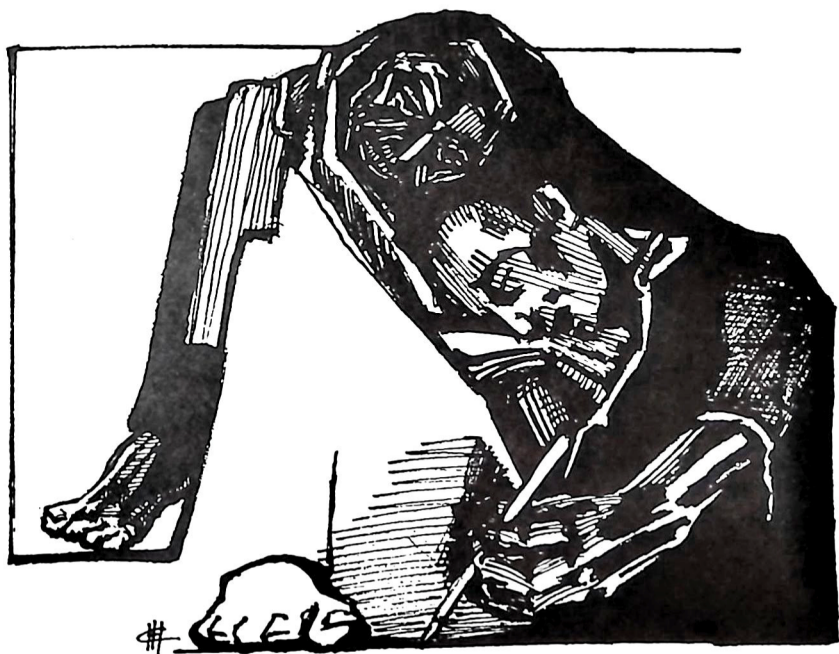


*“Dốt nhang van vái Phật Trời  
Cầu cho má được sông đời với con.”*

Thành,

Hồi chiều đi làm về tao nhận thư mấy, Thành à. Mới bước vô nhà ngó thấy nó nằm trên bàn, mầu bạo bì văng khê, tao biết liền là thư từ bên nhà qua. Mấy biết, bên này dễ gì mà tìm được miếng giấy loại đó, lại còn cái vụ thư mấy viết mấy mầu mực. Lắm gì mà nghèo đủ thần vậy mà? Coi vậy chỗ tao lại hạp với mầu giấy này hơn mọi thứ trên đời đó Thành. Ba cái thư, báo quảng cáo bữa nào cũng quảng vô ngập nhà, giấy trắng phau, tao liệng vô sọt rác hết trơn, cuối tuần tao móc công ồm ra thùng bỏ nặng gần chết.

Thơ mầy viết nói má đau lắm sao vậy Thành? Thiệt tội nghiệp má mình, tao nghe bả đau mà thất cái ruột. Tao nói có trời đất lắm chúng, buổi sáng ngồi xe lửa đi lắm, tao nhớ tới má, tới mầy. Lắm trong số, tao cũng nghĩ tới má. Nhiều khi nhớ tới hồi má chuỗi tao cái tội đi hoang, tao mắc cuồi khan một mình lắm mầy con nhỏ trong số tội nó biểu tao lắm cái chúng gì mà như thẳng không. Chiều về tao vô trường học ôm ba cái cua mắc dịch, buồn buồn tao vẽ hình má chới. Ba hồi bốn chập, ông thầy gọi tên tao, bần mặt tao lơ láo như cô hồn rằm tháng bảy. Tối tao nằm nhà chống căng ru con (tao nói vậy mầy đừng nghĩ sáng là tao hốt ổ nào rồi ôm con người ta ru tâm bây đầu nghe Thành). Tao nhớ hồi nhỏ má ẵm tao, rồi ẵm mầy, mà ru ầu ơ hoài. Hồi đó sao tao không để ý gì hết trơn. Má ru chút xíu là tao ngủ tuốt lốt. Bây giờ đến lúc muốn già rồi tao lại nhỏ tiếng ru của má quá chừng quá đời. Cơ đêm năm mô mô



mòng mòng, tao nghe như có tiếng má ru tao hồi xưa.

*“Ấu ơ... đèn Sài-gòn ngọn xanh ngọn đỏ*

*Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu*

*Anh về anh học chữ nhu*

*Chín trăng em cũng đợi mười thu em cũng  
chờ...”*

Giật mình thức giấc ngó đi ngó lại thấy chèo queo một mình, tao mắc cái chứng gì mà muốn chảy nước mắt quá mấy ời.

Nghỉ bất tức cười, hồi ở nhà tao bỏ đi hoài lâm má râu thúi ruột. Má sộ tao té xuống kinh, ba bữa sau bả mới gắp lại. Bả đâu hay là ngày nào tao cũng lội riết xuống dưới bên, ngồi ngó con Bè chèo ghe qua lội đưa khách, đến tối mới lội về. Má sộ Hã Bá bắt tao, trong lúc con Bè còn độc hơn Hã Bá nữa mà bả đâu dễ. Nhiều bữa tối thui tao lén mở cửa sau mò vô nhà, sộ má hay tao lủi thiết là nhẹ. Vậy mà hồi tao lục còm nguội ăn với cá kho tộ, má xuống bắt dính tao tai trần tiền (nói nghe đoan trường, bên này tao mua con cá lóc mắc lăm nghe mây, lại còn lội ba quãng đồng từ bên New Jersey qua tới chợ Thái Bình mới có. Con cá ụp đá cứng ngắc, hai mắt đục ngầu ngó như bị mắc cạn tù hồi tây thuộc địa. Tao rình về bỏ vô tộ, dọn thêm một đồng tiêu, hành, tỏi, ớt. Người ta biểu bỏ tiêu cho ngọt bỏ hành cho thơm mã mây. Kho rồi đến hồi mang ra ăn, miếng cá nó mắc nghẹn ở cần cổ. Sao không giống tộ cá má kho một chút xíu nào hết mây ời).

Nói tới má ru ầu ớ tao nhớ xứ mình có nhiều câu ru mùi lăm nghe mây. Mấy bữa rày tao nhớ cái câu gì mà:

*Mẹ già như trái chín cây*

*Giống mẹ rụng con rày mồ côi.*

rồi cái câu:

*Chiều chiều chim vịt kêu chiều*

*Chim kêu ở mẹ chín chiều ruột đau.*

Tối tối tao nằm nhắm nhắm ru một mình hoài. Mà



củng kỹ, đi đầu ngo ngang ngo dọc tao cũng nhớ về xứ mình. Mỹ An coi vậy mà ngon lành lắm nghe đây. Người ta biểu “Mỹ An đi dễ khó về, trai đi có vợ gái về có con,” tao không hiểu có trúng không, nhưng điều mấy đứa con gái Mỹ An lấy chồng mấy bữa, đứa nào đứa nấy cái bụng chang bang ngo bắt ớn.

Tao kể mấy nghe chuyện này, mấy đừng nói lại cho má hay, bà rầu. Bữa trước tao làm như bị bà nhập, tự dưng hết muốn thở. Người ta rình tao vô nhà thương, hồi tỉnh dậy, nghe nói cái gì bình tim, tao muốn đứng tim chết luôn. Hồi đó tao khóc nghe đây. Tao nói với cái bà nội Jan Baker bạn tao đứng cạnh giường là tao bị trời phạt rồi. Bả đâu hiểu ý tao nói cái tức nhứt là tao phải chết trên xứ này, không được ngo mặt má, không ngo thấy mặt mày, không dờn được con Bé, rồi không được về chạy tác ráng xỉnh xịch trên con kinh Tháp Mười. Vậy chỗ ông Thiên Hộ Dương phờ tao, cho tao sống Thành ă. Hồi xưa má nói tao là ông Thiên Hộ linh lắm. Cái dắc ống còn sống, ống uyển ba thằng tây thất điên bát đảo, tao nghe nói xác Pháp lên khên trên sông còn nhiều hơn lục bình trôi. Rồi Pháp còn đó mà ông phải chết nên ông tức tuổi không nhắm mắt nghe đây. Chắc ống ngo thấy tao cùng hoàn cảnh nên ống thương. Tội nghiệp ống, cái Tháp Mười ống làm giò còn có hai tưng. Vậy chớ nhớ lại tao thấy đấ hơn là ngo cái tượng bà thần tự do cầm cây đèn ở Nữ Ước.

Trở lại chuyện má. Nói qua nói lại tao chưa thấy hồi nào má hết rầu vì tao. Thành ă, mấy nói với má đừng ham lo bao đồng quá, tao chừng này tuổi rồi mà má làm như tao còn con nít. Tao viết về kể chuyện bên này đường lộ nhiều, má ngán xe ăn tao. Rồi bả còn nhắc chừng tao phải xúc dầu cù là nhĩ thiên đường vô lổ rún, đắp mền khỏi lạnh bụng. Tao viết về nói bà con Mỹ mắt xanh lè, má sợ tụi nó hớp hồn tao, mất công bả có cháu nội lai. Thành ă, nói với má đừng có lo sảng. Tao nói thiệt chớ ngực tụi nó bị nhưng ca vọng cổ đầu mũi bằng con Bé phải không đây? Có nhiều bữa tao nằm chiêm bao thấy con Bé nhép nhép cái miệng

xuống sáu câu “sương trắng miền quê ngoại,” tao nghe đã cái lố nhĩ gì đâu.

Mây biết cái thứ mới đây con Bé nhờ người ta viết dùm gỏi sang cho tao, nó nói lối “đi đâu cho thiếp theo cùng, đôi no thiếp chịu lạnh lùng thiếp cam,” nghe như thiệt vậy mây Thành. Mây nói với nó dùm tao không phải ba cái thứ tham phú phụ bần, tham vãng bỏ ngãi đâu. Hồi tao ở tù nó đi thăm nuôi, cứng tao như trứng mỏng, nuôi tao như nuôi cưỡng. Gió ở bên này, tao nghe má nói nó đến thăm chừng má hoài. Tao nghĩ một ngày cũng nên duyên, nên nghĩa, tao mà có ý phụ rẫy nó, cho súng đạn ăn tao đi. (Vậy chớ bên này súng đạn khó ăn lắm mây ơi). Mây hiểu là tao với nó chưa ăn ngủ với nhau nhưng đã là nghĩa tào khang, đã là chuyện đá vàng. Nó có là Phần Lê Huê thì dù tao không phải Tiết Đình San cũng là con cháu ông Thiên Hộ chứ đâu phải thứ dón chời phải không mây?

Ồ, bữa trước tao có gỏi thùng đồ về biếu má, mây xin với má dùm tao xốt chút đỉnh cho xấp nhỏ em con Bé cho tụi nó mừng. Mây biếu má lấy xấp xoa nâu ra may đồ mà bán. Tao nghe nói mấy xấp trước má đem xếp dưới đầu bộ ngựa trong lúc má bận đồ rách. Bên này tao đi mần kiếm tiền rồi đi học buổi tối, tiền bạc coi vậy chớ nó là tiền Mỹ đâu phải tiền của tao, hơi nào mà má lo tiền tặn. Tao không ham lắm giàu lắm có gì ở cái xứ này. Tao cũng hết ham ăn diện với người ta. Nhìn thấy mấy đứa trong lớp cuối tuần rủ nhau đi nhảy đầm, tao cũng tính đi, trực nhớ tối má bận đồ rách, mây lội ruộng, tao không đành đoạn đi cho đành mây ơi. Tao đâu quên được cái bữa chú Sáu đâu xóm trợn dục con mắt, ối một đồng khoai mì rồi chết. Còn đám em con Bé nữa, một bữa tụi nó ngó tao gặm trái bắp mà nước miếng chảy nhều nháo thiệt tội nghiệp. Tao tính ra nội cái tiền vô của để nhảy đủ mua cho ba đứa nhỏ nguyên một công bắp, ăn mệт nghỉ. Chắc lúc đó tui nó đã lắm phải không mây?

Bà con chòm xóm mình bây giờ ra sao vậy Thành? Chắc cực lắm phải không mây? Tao nghe nói vụ lúa này

lại thất nữa. Cái nghề làm ruộng ông cha mình biểu phải  
gió thuận mưa hòa. Bầy làm nghịch thiên nghịch địa vậy là  
không bền tới ba bảy hai một ngày. Rồi mây chống mắt  
coi tao nói có trúng không. Nói tới cái vụ thất mùa tao nhớ  
bác Ba kể bên nhà. Tao khoái nhứt lúc ống lai rai ba sọi vô  
rồi rỉ rả “một xị giải phá cơn sâu, hai xị mũi chảy đầy râu,  
ba xị đựng đầu unction đó, bốn xị cho chó ăn chề, năm xị...”  
Ổng đếm tã tã vậy mà lên mười xị hồi nào không hay. Bầy  
giờ chắc ổng hết tiền uống rượu rồi hả mây. Ổng là ông  
thầy thứ nhứt dạy tao ca ví dẫu cái bài:

*“Vi dẫu cầu ván đóng đình  
Cầu tre lắt lẻo đập đình khó đi  
Khó đi mượn chén ăn cơm  
Mượn ly uống rượu mượn đờn khảy chơi...”*

Cũng nhờ tao ca cái bài này mà con Bé chịu tao đi  
nghe mây. Viết vòng vo tam quốc hoài mà chưa hỏi chuyện  
mây. Đùng râu tao nghe Thành. Tính tao hoang từ hồi nào  
tới giờ, đến lúc viết thơ vẫn hoang. Má biểu tao chắc chết  
rồi cũng không chịu nằm yên trong sáu tấm ván thiên. Chắc  
má nói trúng quá mây ời.

Mấy bữa rầy còn xách còm đi lao động tập thể hết?  
Cũng tại ba cái thằng mây đào bảy ba, nước trên mặt ruộng  
bị rút xuống, phèn dưới đất trào lên làm lúa chết hết trón.  
Nói vậy chó rửa mây cũng tội phải không Thành. Hồi nhỏ  
má kể cái chuyện thằng Quýt nó làm mà thằng Cam nó  
chịu. Tao rửa mây, mây kiếm thằng Quýt đập nát đầu nó  
dùm tao.

Còn cái vụ mây với con Út tới đâu rồi? Tao thấy mây  
làm tới đại chó cứ xằng qua xằng lại hoài có ngày thằng  
khác ầm mất là mây ăn trót. Con nhỏ nó khôn dân trời, tao  
nghe má nói nó gặp má hỏi thăm anh Hai hoài làm tao mất  
cái bụng hết sức. Mây lấy nó cho má có cháu bông để bả  
khỏi than thở nhà vô phúc. Tao thì đồ bỏ, đồ trôi sông lạc  
chợ rồi, mây đừng kể tới tao làm chi Thành ạ. Tao ráng  
sống vì còn tức cái bụng quá chưa chết được thôi. Hồi nào  
dắm buả, nửa tháng về được tao tính số bụi đời. Con cháu

ông Thiên Hộ ân, oán phân minh phải không mày?

Tao nhớ mày biểu con Bé đừng chổng xuống đi tìm tao cho mệt nghe Thành. Biển nó lớn bành ky nái, đi ba trệt, bốn vượt tằm bậy tằm bạ ba thằng trời đánh thánh vật nó làm xiềng niềng, lúc đó ông Đồn Hùng Tín cứu khỏi nổi, đừng nói chi tới tao. Tao dặn hồ vậy thôi chớ tao rảnh con Bé, coi vậy mà nó chẳng lằm, tới còn đỡ li của nó trời cản cũng không xong. Nó mang cái máu ông Lục Vân Tiên cống mẹ chạy ra rồi cống mẹ chạy vô từ hồi nào tới giờ. Mày nhớ cái vụ mấy thằng đến đòi trúng mua cái xuồng của nó không? Nó xách dao bầu đứng ngoài bên chười ba ngày ba đêm chưa hết chười lằm ba thằng lục tặc xếp de hết trơn. Tao cũng ngán ngán nó, bữa nào buồn buồn nó lằm sáng—xón đầu tao chắc không còn chớ thờ ông thiên quá. Nói vậy chớ nó cũng tao lằm mày ạ. Mấy bữa tao đến nhà nó uống chút đỉnh, nó thấy tao hết xì te te xách cái chai đi mua ngó thương hết sức.

Chuyện chót tao biểu mày là nói với má tiền bữa trước tao gửi về má uống thuốc cho mạnh, rồi mày cần bắt đường để bả lòi kinh hồi hôm sớm mai mò ba con cua, có bữa rần đóp, bả nắm dấy tê tê cho coi. Hồi trước bả cần tao lòi tại bả thường tao. Bả cực một đời vì ba cho đấ rồi tới tao, tới mày. Bây giờ mày để bả lòi kinh hoài, đến hồi tao với mày chết gặp ông Đồ Chiểu, ông ngất đầu thấy vô nổi vạc đầu ráo.

Hồi nào hưởn hưởn nhớ viết thơ cho tao nghe mày Thành. Nhận thơ mày tao vui còn hơn ngày tao lãnh lương nữa. Anh hai mày.

Nguyễn Công Huân





# người đứng bên bờ đại dương

Người ấy  
Đứng trên mặt đất  
Bên bờ Thái Bình dương  
Nhìn về những ngọn sóng A' đông  
Và những ngọn lửa không bao giờ tắt  
Trong tâm hồn cô đôn hững trắng

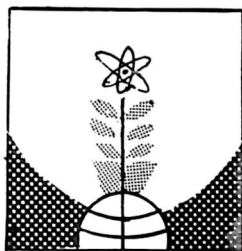
Người ấy  
Đi một mình trên mặt đất  
Im lặng và thỏ  
Thỏ và sóng  
Sóng và sáng tạo  
Người ấy đứng bên bờ Thái Bình dương  
Nhìn những ngọn sóng A' đông:  
Đời bao nhiêu hình thức  
Là đại dương bấy nhiêu lớp sóng  
Mặc dù biển thiên  
Nhưng nước vẫn là nước  
Đại dương vẫn là đại dương  
Tôi vẫn là tôi  
Đi và đứng một mình trên trái đất  
Chuyển sinh lực vào đêm  
Và im lặng.

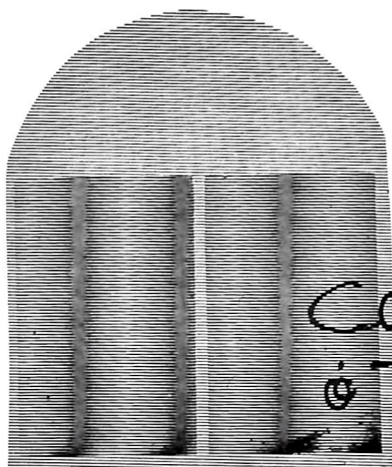
v. 1980  
Hong Kong

Hồ Đắc Ngọc

Cách Nhìn Sử Ở Tây Phương ■ Nguyễn Xuân Nguyên  
Tính Phản Khoa Học Của Chủ Nghĩa Cộng Sản ■ Nguyễn Đình Thắng  
Đệ Tam Thế Chiến Có Thể Xảy Ra Ở Đâu? ■ Lý Xuân Mộc  
Những Bước Luận Lý Trong Chính Trị Học ■ Nguyễn Xuân Mai  
Tìm Hiểu Khoa Học ■ Nguyễn Phong & Nguyễn Thái Hòa

⊕ PHẦN NHÂN LOẠI





## Cách nhìn Sự ở Tây Phương

Lời Tựa soạn: Bài viết này điếm qua năm cái nhìn về lịch sử ở Tây phương để rút tỉa một số nhận thức căn bản làm nền tảng một sự quan.

### I. TRIẾT LÝ LỊCH SỬ.

Nhìn một sự việc chỉ để biết sự việc là chỉ mới nhìn ở mặt hiện tượng. Nhìn một sự việc, không chỉ để biết mà còn để hiểu sự việc, hiểu cái yếu-tố nguyên thủy hay cái định-luật bao-trùm của sự việc mới là nhìn vào bản-chất. Cái nhìn để biết và để hiểu cái sâu-xa nhất của một sự việc là công việc triết-lý.

Cái nhìn để hiểu động lực, hướng tiến của lịch sử hay là qui luật cho mọi sự kiện lịch sử là công việc triết lý lịch sử.

Tên gọi “Triết lý lịch sử” đã được đề cập đến lần đầu vào thế kỷ thứ mười tám bởi Voltaire, một triết gia người Pháp, theo đó, lịch sử có tính khoa học và tính phê bình (scientific and critical history). Nói một cách khác, đó là một lối suy tư, một lối nhìn về lịch sử mà sử gia được quyền viết lịch sử theo cái cảm quan, cái lối suy luận của mình thay vì phải nhìn lịch sử là gồm tất cả những sự kiện ghi chép trong sách vở. Sau đó, vào cuối thế kỷ thứ mười tám, Hegel và một số sử gia Tây Phương sử dụng với một ý nghĩa



khác: thế giới sử, bao gồm sinh hoạt của toàn thể nhân loại dựa theo một quy luật chung. Vào thế kỷ thứ mười chín, các sử gia phái thực chứng (positivism) đã gán cho “triết lý lịch sử” một ý nghĩa thứ ba là sự khám phá những quy luật lịch sử, hay là những qui luật nhằm giải thích các sự kiện lịch sử. Với phái thực chứng, lịch sử là chuỗi sự kiện xảy ra theo qui luật và xảy ra để chứng minh qui luật lịch sử.

Ba lối nhìn trên về “triết lý lịch sử” tuy có khác nhau nhưng đều có một quan điểm chung là lịch sử không phải đơn giản bao gồm tất cả các sự kiện xảy ra một cách hoàn toàn ngẫu nhiên theo giòng thời gian.

## II. CÁC CÁI NHÌN VỀ SỬ.

Nếu lịch sử không ngẫu nhiên thì lịch sử ắt có cái lý của nó. Đó là một tiền đề của triết lý lịch sử.

Cái lý của lịch sử cho phép sử gia giải thích cũng như tiêu chuẩn hóa các sự kiện lịch sử. Tiêu chuẩn hóa là cân nhắc tầm quan trọng và phán đoán mức độ ảnh hưởng của mỗi sự kiện đối với giòng lịch sử, là giải thích nguyên nhân cũng như hậu quả của các sự kiện, là giải đáp câu hỏi “Tại sao?” và cũng có thể là “Rồi thế nào?”

Cái lý của lịch sử có thể duy nhất và tuyệt đối, nói theo Plato là giống như ví dụ một cộng hai thì phải bằng và chỉ bằng ba ( $1+2=3$ ) dù con người có biết làm toán cộng hay không. Tuy nhiên cái lý mà con người tìm thấy trong lịch sử chỉ là cái lý tương đối bởi vì nó tùy thuộc cái nhìn về sử của con người.

Con người nhìn sự việc từ một góc cạnh và qua một lăng kính. Ví dụ, khi cùng nhìn một cái hộp đồ trên bàn, mỗi người nhìn từ một góc cạnh sẽ thấy những diện khác nhau do đó sẽ diễn tả cái hộp khác nhau. Hơn thế, qua những lăng kính màu sắc khác nhau, cái hộp sẽ được mang nhiều màu khác nhau.

Nhìn sử cũng qua nhiều lăng kính; do đó cách giải thích sử, giải thích sự chuyển động và tiến hóa trong đời

sống con người, cũng khác nhau.

Đại đế, Tây phương có năm cách nhìn về sử (sử quan) sẽ được lược trình qua một số tác giả tiêu biểu.

### SỬ-QUAN DUY-THÂN

Sử quan Thiên-Chúa-giáo tiêu biểu qua các tác-phẩm của Augustine (354-430) quan niệm lịch sử như một vở kịch làm nên giữa Thượng-đế và loài người. Thượng đế tạo dựng địa cầu và con người (Adam là một danh-tử Hebrew có nghĩa là người), rồi ban đời sống cho con người. Đó là cơ hội đầu tiên Thượng-đế cho loài người. Adam phạm tội khi khi cãi lời Thượng-đế mà ăn trái cấm. Vườn địa-dàng đóng cửa. Loài người tiếp tục phạm tội. Thượng đế trừng phạt bằng trận đại hồng thủy diệt hết mọi người, nhưng lại mở cho cơ hội thứ hai khi lưu lại gia đình Noah. Cơ hội thứ ba là khi Thượng đế quyết định chọn lựa dân Do thái. Do thái bội ước nên phải chịu nạn mất nước và bị phân tán.

Sau đó, Thượng đế lại gọi ngôi hai, con mình, xuống trần làm Jesus để chuộc tội cho loài người. Những ai chấp thuận để được chuộc tội sẽ cùng tạo dựng một cộng đồng mới: giáo-hội công giáo. Những ai không chấp thuận thì sẽ phải đền tội lấy vào Ngày-phán-xét. Sau đó, thế gian này là đất sống của những người đã sạch tội tổ-tông hay những người đã chấp thuận cho được chuộc tội.

Đối với sử quan Thiên-chúa giáo thì sự giáng trần và sự qui thiên của ngôi hai Jesus là sự kiện định đoạt lịch-sử, và các nhân vật như Không Tử, Democritus, Alexander đại đế đều không quan trọng bằng Phao-lô, Mary Magdalene, Lazarus. Hơn thế, sử quan này mô tả được sự bắt đầu và điểm tột của lịch sử.

### SỬ-QUAN DUY-LÝ

Sử quan thứ hai quan niệm lịch sử là sự tiến hóa của tính hợp lý trong con người và trong sinh hoạt của loài người. Sử quan này, để cập khái quát bởi Lucretus và khai triển bởi Kant, cho rằng sự tiến hóa của các cơ chế

nhân loại tiến đến một cơ chế thế giới dân chủ là một qui luật tự nhiên đầu con người chấp nhận hay không chấp nhận mục tiêu này.

Đối với Kant, sự tiến hóa của loài người là sự tiến đến duy lý, và khi nào đạt được thuần lý là đạt được tự do tối thượng. Lịch sử là sự tiến đến thuần lý và tự do tối thượng. Tuy vậy, thuần lý không phủ nhận tính vô lý của loài người (sự vô lý được định nghĩa là sự đam mê, sự dốt nát và ích kỷ); bởi vì vô lý là phương tiện để đạt đến cuối cánh là thuần lý.

Sử quan duy lý cho rằng sự tiến bộ của lịch sử được qui định bởi một qui luật của Tự nhiên (qui luật lịch sử của sử quan duy lý).

Lucretius và các sử gia theo thuyết tiến hóa của Darwin bổ túc thêm với sự phân định hai phương diện của tiến hóa: 1/ Tiến hóa từ vật lên người (con vật có lý); 2/ Tiến hóa từ những cơ chế xã hội và chính trị độc tài lên những cơ chế dân chủ (cơ chế có lý).

### SỬ QUAN DUY-TÂM

Lịch sử là chuỗi sự kiện, chuỗi hành động của con người. Mà, sự kiện và hành động là sự biểu lộ ra ngoài của tâm, của ý chí. Như vậy, lịch sử là lịch sử của tâm, của tư duy.

Hơn nữa, con người không sống cách biệt nhau mà sống hợp đoàn. Sự sống hợp đoàn đi đôi với chính trị, do đó, lịch sử còn là lịch sử chính trị với cơ chế chính trị căn bản là quốc gia.

Hegel, triết gia Đức vào cuối thế kỷ thứ mười tám, cho rằng tiến trình lịch sử gồm hai phần: phần tiến hóa của thiên nhiên và phần tiến hóa của văn hóa. Tiến trình phát triển đi theo luật biện chứng có nghĩa là mỗi một giai tầng phát triển (stage of development) đều bật lên những tính chất mới đối nghịch với những tính chất của giai tầng trước. Thế rồi ngay trong giai tầng mới cũng có những mâu thuẫn làm động lực phát triển lên giai tầng kế tiếp cao hơn. Trong

cái lịch sử tiến hóa theo từng giai tầng, con người và nhất là quốc gia là những yếu tố quan trọng quyết định hướng đi của lịch sử.

Cái hướng đi lên của lịch sử là sự tiến hóa từ vô thức đến ý thức, từ thú tính đến nhân tính, từ loạn lạc đến sự ổn định bằng sự tự giác của con người, và đó cũng là mức độ cao nhất của tự do.

## SỰ QUAN DUY-VẬT

Sự quan thứ tư là sự quan xây dựng trên cơ sở lý luận của biện chứng pháp duy vật; quan niệm lịch sử là sự phát triển và biến đổi của phương thức sản xuất (mode of production). Karl Marx muốn lý luận biện chứng pháp của Hegel nhưng phủ nhận quan điểm duy tâm (cho rằng thực thể do tâm). Hegel cho rằng thế giới vật chất tùy thuộc tâm, Marx lại cho rằng tâm tùy vật. Theo Hegel, mâu thuẫn của tâm ý tạo điều kiện cho lịch sử tiến triển, thì ngược lại, đối với Marx, mâu thuẫn giữa những yếu tố kinh tế trong xã hội tạo điều kiện phát triển xã hội đồng thời xây dựng ý thức đấu tranh giai cấp.

Trên cơ sở của biện chứng duy vật, những sự kiện quan trọng của lịch sử là những sự kiện liên quan đến sự tiến bộ của phương thức sản xuất, sự tiến hóa của cơ chế xã hội để phù hợp với phương thức sản xuất mới. Đồng lúc thay đổi xã hội là đấu tranh giai cấp, bởi vì trong mọi xã hội, liên hệ sản xuất bất công giữa các giai cấp là yếu tố mâu thuẫn nội tại (mâu thuẫn nội tại là động lực vận chuyển trong biện chứng pháp).

Marx dùng cơ sở lý luận này để định ra năm giai tầng tiến hóa của xã hội loài người: 1/ xã hội cộng sản nguyên thủy; 2/ xã hội nông nô; 3/ xã hội phong kiến; 4/ xã hội tư bản; 5/ xã hội cộng sản.

Marx quan niệm rằng sự tiến hóa của xã hội qua các giai tầng để trên là sự tiến hóa theo qui luật khách quan, có nghĩa là, sự tiến hóa này bắt buộc xảy ra dù con người trong



cuộc có mướn thể hay không. Nhìn theo lối này, sự quan duy vật phủ nhận sự chủ động lịch sử tự bản chất của con người, vì ở đây, con người chỉ được xem là một con vật sản xuất, một sinh vật mà sự suy tư và hành động là những phản ứng có điều kiện đối với hoàn cảnh sống.

### SỰ QUAN VĂN-MINH.

Sự quan thứ năm nhìn lịch sử qua lăng kính văn minh, có nghĩa là, lịch sử nhân loại là lịch sử các nền văn minh sinh và diệt.

Văn minh được ví như một sinh vật, được sinh ra, lớn lên, già và chết. Khi một nền văn minh phát triển đến tột bậc thì sáng tạo bị bế tắc, văn minh già, cằn cỗi và chết.

Một triết gia Đức, Oswald Spengler (1880-1936) dùng lăng kính này mà suy rộng lịch sử nhân loại từ lịch sử 2500 năm của Âu châu, mặc dầu đã xác định rằng văn minh Âu châu chỉ là một trong những nền văn minh nhân loại. Qua cái nhìn này, Spengler cho rằng văn minh Âu châu đã đạt đến mục già nua nên không còn khả năng phát triển như xưa nữa. Tuy vậy, Spengler cũng cần thận xác nhận rằng cái nhìn về lịch sử của mình chỉ là cái nhìn tạo nên bởi những kiến thức thô thiển của thời đại và do đó không thể có giá trị tuyệt đối và vĩnh cửu.

Cũng cần nhận mạnh rằng, đối với Spengler các nền văn minh đang hiện hữu hoàn toàn biệt lập, không liên hệ gì với nhau. Sự giả Arnold Toynbee của Anh không đồng ý với nhận định trên. Toynbee cho rằng sẽ phải có nhu cầu liên hệ, hay hơn thế, phải sát nhập để sống còn.

### III. MỘT SỐ NHẬN THỨC.

Để tóm lại, bài viết mao muội rút tỉa từ năm sự quan ở Tây phương trình bày phân trên, một số nhận thức căn bản làm nền tảng một sự quan.

1. Sự quan là một lăng kính mà qua đó con người nhìn, suy nghiệm, và tìm hiểu lịch sử.
2. Cái lăng kính đó nhằm giải thích sự kiện lịch sử theo

luật nhân quả có yếu tố cần và đủ, có nghĩa là sự kiện X1, X2, X3, .... Xn thì tạo thành sự kiện Y, hay ngược lại, vì có sự kiện Y do đó chắc đã phải có X1, X2... Xn.

2. Tiến trình lịch sử, tập hợp của tất cả các sự kiện lịch sử, xảy ra theo một cái triền nhất định hay còn gọi là hướng đi của lịch sử.

Cái triền đó có thể là triền hướng đến thế giới thiên chúa giáo, triền hướng đến thế giới dân chủ đại đồng, thế giới của loài người thuần lý tự giác, thế giới cộng sản, hay là triền sinh động của văn minh nhân loại...

4. Sự xác định cái triền của lịch sử được đặt trên hai nền tảng chính yếu:

a. xác định cơ phận căn bản làm động lực của lịch sử; ví dụ như Thượng đế và con người, tính duy lý, giai cấp xã hội, nền văn minh, ....

b. xác định sinh hoạt của cơ phận căn bản; ví dụ như sinh hoạt phạm tội, trừng phạt, chuộc tội trong sự quan Thiên chúa giáo; sinh hoạt đấu tranh giai cấp trong sự quan duy vật; sinh hoạt sinh, trưởng, diệt trong sự quan văn minh.

### III. KẾT LUẬN.

Học sử, suy nghiệm sử là để thấu rõ và tự đó xác định vai trò làm lịch sử của con người. Học đúng thì làm đúng, và học sai thì làm sai. Quan niệm về cái Đúng không thể là quan niệm tuyệt đối, tức quan niệm rằng cái Đúng của ta là cái Đúng tuyệt đối, là cái Đúng duy nhất, là sự thật của lịch sử. Quan niệm như thế là đóng khung ý thức, là làm bế tắc lịch sử, là đi vào độc đoán trong tư tưởng và độc tài trong hành động. Như vậy không phải là học đúng. Cái đúng ở đây là quan niệm khai phóng mở ngõ cho sự sửa sai trong hành động, cái Đúng cởi mở trong lý thuyết vì tôn trọng tính tuyệt đối của sự thật đồng thời ý thức sự tương đối của kiến thức và lý trí con người.

Học lịch sử là học quá khứ mà học quá khứ thì không chỉ để biết và hiểu quá khứ mà còn để hiểu hiện tại và để

biết tương lai. Có hiệu hiện tại, có biết tương lai thì mới xác định được “Ta phải làm gì” và xác định được vai trò thực hiện lịch sử của mình.

Thật vậy, con người có khả năng học quá khứ, giải thích hiện tại, dự phóng tương lai và thực hiện tương lai. Điều này xác định vai trò chủ động và thực hiện lịch sử của con người.

---

Nguyễn Xuân Nguyên

### SÁCH THAM KHẢO:

1. Augustine, The City of God (Vernon J. Bourke, ed. )  
(New York: Doubleday and Company, Inc. , 1958.)
2. Donagan Alan & Barbara (ed.), Philosophy of History  
(New York: The MacMillan Company, 1965.)
3. Dray William H., Philosophy of History  
(New Jersey: Prentice Hall, 1964.)
4. Engels Friedrich, Socialism: Utopian and Scientific  
(New York: International Publishers Co., Inc., 1935.)
5. Hegel G.W.F., Reason in History (Robert S. Hartman, ed.)  
(Indiana: The Bobbs-Merrill Co., Inc., 1953. )
6. Kant Immanuel, On History (Lewis W. Beck, ed. )  
(Indiana: The Bobbs-Merrill Co. , Inc., 1963.)
7. Nash Ronald H. (ed.) , Ideas of History  
(New York: E. P. Dutton and Company, Inc. , 1969.)

# Tính Phản Khoa Học của Chủ Nghĩa Cộng Sản

Ý niệm về nguyên tử bắt nguồn từ thời thượng cổ bên Hy-Lạp. Các Triết gia Hy Lạp<sup>1</sup> quan niệm rằng nếu đập vỡ một hòn đá ra thành nhiều mảnh thật nhỏ, nhỏ đến nỗi không thể đập ra nữa thì mỗi mảnh nhỏ ấy là một hạt cơ bản bất-khả-phân (nguyên nghĩa của chữ a-tom là bất-khả-phân) cấu tạo nên hòn đá. Trong quan điểm ấy người Hy-Lạp đã dựa trên nhận xét phổ thông là nhiều hòn đá nhỏ kết lại thành tảng đá lớn mà phỏng suy rằng hạt nguyên tử của đá cũng là một hòn đá nhỏ li-ti với thành phần cấu tạo và kiến trúc y hệt như hòn đá lớn. Sự suy luận này hợp lý nhưng không đúng đắn; sự sai lạc này sinh trong quá trình phỏng-suy dựa trên những kiến thức thiếu sót. Quan điểm thô thiển ấy của người Hy-Lạp đã được cải thiện và thay đổi theo trình độ hiểu biết của con người về thế giới vi-mô. Mô hình nguyên tử là hòn đá nhỏ li ti đã được thay thế bằng một mô hình tinh tế và xác thực hơn do Rutherford đề xướng; đó là mô-hình dựa trên cấu trúc của một thái dương-hệ thu nhỏ mà trung tâm gồm những hạt mang điện tích dương và trung-tâm có các điện-tử quay xung quanh. Những mô-hình này vẫn không giải thích được một số hiện tượng vật-lý như hiện tượng quang-phổ<sup>2</sup>. Đến đầu thế kỷ hiện tại nhà vật-lý Bohr đã xây dựng một mô-hình nguyên-tử khác dựa trên lý-thuyết quantum và khoa xác-suất. Mô



hình của hạt nguyên tử tưởng đã kiện toàn về đại thể cho đến khi kỹ thuật trong phòng thí nghiệm phát triển cho phép các vật lý gia khám phá ra rằng hạt nguyên tử được cấu tạo bởi hàng chục những dạng hạt nhỏ hơn khác nhau như hạt  $\mu$ , hạt bosons, v.v... và ngày nay không ai dám tự nhận là đã khám phá ra hạt cơ bản nhất của vật chất. Cũng với những khám phá không ngừng ấy mô hình của hạt nguyên tử cũng được biến đổi, sửa chữa không ngừng theo đà phát triển của kỹ thuật và khoa học.

Quá trình phát triển của mô-hình hạt nguyên tử là quá trình phát triển tiêu biểu và khoa học của kiến thức loài người từ chỗ nhận xét sự kiện hay sự vật hàng ngày, phỏng suy ra những nguyên-lý kiến trúc và vận-dộng, xây dựng một mô hình dựa trên những nguyên lý ấy, dự phóng những đặc tính của mô hình và kiểm nghiệm, đồng thời tìm tòi thêm những nguyên lý mới để cải thiện hay thay đổi mô hình cũ cho phù hợp hơn với sự vật hay sự kiện. Nói cách khác, một sự vật hay sự kiện có nhiều nguyên lý kiến trúc và vận động của nó và trong quá trình tìm hiểu con người đã tha hóa sự kiện hay sự vật qua một mô-hình dựa trên một số nguyên lý mà con người thông hiểu được.

Xã hội loài người là một thực thể bao gồm nhiều sự kiện và sự vật trong mối liên hệ hỗ-tương cũng như xung khác, là tổng thể của những con người trong quan hệ giữa cá thể với tập thể và giữa các tập thể với nhau. Xã hội loài người do đó cũng có những nguyên lý kiến trúc và vận động của nó nhưng vô cùng năng động, đa dạng, và phức tạp. Chính vì vậy mà có rất nhiều khuynh hướng nhìn và giải thích về bản chất con người và xã hội con người trong sự phát sinh và phát triển của nó dưới ánh sáng của những nguyên lý khác nhau. Mỗi quan điểm, mỗi khuynh hướng chỉ thấy và giải thích được một khía cạnh của thực thể phức tạp ấy và do đó mang nặng tính tương đối, tính không gian, và tính thời gian; cũng như trong chuyện bốn người mù cũng sờ một con voi nhưng tả lại khác nhau vì mỗi người

chỉ số thấy một phần khác nhau của con voi.

Chủ nghĩa Cộng sản không khác gì hơn là một cách nhìn xã hội loài người trong quá khứ và hiện tại để dự phóng một tương lai tốt đẹp hơn cho con người dựa trên triết thuyết duy vật biện chứng. Chủ nghĩa Cộng sản giải thích quá trình phát sinh, phát triển, và diệt vong của mỗi thể chế xã hội qua một mô-hình xây dựng trên một số nguyên lý được coi là quyết định. Theo mô-hình ấy thì xã hội loài người là tổng thể những cá nhân có liên hệ hữu cơ trong sự phân công lao động, tồn tại và phát triển qua những mâu thuẫn đối kháng và không đối kháng mà trong đó chính yếu nhất là mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp thống trị và bị trị. Trong tổng thể này cá nhân là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội, và quan hệ giữa người và người là sản phẩm của trình độ sản xuất (hay hoàn cảnh kinh tế). Chủ nghĩa Cộng sản đi xa hơn, nó dựa trên những nguyên lý của mô-hình ngày nay mà khẳng định một mô-hình tất yếu cho tương lai, trong đó không còn mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp xã hội vì đã hoàn toàn xóa bỏ giai cấp. Sự xóa bỏ giai cấp này được thực hiện dựa trên một nền sản xuất hết sức phong phú cho phép làm theo lao động hướng theo nhu cầu và dựa trên con người cộng sản chủ nghĩa với lòng tự giác là sản phẩm của trình độ sản xuất. Người Cộng sản hoàn toàn tin tưởng vào sự chính xác và giá trị khoa học của mô-hình này vì được xây dựng trên triết thuyết duy vật biện chứng mà họ cho là khoa học và cấp tiến nhất. Tuy nhiên



giá trị của triết thuyết duy vật biện chứng bị giới hạn bởi trình độ kiến thức và khả năng vận dụng của con người. Một ví dụ điển hình nhất của sự thiếu sót và sai lạc trong vận dụng lý-thuyết duy-vật biện chứng là tác phẩm “Biện chứng của Thiên nhiên” của Frederick Engels, một trong hai cha đẻ của chủ nghĩa Cộng sản. Trong tác phẩm này, Engels đã dùng duy vật biện chứng với nguyên lý vật chất tồn tại và vận động trong mâu thuẫn để giải thích các hiện tượng vật-lý và di nhiên đã rơi vào rất nhiều lỗi lầm đến ngớ ngẩn. Chẳng hạn, Engels dựa trên nguyên lý mâu thuẫn của sự vật để khẳng định rằng không thể nào có nam châm đơn cực (monopole) được<sup>2</sup>. Ngày nay mọi người đều biết rằng đơn cực đã được phát hiện trong phòng thí nghiệm của đại học đường Stanford, CA, và đang được kiểm chứng<sup>3</sup>. Sự vận dụng lý thuyết duy vật biện chứng bởi cha đẻ của chủ nghĩa Cộng sản vào thực tiễn khoa học tự nhiên mà còn có những lầm lẫn, thiếu sót lớn thì nói gì đến việc vận dụng vào khoa học xã hội phức tạp và tế nhị hơn nhiều.

Quả vậy, xã hội là một thực thể hết sức phức tạp, đa sắc, và đa dạng dù nhìn dưới bất cứ một khía cạnh nào. Do đó mô-hình Cộng sản chủ nghĩa với vài nguyên lý có giá trị hết sức tương đối và nặng tính thời gian và không gian của nó trở thành quá thô thiển, sơ sài, thiếu sót, và rất có thể là sai lầm như những người mù sờ voi. Sự thiếu sót này trong quá trình phát triển của một mô-hình không thể tránh được vì đó là quy luật tất yếu, và càng hơn nữa vì sự non trẻ của triết-thuyết duy-vật biện chứng, trình độ thấp kém của kiến thức con người về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong giai đoạn hình thành chủ nghĩa Cộng sản so với sự phức tạp và biến động không ngừng của một thực thể với quá nhiều biến số và yếu tố tác động: xã hội con người. Mô hình ấy cần phải được cải thiện hay thay đổi hoàn toàn nếu cần, dựa trên những khám phá mới về các nguyên lý vận động của xã hội loài người. Đó là quá trình phát triển tự nhiên và có tính khoa học của một mô-hình. Thế nhưng



quá trình phát triển này đã bị gián đoạn ngay từ trong trứng nước khi một lý-thuyết khoa học trở thành chủ nghĩa, tính khoa học trở thành tính chủ-thuyết, mô hình trở thành khuôn khổ, và sự vận động trở thành bất di bất dịch. Hiển nhiên rằng quá trình chuyển đổi này là một quá trình hết sức phản khoa học (và phản biện chứng), càng phản khoa học hơn nữa khi mô-hình còn ở trong tình trạng hết sức thô thiển, thiếu sót, và có thể là sai lệch hoàn toàn.

Sự phản khoa học tiềm tàng từ ngay trong sự hình thành của chủ nghĩa Cộng sản này đã phát sinh ra những sự phản khoa học khác trong cả quá trình xây dựng hệ thống lý thuyết cộng sản. Chẳng hạn như người Cộng sản không bao giờ tìm cách kiểm chứng, một cách vô tư, những nguyên lý mà cũng có thể coi là tiền đề mà họ đã đề ra và dựa trên đó để xây dựng mô-hình của họ. Tiền đề về khả năng vô hạn của kỹ thuật cũng như sự vô tận về nguyên liệu trong khả năng khai thác của con người đủ để thỏa mãn mọi nhu cầu của con người đã không có một nền tảng khoa học. Chẳng hạn vì những tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết những vấn đề hiện tại lại đề ra những vấn đề khác trong tương lai, như nguyên tử năng đề ra vấn đề phóng xạ.<sup>4</sup> Tiền đề là xã hội cộng sản chủ nghĩa sẽ tạo nên con người cộng sản chủ nghĩa (luôn luôn tự giác) cũng không có một nền tảng khoa học vững chắc. Những khám phá mới của ngành xã hội sinh-vật-học đã dẫn chúng ta thấy rằng mọi sinh vật hay thực vật ngày nay đều còn mang những vết tích còn sót lại trong quá trình tiến hóa của chúng từ thời đại nguyên thủy cho đến ngày nay. Trong quá trình tiến hóa của mỗi chủng loại, có những thời điểm nào đó sự thay đổi trong môi trường sinh sống đã thay đổi hay làm nảy sinh một số đặc điểm di truyền của chủng loại ấy và những đặc điểm ấy được duy trì dù không còn cần thiết nữa. Nói cách khác, tâm chất của con người không nhất thiết là sản phẩm của xã hội đương thời mà có thể là sản phẩm di truyền từ một xã hội cổ đại. Điều này có thể thấy rõ trong sự khác biệt về giống phái. Phái nữ có một thể chất yếu đuối, dịu



dàng, và kiên nhẫn hơn phái nam không phải trình độ sản xuất quyết định mà do đặc tính di truyền có thể từ thời loài hữu nhũ chưa phân chủng, vì những khác biệt này về giống phái cũng được nhận thấy nơi loài vật. Quan hệ xã hội giữa nam và nữ do đó không hẳn là chỉ do trình độ sản xuất quyết định. Dựa trên quan điểm này của ngành xã hội sinh-vật-học, muốn có con người cộng sản chủ nghĩa thì cần phải biến đổi những đặc tính di truyền của con người như người ta đã biến đổi đặc tính di truyền của gia súc.

Sự phản khoa học của chủ nghĩa cộng sản trở thành phản nhân bản khi thực thể đối tượng là con người và xã hội con người. Trong các chế độ cộng sản cái thực thể này đang bị biến đổi và bóp méo cho phù hợp với cái mô-hình đã trở thành khuôn khổ cho hiện tại và tương lai. Cái khuôn khổ ấy quá sơ sài đến độ mù quáng và tàn nhẫn vì nó đã loại trừ những quan hệ phức tạp, tế nhị và đa dạng giữa người và người, đã loại trừ rất nhiều yếu tố làm nên con người và xã hội con người. Nói chung, mô-hình của chủ nghĩa Cộng sản đã loại trừ và phủ nhận tất cả những nguyên lý kiến trúc và vận động của con người và xã hội con người ngoài vài nguyên lý mà người cộng sản cho là cơ bản. Sự tha hóa này của mô hình đưa đến sự tha hóa của con người sống dưới chế độ cộng sản và là nguyên nhân của sự nghèo nàn về nhân tính và về văn hóa; là nguyên nhân của sự hèn kém và dễ nén phản tự nhiên; và là nguyên nhân của những khổ đau, nhục nhằn, tức tưởi, và mất tự do mà những người dân sống dưới chế độ cộng sản đang phải khứng chịu. Sự phản khoa học này có thể là một trong những lý do tại sao chủ nghĩa Cộng sản chỉ thành công và bành trướng ở các nước nghèo và chậm tiến.

Tóm lại, chủ nghĩa Cộng sản dù được những môn đồ mệnh danh là chủ nghĩa Cộng sản khoa học đã mang tính phản khoa học ngay từ trong sự hình thành của nó. Sự phản khoa học này thể hiện ra suốt dọc trong hệ thống lý thuyết của chủ nghĩa Cộng sản. Nó là nguyên nhân của các

chính sách vô nhân, mù quáng, và phản tự nhiên của các chính quyền Cộng sản. Người Cộng sản có thể được ví như một đứa trẻ vì thấy có người nuôi vịt trong chuồng mà phỏng suy rằng nuôi vịt trong ống tre có lẽ tốt hơn. Và vì thế bắt ép mỗi con vịt phải sống trong ống tre. Nếu sống được, thì những con vịt ấy, tuy vẫn là vịt do nguồn gốc, không còn là những con vịt theo đúng nghĩa của nó nữa vì hình dạng và thể chất đã biến đổi hoàn toàn và một cách phản tự nhiên. Nếu ví xã hội con người với loài vịt thì chủ nghĩa Cộng sản chính là cái ống tre vậy.

Nguyễn Đình Thắng

## CHÚ THÍCH

1. Democritus (460–352 trước Tây Lịch) và Leucipus (khoảng giữa thế kỷ thứ 5 thuộc Tây Lịch) được xem như là người đề xướng quan điểm này. — Tài liệu tham khảo số 2.
2. Trang 38. — Tài liệu tham khảo số 2.
3. Trang 76–78. — Tài liệu tham khảo số 3.
4. Nếu bạn nào muốn tìm hiểu về phương diện này xin đọc tài liệu tham khảo số 4.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. VERNE H. BOOTH, The Structure of Atoms, The MacMillan Company, London, 1969.
2. FREDERICK ENGELS, Dialectico of Nature, International Publishers, New York, 1940.
3. "The Year In Science," Discover, January 1983, tr. 63-80.
4. Richard C. Dorf, Technology, Society, and Man, Boyd & Frser Pub. Co., San Francisco, 1974.
5. EDWARD O. WILSON, Sociobiology, The Belknap Press of Harvard University Press, Cambridge Massachusetts, 1980.
6. Robert C. Tucker, The Marx Engels Reader, 2nd ed., W. W. Norton & Company, New York, 1978.
7. Robert Freedman, Marxist Social Thought, Hartcourt, Brace & World, Inc. New York, 1968.

# ***Đê Tam Thế Chiến***

## **CÓ THỂ XẢY RA Ở ĐÂU ?**

Thế Chiến thứ ba có thể sẽ mở màn ở Phi Châu. Tại sao vậy?

Chúng ta thử xem. Chiếc xe hơi chúng ta lái có thể được ráp tại Detroit nhưng bộ phận mỗi lửa được chế tạo bằng đồng tử xứ Zambia và nhôm tử xứ Ghana.

Chất chì lấy từ tiểu bang Missouri tử nó sẽ không làm bình điện hoạt động nếu không có chất “antimony” tử Nam Phi.

Máy xe làm bằng thép Pittsburg được tăng thêm tính dẻo dai bởi chất man-gan và được đúc thêm cung cấp với chất chrome tử Zimbabwe.

Bánh xe thì làm bằng nhựa thiên nhiên tử xứ Liberia hay nhựa nhân tạo tử Algeria.

Dầu thô (chất cặn của dầu xăng) nhập cảng tử Nigeria được lọc với chất bạch-kim của Nga-Sô.

Cái máy phát thanh thì phải cần chất bạch-kim tử Zaire và chất tantalum tử Mozambique.

Tất cả những chất chế tạo xe cộ cũng là những chất chế tạo máy bay, dân sự cũng như quân sự.

Như vậy, chúng ta thấy định được tầm mức quan trọng của chính sách xâm nhập của Nga-Sô nhằm chiếm giữ các quốc gia Phi Châu.

Cuốn sách tựa đề “Chiến tranh tranh giành những kim

loại chiến lược” của Jame Sinclair và Robert Parker đề cập đến vấn đề trên.

Hai tác giả này chứng minh rằng kỹ thuật này trở thành mạch sống của một xã hội văn minh. Thế nhưng, kỹ thuật sẽ chết đứng nếu không có những kim loại chiến lược nhập cảng từ Nga-Sô và Nam-Phi.

Bộ ngoại giao Hoa-kỳ đã có ý xi-tin cho biết Hoa-kỳ sẵn sàng tuyên chiến với Nga-Sô nếu cần phải bảo vệ quyền lợi của mình ở túi dầu vịnh Persian.

Thế mà, việc đi tìm những nguồn cung cấp dầu khác để thay cho dầu của vịnh Persian, nếu cần, vẫn còn khả thi chứ việc đi tìm nguồn cung cấp 18 thứ kim loại chiến lược của Phi-Châu thì thật là vạn nan.

Thế giới Tây phương trước giờ vẫn còn mua được những kim loại trên một cách khá dễ dàng vì tình trạng xung đột thường trực tại Nam-Phi.

Tuy nhiên một mai nếu các quốc gia từ Transvaal đến Zaire đoàn kết lại để tiến đến Trật-tự kinh-tế Toàn Cầu Mới (New International Economic Order) thì chuyện tấy chay để đặt điều kiện với thế giới Tây phương sẽ nghiêm trọng hơn chuyện tấy chay của khối bán dầu OPEC nhiều.

Thành thử, sự xung đột nội bộ tại Nam Phi có lợi cho Hoa kỳ và lại là một trở ngại cho Nga-Sô trong việc cố gắng kềm chế các sinh hoạt kinh tế trong vùng này.

Moscow đã chưa thiết đặt được những căn cứ quân sự hay hải cảng tại miền Nam Phi-Châu; tuy nhiên Moscow đã có gởi đến đây rất nhiều cố vấn quân sự, kỹ thuật và chính trị, đồng thời các tàu chiến và máy bay của Nga theo dõi rất sát sự lưu thông của tàu bè Tây phương qua ngã Cape Sea.

Cái giá cuộc chiến thế giới tại đây—nếu ai có thể chiến thắng—là sự độc quyền mua bán những tài nguyên chiến lược. Nước nào chiếm được độc quyền này thì nước đó sẽ đứng đầu thế giới.

Lý-Xuân-Mộc



# Những bước luận lý trong

## CHÍNH-TRỊ HỌC

Sống là chọn lựa một thái-độ chính-trị. Dù vào núi ẩn thân như Bá-Di Thúc-Tề, dù lạc giữa hoang đảo như Robinson Crusoe, con người vẫn bị chính-trị theo đuổi, hay đúng hơn, cuộc sống của con người đi đôi với chính-trị.

Vì sự gần gũi mật thiết đó, con người đưa chính-trị thành một môn học, và, với thời gian, với kiến thức thu thập qua những bài học trong đời sống, môn học chính-trị dần dần được hệ-thống-hóa để trở thành một khoa học xây dựng trên các yếu tính: chính-xác-tính, đo-lường-tính, ước-đoán-tính, và dựa trên một nền tảng luận lý chuyên biệt.

Là thanh niên sinh viên Việt ty nạn đối diện với hiện trạng của đất nước, lý luận chính-trị (với ba bước: mô-tả, giải-thích, lượng-định) có giúp ta kết luận gì?

### I. THẾ NÀO LÀ CHÍNH-TRỊ?

Danh từ “chính-trị” thường gây cho người ta một ấn-tượng không tốt đẹp đến nỗi nhiều người đồng nghĩa chính-trị với xấu xa. Định nghĩa này, nếu có giá trị thì chỉ có giá

trị chủ quan bởi vì chính-trị tự nó không tốt mà cũng không xấu. Chính-trị cũng như một cô gái mà sự đẹp xấu tùy người đối diện.

Phương pháp đi tìm một định nghĩa có giá trị khách quan là khảo xét các đề tài nghiên cứu của nhà khoa-học chính-trị. Phần đông lãnh vực nghiên cứu chú mục vào các hiến-pháp, các định-chế chính-trị, các luật-lệ... Phương pháp luận-lý gồm ba bước: mô-tả, phân-tích, và quyết-dịnh hay lượng định. Ngoài ra các đề tài nghiên cứu còn có thể gồm sự xã-hội-hóa của trẻ em, sự phân quyền và dụng quyền trong các tổ chức không chính phủ, các nguyên do cách mạng chính trị...

Sự khác biệt của các đề tài liệt kê ở trên chứng tỏ rằng các nhà khoa học chính-trị không đồng ý về một phạm trù cố định nào của ngành chính trị cả. Mà thật, có hai trường phái giải thích “thế nào là chính trị?”

Một trường phái định nghĩa chính-trị là những sinh hoạt nằm trong hay trực tiếp liên quan đến những định chế của chính quyền. Định nghĩa này tuy có vẻ rõ-ràng về lãnh vực của chính-trị-học, tuy nhiên, lại không định rõ được đâu là những sinh hoạt liên quan đến chính quyền.<sup>1</sup>

Trường phái kia định nghĩa chính-trị là những cách hành-xử hay các mối tương quan con người dựa trên ba ý niệm: 1. xung đột hay căng thẳng; 2. quyền-lực hay khả năng ảnh hưởng; 3. quyết định hay chọn lựa một thái độ, một hành động. Với định nghĩa này thì nhiều hành động vẫn có thể được gọi là chính-trị dầu không xảy ra trong môi trường chính-phủ.<sup>2</sup>

Thoạt nhìn qua hai định nghĩa trên, định nghĩa đồng hóa chính-trị với các sinh hoạt liên quan đến chính-phủ tuy có vẻ thấu hẹp được phạm vi của ngành học này, nhưng thật ra, hầu như mọi chuyện trong xã-hội đều có liên quan đến chính-quyền. Vernon Van Dyke phê bình định nghĩa này là “quá hẹp nhưng lại quá rộng.”<sup>3</sup> Còn định nghĩa thứ hai thì đương nhiên là rộng quá vì nó đặt trên căn bản tương quan con người, vậy tức là, ở đâu có con người là có chính-trị.

Cả hai định nghĩa đều không thỏa mãn được nhu cầu ấn định rõ ràng lãnh vực của ngành chính-trị-học. Tuy vậy, cả hai cũng đồng quan điểm: lãnh vực của chính-trị-học rất rộng lớn vì chính-trị ở trong xã-hội và ở với con người.

## II. LUẬN LÝ

Hiểu theo cách đó, chính-trị đi đôi với đời sống con người, và ngành học chính-trị cũng đã đi sát với cách lý-luận của con người để chọn cho mình một thái-độ, một chiều hướng hành động thích hợp khi đứng trước một vấn đề hay một sự kiện chính-trị. Phương pháp lý luận gồm ba bước:

1. bước mô-tả sự việc chính-trị (mô-tả);
2. bước giải-thích và dự phóng sự việc chính-trị (phân-tích);
3. bước lượng định sự việc chính-trị (quyết định chính-sách).

### A. BƯỚC MÔ-TẢ

Có rất nhiều vấn đề mà chính-trị-học mô-tả từ xưa đến nay, mà một trong những vấn đề đó là mô-tả thể-chế.

Để mô-tả thể-chế, người ta dùng những tiêu chuẩn xếp loại và so sánh. Từ đó, sự xếp-loại từng thể-chế, sự định-giá các thể-chế mới có thể thực hiện được. Trong phần này, bài viết trình bày hai phương pháp mô-tả thể-chế của Aristotle và của Almond.

Vào thế kỷ thứ 5 trước Dương-lịch, Aristotle mô-tả một thể-chế chính trị dựa trên hai tiêu chuẩn: 1) ai lãnh đạo? (số ít hay toàn dân); 2) nhóm lãnh đạo đó cai trị cho quyền lợi của ai? (của mình hay của toàn dân)<sup>4</sup> Sự mô-tả đó xác định giá trị một thể-chế hết sức minh-bạch: nếu thể-chế đó được xây-dựng bằng sự cai-trị dựa trên quyền lợi của toàn dân thì đó là thể-chế tốt, và ngược lại, nếu thể-chế đó được dùng để bảo vệ quyền lợi của nhóm lãnh đạo thì đó là thể-chế xấu. Như vậy, mọi hình-thức độc-tài là xấu.

Hai tiêu chuẩn của Aristotle thoát trông rất hợp lý nhưng phạm một lỗi lý luận. Thật vậy, với 2 tiêu chuẩn trên thì Dân chủ là thể-chế xấu; Dân-chủ do toàn dân cai-trị để bảo vệ quyền lợi của chính mình.

**Bảng mô tả các thể-chế của Aristotle:**

| Số người lãnh đạo | Sự cai trị dựa trên quyền lợi của |                 |
|-------------------|-----------------------------------|-----------------|
|                   | Mọi người                         | Nhóm lãnh-đạo   |
| Một người         | Quân-chủ                          | Độc tài cá nhân |
| Vài người         | Quy-tộc                           | Độc-tài nhóm    |
| Nhiều người       | "Polity"                          | Dân-chủ         |

Công việc phân loại các thể-chế là công-việc liên tục của các nhà khoa-học chính-trị. Vào khoảng 200 năm sau này, ý niệm đảng chính-trị ra đời. Vì thế, một số nhà nghiên-cứu chính-trị xếp loại các thể-chế dựa vào tính-chất các đảng chính-trị trong thể-chế đó. Grabriel Almond đưa ra hai tiêu-chuẩn phân-loại: 1) số lượng đảng; 2) sự tranh-giành ảnh-hưởng trong thể-chế giữa các đảng.

**Bảng mô-tả các thể-chế của Almond:**

| Số lượng đảng | Tính-chất đảng cai-trị |            |            |
|---------------|------------------------|------------|------------|
|               | Độc-tài                | Chuyên-chế | Cạnh tranh |
| Độc đảng      | Độc-tài                | Chuyên-chế |            |
| Lưỡng đảng    |                        |            | Lưỡng đảng |
| Đa đảng       |                        |            | Đa đảng    |

Với hai tiêu-chuẩn trên, các thể-chế được chia làm bốn loại: độc tài, chuyên chế, lưỡng đảng, và đa đảng. Độc tài và chuyên chế đều là độc đảng nhưng khác nhau ở cấp độ áp bức quần chúng.

Phương pháp tán thời của Almond khác phương pháp của Aristotle là Almond lấy đơn vị đảng chính-trị trong khi Aristotle lấy đơn vị cá nhân làm tiêu chuẩn phân loại. Cả hai đều đồng kết luận độc-tài là thể-chế xấu vì độc tài không



tôn trọng quyền lợi toàn dân theo Aristotle, và độc tài áp bức quần chúng theo Almond.

Thế-chế tại Việt Nam hiện tại là thế-chế độc-dáng độc tài.

## B. BƯỚC GIẢI-THÍCH

Vấn đề giải-thích các sự kiện chính trị cũng tạo nên nhiều cuộc tranh luận từ xưa tới nay. Một trong những đề tài cổ điển là giải-thích sự ổn định và sự bất ổn chính-trị, cụ thể là: tại sao có cách mạng chính-trị? Hai phương pháp giải thích, cổ điển và tân thời, sẽ được trình bày.

Khi nghiên cứu về các nguyên do cách mạng chính-trị, Aristotle phân làm ba loại: 1) động lực tâm-lý; 2) đối tượng của động lực; 3) những nguyên nhân trực tiếp.

Động lực tâm lý là quan điểm và thái độ của nhân dân đối với những bất công của chế độ. Aristotle phân-tích:

“Có những phân tử nổi dậy đã phá chế độ đương nhiệm vì muốn thiết lập một trật tự công bình hơn...”<sup>6</sup>

Như vậy, theo sự mô-tả thế-chế của Aristotle, ước muốn công bằng xã hội là một động lực tâm lý dẫn đến cách-mạng chính-trị nhằm đã phá chế-độ độc-tài và xây dựng Polity, chính-trị lãnh đạo bởi đa số và vì quyền lợi mọi người.

Đối tượng của động lực là những giá trị tinh thần và vật chất tạo sự nhiệt thành và đam mê trong hành động cách mạng.

Những nguyên nhân trực tiếp đưa đến cách mạng chính-trị là những sự-kiện tạo cảm phẫn trong nhân dân. Aristotle liệt kê một số nguyên nhân trực tiếp mà sự xác lác của kẻ cầm quyền là một.

“... khi mà những kẻ cầm quyền biểu lộ sự xác lác đối với nhân dân, cai trị vì quyền lợi riêng tư, nhân dân sẽ nổi dậy, không những để diệt những kẻ cầm quyền mà còn phá luôn cái hiến-pháp quy định quyền hành của họ...”<sup>7</sup>

Một công trình nghiên cứu nguyên nhân cách mạng tân thời được phổ-biến trong tác-phẩm “Anatomy of Revolution”<sup>8</sup> của Crane Brinton. Brinton nghiên cứu bốn cuộc

cách mạng hiện đại là cách mạng Anh Quốc 1688, cách mạng Pháp, Hoa kỳ, và Nga-sô; rồi rút ra ba nguyên nhân chính: 1) sự yếu kém kinh tế và chính-trị; 2) sự phản kháng của trí thức; 3) mâu thuẫn giai-cấp (giai cấp ở đây không phải là giai-cấp định-nghĩa trên căn bản kinh-tế mà là giai-cấp chính-trị—giai cấp cai trị và giai cấp bị trị).

Sự yếu kém kinh-tế có thể là sự phá giá nghiêm trọng về tiền tệ làm cho các tầng lớp dân chúng lâm vào sự đói khổ không phương cứu rỗi. Sự yếu kém chính-trị thường là sự thiếu hiệu-năng trong cách quản trị của chế-độ. Brinton nhận xét rằng:

“Cả trong bốn xã hội đó, cơ-chế chính-quyền thiếu hiệu-năng trong việc quản-trị...”<sup>9</sup>

Ngoài ra, Brinton cũng còn xác nhận rằng:

“... Dưới các chế độ đang lung lay đến chỗ sụp đổ, người ta nhận thấy số lượng rất lớn trí thức phản kháng chế-độ, các định-chế xã-hội, hầu như cầu một sự thay đổi căn bản.”<sup>10</sup>

Nguyên do thứ ba là mâu thuẫn trầm trọng giữa giai cấp cai-trị và giai-cấp bị trị. Mâu thuẫn này chỉ có thể được giải quyết bằng cuộc cách mạng chính-trị. Về điều này, hơn hai ngàn năm trước, Aristotle cũng đã có kết luận tương tự.

Tình thế tại Việt Nam hiện nay đã hội đủ các nguyên-nhân dẫn đến cách mạng chính-trị kể trên.

### C. BƯỚC LƯỢNG-GIÁ

“Thế nào là một thể-chế tốt nhất?” là một vấn đề còn đang được tranh luận gay go. Đã có rất nhiều nhà khoa-học chính-trị đặt vấn đề này, do đó, đã có rất nhiều câu trả lời. Bài viết sẽ trình bày hai câu trả lời — một cổ-diễn, một tân thời.

Aristotle, đại diện cho phái cổ-diễn đã đề cập đến sáu thể-chế. Theo đó thể-chế mà Aristotle chọn lựa là thể-chế mà quyền lực nằm trong giới trung-lưu. Aristotle quan niệm rằng: “cái tốt nằm trong sự trung bình,”<sup>11</sup> có nghĩa là cái tốt không nằm ở quá khích, ở thái cực. Suy diễn ra, “... trong vấn đề hữu sản thì hữu sản ở mức độ trung bình là

hơn cả...”<sup>12</sup>, do đó, một xã hội tốt là một xã hội mà giới trung lưu chiếm đại đa số. Theo Aristotle, giới trung lưu thường tạo điều kiện ôn hòa trong sinh hoạt chính-trị quốc gia, và do đó, sự ưu thế của giới này là một điều kiện xã hội cần thiết để tạo dựng thể chế tốt đẹp—Polity:

“... kết luận rằng một thể-chế tốt nhất là một thể-chế mà quyền lợi nằm trong tay giới trung lưu, đồng thời cũng kết luận rằng một thể-chế tốt chỉ có thể được tạo dựng trong những xã hội mà giới trung lưu chiếm ưu thế...”<sup>13</sup>

Chọn thể-chế Polity và cho là tốt nhất đồng nghĩa với quyết định một chính-sách quốc gia vậy. Sự quyết định này dựa trên các định đề: nếu muốn đạt được một mục tiêu (tính trung bình, trung hòa) và nếu các điều kiện được thỏa mãn (sự ưu thế của giới trung lưu) thì thể-chế tốt nhất (Polity) có thể đạt được. Quan điểm của Aristotle xác định liên hệ giữa giới trung lưu và tính dân-chủ.

Đại diện cho sự lưỡng giá tán thời là Robert Dahl với những tác phẩm trong những năm 1950.<sup>14</sup> Phương pháp nghiên cứu của Dahl gồm ba bước: 1) hình dung một thể-chế chính-trị lý-tưởng (Polyarchy); 2) so sánh những tính chất của một thể-chế trong thực tế (thể-chế dân-chủ của Hoa-kỳ) với thể-chế lý tưởng; 3) phân tích các tính chất của thể-chế trong thực tế (Hoa-kỳ), để tìm cách đề-nghị những chính sách phù hợp để thể-chế thực tế gần lại với thể-chế lý-tưởng.

Đối với chúng ta, bước lưỡng-định là bước hoạch-định một thể-chế chính-trị hậu cộng-sản.

### III. KẾT LUẬN

Luận-lý chính-trị trong bài viết được tóm gọn vào bốn điểm sau đây:

1. Chính trị gắn liền với đời sống con người vì sống là làm chính-trị và ngược lại bị chi phối bởi một thể-chế chính-trị, theo tinh thần phân định nghĩa “Thế nào là chính-trị?”

Có ai mà không một lần làm một hành động chính-trị bởi vì một hành động chính-trị là một hành động xuất phát từ một thái độ chính-trị hoặc để thực hiện một mục tiêu

chính-trị. Hành động bỏ nước ra đi, sống đời lưu vong là một hành động chính-trị, là không chấp nhận Cộng sản. Ngay hôm nay, nhân dân Việt Nam có chung một mục tiêu chính-trị: đánh đổ chế độ độc đảng Cộng sản. Và mọi hành động nhằm đến mục tiêu đó là những hành động chính trị. Khuớc từ hành động chính-trị đó — đánh đuổi Cộng sản — là khuớc từ quyền lợi và trách nhiệm của một người dân Việt Nam.

2. Theo cách đặt vấn đề mô-tả thể-chế chính-trị chúng ta đã rõ mọi chế-độ độc tài đều đi ngược lại quyền lợi và nguyện vọng nhân dân bởi vì bản chất của một chế độ độc tài là sự cai trị cho quyền lợi của một cá nhân hay một nhóm chứ không phải cho quyền lợi của toàn dân do đó nhân dân phản kháng. Để bảo vệ ưu thế, chế-độ độc tài phải sử dụng chính sách khủng bố và áp bức. Chính sách áp bức có thể bảo tồn chế-độ độc tài trong một giai đoạn ngắn nhưng trên đường dài lại làm cho sự căm phẫn của nhân dân lên cao cho đến lúc một cuộc nổi dậy rộng lớn bùng nổ.

3. Vấn đề giải thích sự kiện chính trị chứng minh rằng một chế-độ đi ngược lại nguyện vọng nhân dân sẽ dẫn đến cách mạng chính trị. Mâu thuẫn quyền lợi giữa giới cai trị và giới bị trị hầu như hiện hữu trong mọi thể-chế, tuy nhiên mâu thuẫn này đạt đến cao độ dưới chế-độ độc tài. Vì thế, mâu thuẫn này chỉ có thể được giải quyết bằng một cuộc cách mạng chính trị khi toàn dân đứng dậy phá tan chế-độ độc tài, và sau đó, thiết đặt một trật tự chính-trị mới thích hợp hơn. Cách mạng chính-trị là yếu tố cần có cho cách mạng xã hội nhằm chấm dứt những tệ-trạng áp bức, bóc lột để khai mở một sinh hoạt xã hội tôn trọng con người.

Ở đây, thiết tưởng cũng cần phân biệt chính-trị và cách mạng. Khi nói đến chính-trị là nói đến chính quyền và quyền-lực. Khi nói đến cách mạng là nói đến sự thay đổi toàn diện. Sự thay đổi này được thực hiện qua hai bước: phá cái xấu và xây cái tốt. Muốn phá vỡ một định chế, một chính quyền, phải cần có quyền lực mới làm được. Vậy



quyền lực là phương tiện để thực hiện sự thay đổi. Nói một cách khác, chính-trị là phương tiện cho cách mạng. Làm cách mạng phải vận dụng chính-trị, do đó, nhiều khi một hành động cách mạng không khác gì hành động chính-trị. Điều đó không có nghĩa cách mạng là chính trị, điều đó không có nghĩa cứu cánh là phương tiện.

4. Cuối cùng vấn đề lượng-định là để đi tìm và đặt tiêu chuẩn cho việc hoạch định và xây dựng một thể-chế chính-trị tốt. Trong giới hạn nhỏ hẹp của bài, người viết chỉ trình bày hai phương-pháp suy-luận và nghiên cứu của Aristotle và của Dahl mà thôi.

Tìm câu trả lời cho câu hỏi “Thế nào là một thể-chế tốt nhất” là một công việc hết sức trọng đại bởi vì trả lời được câu hỏi đó cũng là trả lời được câu hỏi “Cái gì đi sau cuộc cách mạng lật đổ chế-độ độc tài?” Nguyễn Xuân Mai

#### CHỮ THÍCH

1. Alan C. Isack, Scope Methods of Political Science (Homewood, : Dorsey Press, 1969), tg. 16.
2. Cùng tác phẩm, tg. 14—21.
3. Vernon Van Dyke, “The Optimum Scope of Political Science” trong James C. Charlesworth, A Design for Political Science: Scope, Objectives and Methods (Philadelphia: American Academy of Political and Social Science, 1966). tg. 10—11.
4. Ernest Barker (dịch), The Politics of Aristotle (New York: Oxford University Press, 1962), tg. 157—179.
5. Gabriel A. Almond and James Coleman, The Politics of Developing Areas (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1960).
6. The Politics of Aristotle, tg. 207.
7. Cùng tác phẩm, tg. 208.
8. Crane Brinton, The Anatomy of Revolution (New York: Vintage Books, 1965).
9. Cùng tác phẩm, tg. 36.
10. Cùng tác phẩm, tg. 42—43.
11. The Politics of Aristotle, Sách đã trích dẫn, tg. 180.
12. Cùng tác phẩm, tg. 181.
13. Cùng tác phẩm, tg. 182.
14. Robert Dahl, A Preface to Democratic Theory (Chicago: University of Chicago Press, 1956), Chương V.

# Tin Khoa Học

## CÁC TẤM GƯƠNG KHÔNG LỖ TRÊN QUỶ ĐẠO?

Gần đây, một dự án của các nhà khoa học thuộc trung tâm nghiên cứu Langley của NASA đã đề nghị đưa lên quỹ đạo 16 tấm gương không lỗ để chiếu sáng các thành phố vào ban đêm. Theo dự tính, 16 tấm gương này có thể phản chiếu một lượng ánh sáng gấp 56 lần ánh sáng mặt trăng, nghĩa là đủ để cung cấp ánh sáng cho sinh hoạt bình thường.

Các tấm gương này, mỗi tấm rộng nửa dặm (mile), sẽ quay cùng chiều và cùng vận tốc với trái đất. Dưới sự điều khiển của máy điện toán, các tấm gương phản chiếu ánh sáng mặt trời và tập trung chiếu sáng một vùng mỗi bề rộng khoảng 300 dặm. Làm bằng nhôm và được bọc bằng chất plastic, mỗi tấm gương được xếp gọn lại và chứa trong một phi thuyền con thoi (space shuttle), sau đó được đưa lên quỹ đạo cách mặt đất khoảng 300 dặm. Sau khi tự bung ra như một chiếc dù, các tấm gương sẽ tự leo đến độ cao hoạt động và dùng năng lượng mặt trời để làm việc.

Sử dụng ánh sáng mặt trời để chiếu sáng vào ban đêm như thế sẽ giúp con người tiết kiệm được rất nhiều năng lượng. Theo ước tính, phí tổn của việc xây dựng hệ thống chiếu sáng này dù rất lớn, sẽ được hoàn lại, nhờ sự tiết kiệm nhiên liệu, trong vòng chỉ có 5 năm. Tuy nhiên, việc sử dụng hệ thống chiếu sáng này chắc hẳn sẽ tạo ra nhiều thay đổi trong điều kiện môi sinh; hiện nay, các nhà khoa học chưa ước lượng được những hậu quả sẽ xảy đến cho đời sống con người cũng như của các sinh vật khác trong vùng. Các công trình nghiên cứu đang được đề nghị để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này.

## NĂNG LƯỢNG TỪ LÒNG ĐẤT!

Nằm sâu dưới lòng đất và được dự trữ trong các khối dung nham lỏng (magma) bên dưới miền Tây nước Mỹ là một năng lượng dồi dào gấp 800 cho đến 8000 lần năng lượng tiêu thụ hàng năm của toàn nước Mỹ. Ngay nay, với trình độ tiến bộ của khoa học kỹ thuật các nhà khoa học đang tìm cách để lấy lên nguồn năng lượng hầu như vô tận này.

Nguồn năng lượng này được lấy lên bằng cách dùng sức nóng của khối dung nham để tạo ra hơi nước và sau đó dùng hơi nước để chạy máy phát điện. Nhưng điều này có nghĩa là phải đưa được các dụng cụ xuống một độ sâu mà nhiệt độ ở đó lên đến  $2000^{\circ}\text{F}$  — đủ nóng để làm chảy các dụng cụ khoan hiện đại. Tuy nhiên gần đây phòng thí nghiệm quốc gia Sandia đã phối hợp với Bộ Năng Lượng Hoa Kỳ để thử nghiệm một hệ thống khoan dùng kim cương nhân tạo cùng với việc phun nước làm nguội xuống giếng khoan.

Công việc trở nên phức tạp hơn khi đào xuống tầng dung nham nóng: làm thế nào để tạo ra một ống dẫn không bị hủy hoại bởi sức nóng khủng khiếp của lớp dung nham. Vấn đề này được giải quyết nhờ vào tính giải nhiệt của nước. Khi mũi khoan đi xuống, dòng nước phun ra có tác dụng hấp thụ nhiệt từ dung nham nóng bỏng; nhờ sự hấp thụ này, lớp dung nham chung quanh mũi khoan sẽ nguội bớt và đặc lại tạo thành một ống dẫn. Dòng nước liên tục sẽ giữ cho ống dẫn này không bị chảy lỏng trở lại. Vấn đề còn lại là làm thế nào để lấy được năng lượng nhiệt đưa vào sử dụng. Trong thí nghiệm này, hai phương pháp đã được thử nghiệm. Cách thứ nhất là đưa nước qua một hệ thống kín xuống đến lớp dung nham; ở đây nước bị biến thành hơi nước, sức ép tạo ra sẽ đẩy hơi nước lên mặt đất. Cách thứ hai là nước được đưa thẳng vào lớp dung nham qua một số ống dẫn, số nước này được đun sôi và phun ngược lại lên mặt đất qua các ống dẫn khác. Tuy vẫn còn trong vòng thí nghiệm nhưng cả hai phương pháp này đều cho nhiều hứa hẹn.

## BẠN CÓ BIẾT

† Một vẩn thạch (meteor) cỡ trung bình khi vào đến bầu khí quyển đủ cho bị cháy sáng đến độ mắt người có thể nhìn thấy được, vẫn không lớn hơn một hạt cát. Ngay cả những vẩn thạch lớn và sáng nhất, được gọi là các quả cầu lửa, cũng ít khi lớn hơn kích thước của một hột đậu.

† Cá nước mặn nói chung không mặn như môi trường nó sinh sống. Sau khi uống vào một ngụm nước, chúng dùng những bộ phận thân chuyên biệt và hệ thống mang để bài tiết chất mặn dư thừa.

† Nếu dùng hết tất cả nước biển của trái đất, chúng ta có thể đổ đầy một cái ống đường kính 75 dặm và cao 70,000 dặm, một phần ba khoảng đường từ đây đến mặt trăng.

† Tháp Eiffel được xây dựng bởi chỉ có 250 người, dùng 2.5 triệu con ốc tán (rivets) và 8,000 tấn thép. Nhưng điều thú vị nhất về việc xây tháp này là các bản vẽ của nó. Người ta phải dùng đến 14,000 ft (phân Anh) giấy vẽ, một phần ba diện tích của sân túc cầu (football field).

† Một hồng huyết cầu có đời sống trung bình vào khoảng 120 ngày. Có thể chúng ta do đó phải sản xuất ra các tế bào mới để thay thế. Trong một đời sống trung bình, có thể con người sản xuất hơn nửa tấn hồng huyết cầu để duy trì sự sống.

† Bộ óc của chúng ta là bộ phận... háu ăn nhất trong cơ thể. Trọng lượng của nó chỉ bằng một phần năm mươi cơ thể nhưng nó tiêu thụ một phần năm số lượng oxygen cơ thể hấp thụ và tất cả lượng máu mà tim bơm được. Năng lượng bộ óc tiêu thụ chiếm mất một phần năm lượng calory cơ thể tiêu thụ mỗi ngày.

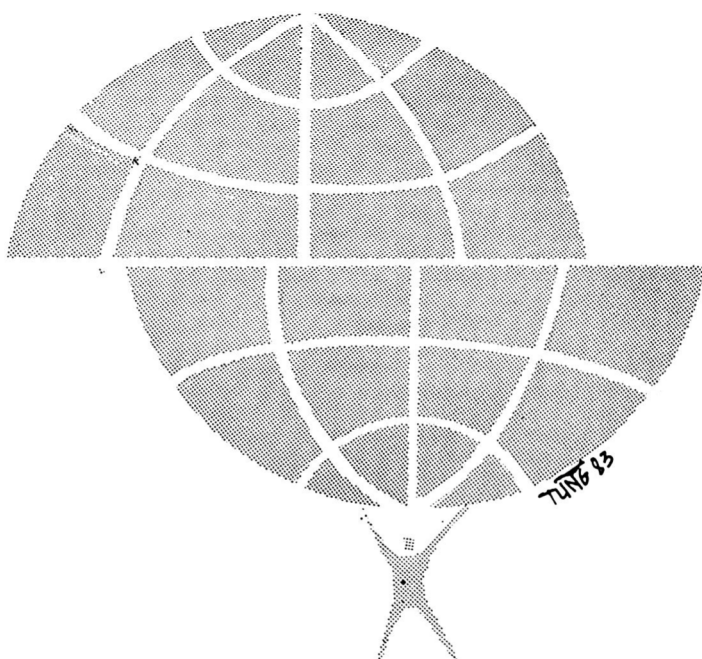


† Trong khi mang thai, số lượng máu trong cơ thể của người đàn bà tăng lên 50 phần trăm để đề phòng cho sự mất mát lúc sinh nở.

† Sự thông minh của bộ óc bắt nguồn từ một khu vực được gọi là chất xám (gray matter), không dày quá 1/4 của một phân Anh. Trong một đơn vị thể tích của khu vực này có 8 tỉ tế bào thần kinh nối liền với nhau bởi một hệ thống dây thần kinh có chiều dài tổng cộng 10,000 dặm.

- Các bài viết trong phần này dựa theo tài liệu từ các tạp chí Science Digest, New Scientist, Science và Scientific America các số xuất bản thuộc tháng 1,2,3 năm 1983.

Nguyễn Thái Hòa  
Nguyễn Phong



## XIN LƯU Ý

Trong mục đích thông tin và kết thân giữa các cộng đồng sinh viên Việt tại hải ngoại, Xác Định mong muốn được đặt liên hệ với tất cả tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san, tam cá nguyệt san, đặc san, bản tin và giai phẩm — chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp — do các anh chị thanh niên sinh viên, học sinh chủ trương.

Xin quý anh chị vui lòng liên lạc về địa chỉ dưới đây:

**XÁC ĐỊNH / HỘP THƯ LIÊN LẠC**

P.O Box 4087

Arlington, Va. 2204

# ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG

## TẠP CHÍ XÁC ĐỊNH !

### TẠP CHÍ XÁC ĐỊNH

Giá Biểu Quảng Cáo

(Trên mỗi số)

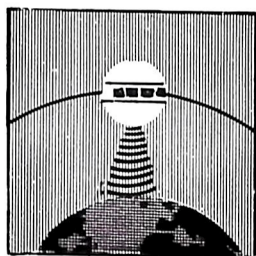
|                        |          |
|------------------------|----------|
| Nguyên 1 trang         | \$125    |
| Nửa trang              | 75       |
| Một phần ba trang      | 50       |
| Một phần tư trang      | 30       |
| Nhấn tin tìm thân nhân | miễn phí |

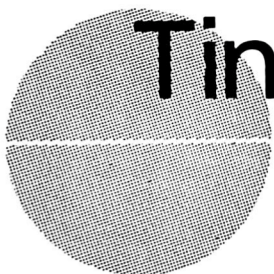
**ĐĂNG QUẢNG CÁO TRÊN XÁC ĐỊNH LÀ QUÝ VỊ GÓP PHẦN NUÔI DƯỠNG SỰ TỒN TẠI CỦA DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT TỶ NẠN.**

**Thời Sự Thế Giới** Tóm Lược ■ *Lý Văn Anh . . .*  
**Tin Cộng Đồng, Thanh Niên Sinh Viên** ■ *Bùi Vũ Trang*  
**Thư Tín Và Nhắn Tin** ■ *Xuân Việt*

## PHẦN TIN TỨC

---





# Tin Tóm Lược

Lý-Văn-Anh

## ● ÂU CHÂU

### BA-LAN CHUẨN BỊ CHO MÙA XUÂN

“Mùa Đông của các anh, mùa Xuân của chúng tôi”— Đó là khẩu hiệu chuẩn bị cho mùa Xuân trong nỗ lực đề-kháng chính quyền cộng sản tại Ba-Lan của công-đoàn đoàn-kết. Thật vậy, sự đàn áp của chính quyền Jaruzelski bằng thiết quân luật ban hành từ tháng 12-1981 đã không bóp chết được sức đề-kháng của nhân dân Ba-Lan. Vào tuần lễ tháng ba 21, khoảng 2,000 công nhân đã tụ tập tại xưởng đóng tàu Lenin để kỷ niệm 2 năm rưỡi ngày thành lập Công-Đoàn Công nhân Đoàn kết.

Trước đó một tuần Lech Walese, lãnh-tu công đoàn được thả vào tháng 11 sau 11 tháng bị quản thúc, tuyên bố đã đến lúc chín mùi để tìm “những cách đề kháng hữu-hiệu.”

Mâu-thuẫn giữa Công-Đoàn Đoàn-kết và chính quyền cộng sản là mâu-thuẫn sống chết; một bên là sức mạnh của nhân-dân và một bên là sức mạnh của chính-quyền độc-tài. Trên đường dài, lẽ thắng bại đã rõ. Chuyển viếng thăm của Giáo hoàng John Paul II vào tháng tháng 6 này có thể là một nước cờ quyết định?

### NGA SÔ NGHÈO VÌ DẦU XUỐNG GIÁ

Nước sản-xuất nhiều dầu nhất thế-giới không phải là Saudi Arabia, cũng không phải là khối các nước vịnh Persian, mà là Nga Sô với số lượng bơm dầu trên 12 triệu thùng một ngày, và số lượng xuất cảng trên 3 triệu thùng một ngày.



Nga Sô thiếu hụt ngoại tệ trầm trọng và sự sụt giá dầu trên thị trường quốc tế hiện nay ảnh hưởng rất nhiều đến nền kinh tế Nga. Thật vậy, giá dầu xuống một xu thì Nga mất 600 đến 750 triệu mỹ kim. Để đối phó với tình trạng này, Nga gia tăng số lượng xuất cảng. Tuy nhiên, đúng luật cung cầu, càng muốn bán được nhiều thì giá bán phải xuống và số ngoại tệ thu sẽ ít đi. Hơn thế, trong lâu dài, càng bán nhiều dầu với giá rẻ cho khối Tây phương, sự tài trợ cho khối Đông Âu càng đè nặng lên Nga Sô. Đó chưa kể, vì chuyện dầu xuống giá, dự án ống dẫn hơi đốt từ Nga qua khối Tây phương mất hấp dẫn và có thể bị đình trệ.

Không biết Nga Sô còn có thể kham nổi sự xuống dốc kinh tế để tiếp tục tài trợ cho các đàn em trong đó có Cộng sản Việt Nam hiện đang được tiếp sức hằng ngày với 6 triệu mỹ kim?

### KẾT QUẢ BẦU CỬ TẠI TÂY-ĐỨC

Vào đầu tuần tháng 3-1983, 43.4 triệu cử tri Tây Đức đã bầu Helmut Kohl của đảng Dân chủ Thiên Chúa liên minh với đảng Xã hội Thiên Chúa vào chức vị thủ tướng.

Được biết Tân Thủ tướng Kohl có đường lối ngoại giao thái độ NATO và chủ trương thị trường tự do kết quả cuộc bầu cử mang một ý nghĩa đặc biệt vì Tây Đức vừa là tiền đồn của khối NATO vì vị trí địa dư gần sát Nga Sô và vừa là chiến trường của cuộc chiến tranh tuyên truyền giữa Liên Sô và Hoa kỳ trong thế tương tranh vũ khí nguyên tử.

Cuộc thắng cử này chứng tỏ nhân dân Đức, tuy không muốn nước Đức trở thành một căn cứ địa của vũ khí nguyên tử, vẫn ý thức rõ ràng hiểm họa cộng sản sát nách.

### PHÁP QUỐC CHUYÊN HƯỚNG

Vào hai tuần đầu tháng 3-1983, sau 22 tháng cầm quyền ở Pháp chính phủ thiên tả của Tổng Thống Francois Mitterand, đảng Xã hội, đã mất khá nhiều phiếu qua hai kỳ bầu cử đô thị toàn quốc. Kết quả là phe khuynh trung đã dành lại vị thế chính trị đã mất vào phe thiên tả sáu năm trước.

Kết quả cuộc bầu cử đã bắt buộc Tổng Thống Mitterand quyết định cải tổ nội các.

## ● MỸ CHÂU

### GIÁO HOÀNG THĂM VIẾNG TRUNG-MỸ

Đức Giáo Hoàng John Paul II, trung tuần tháng 3-1983, đã thăm viếng bảy nước ở Trung-Mỹ: Costa Rica, Nicaragua, Panama, El Salvador, Guatemala, Honduras, Belize và Haiti.

Trong suốt chuyến công du, ngoài nhấn mạnh lý-do chuyến đi là muốn chia sẻ nỗi khổ của nhân dân trong vùng đồng thời muốn kêu gọi tái lập hòa bình bằng đối thoại và thỏa hiệp giữa các phe phái đối nghịch.

Chuyến đi này là một thử thách lớn cho chính bản thân của Đức Giáo hoàng, nhất là cho vị thế chính trị của giáo hội Công giáo tại vùng đất đầy sôi lửa bỏng với hơn 25 triệu tín đồ chia làm 3 khuynh hướng: cực hữu, ôn hòa (cải tổ xã hội), thiên tả. Ba khuynh hướng này phản ảnh mâu thuẫn xã hội trầm trọng trong vùng đặc biệt giữa 2 đối cực: phe cực-hữu thân Mỹ và phe thiên-tả chịu ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của Nga.

Thông điệp của đức Giáo hoàng gồm các điểm chính như sau:

1. Kêu gọi các giáo sĩ thực thi nhiệm vụ đấu tranh chống bạo tàn và bất công xã hội trong vai trò tu sĩ chứ không phải bằng cách tham chính.
2. Kêu gọi sự tuồng nhượng để đối thoại và thỏa hiệp giữa hai phe cực-hữu và thiên-tả.
3. Kêu gọi các giáo sĩ, nếu đang tham chính, phải rút khỏi chính quyền.
4. Kêu gọi tôn trọng nhân quyền.

Chuyến công du này chứng tỏ hai điều:

- a. giáo hội ngăn chặn sự bành trướng của Nga Sô nhưng không thân Mỹ.
- b. giáo hội chủ trương giải quyết mâu thuẫn bằng thỏa hiệp. Đây có lẽ là điều mà đức giáo hoàng muốn báo trước cho chính quyền Ba Lan chủ trương của mình trong chuyến viếng thăm Ba Lan vào tháng sáu sắp tới.

Cho đến nay, quan điểm đấu tranh của giáo-hội là đấu tranh bằng vận động quần chúng, lấy căn bản quần chúng làm cơ sở đấu tranh.

## ● MỸ CHÂU

### HOA KỲ TIẾP KIẾN KHÁNG CHIẾN A-PHÚ-HÃN

Ngày 2-2-1983, sáu kháng chiến quân A Phú Hãn qua Hoa kỳ do lời mời đến điều trần trước quốc hội Mỹ, đã gặp mặt Tổng Thống Ronald Reagan. Tổng Thống Reagan, ngỏ lời với các phóng viên và nhiếp ảnh gia trong cuộc gặp gỡ này, tuyên bố rằng cuộc kháng chiến chống xâm lăng của kháng chiến A Phú Hãn phải được thế giới Tự Do biết đến.

Cuộc gặp gỡ này là một chiến thắng ngoại giao của kháng chiến quân. Trong bước vận động tạo yếu tố khách quan (thế quốc tế) thuận lợi cho công cuộc cách mạng cứu nước.

Không biết rồi đây, yếu tố khách quan sẽ trở lực cho công cuộc kháng chiến đến mức độ nào nhưng điều kiện tiên quyết để thành công là liệu lực lượng kháng chiến tại A Phú Hãn có đủ sức lật ngược thế cờ hay không?

### EL SALVADOR, CUỘC CHIẾN VẪN TIẾP DIỄN

Ngày 31 tháng 3, quân đội Salvadoron dồn lực chiếm lại tỉnh Morazan, một tỉnh phía Bắc nước El Salvador, nơi bị quân du kích kiểm soát từ mùa thu năm trước làm bắn đập quân sự để mưu cầu lật đổ chính quyền.

Được biết quân du kích được tiếp trợ mạnh mẽ từ Cuba trong nỗ lực muốn biến El Salvador thành một nước thân Nga. Đường nhiên, vì lý do quốc-phong tại vùng Nam Mỹ Châu, Hoa-kỳ ủng hộ chính quyền đương nhiệm. Bất ổn xã hội trở thành thường trực.

El Salvador chỉ là một chiến trường trong vấn đề vận động sự bất mãn của quần chúng, tạo rối loạn để cướp chính quyền của khối Cộng sản nhằm biến Nam Mỹ thành một Cuba lớn hay ít ra thành một vùng sôi động sát nách Hoa-kỳ.

## ● TRUNG-ĐÔNG

### DẦU HỎA XUỐNG GIÁ, THẾ GIỚI RA SAO?

Trong suốt tháng 3-83, cuộc chiến giá dầu hỏa nổ bùng. Các quốc gia sản xuất dầu thi nhau giảm giá để chiếm thị-trường. Từ giá \$40 một thùng, giá dầu có thể sẽ tụt xuống \$20 hay ít hơn nữa.

Trong thập niên qua khối OPEC thao túng kinh-tế thế giới bằng số lượng sản xuất dầu vĩ-đại. Thật vậy, OPEC đã từng cung-cấp 60% tổng số lượng dầu tiêu thụ trên thế giới. Với ưu thế này, OPEC đã tăng giá dầu 1200% trong mười năm qua, và là một nguyên nhân chính tạo tình trạng lạm phát thế-giới. Nay, OPEC chỉ còn cung-cấp độ 40% tổng số lượng dầu nên mất đi quyền kiểm soát giá cả.

Cuộc chiến dầu hỏa được khai-pháo vào giữa tháng 2-83 khi công ty British National Oil Corp. hạ giá dầu từ \$33.50 một thùng xuống \$30.50. Liên sau đó Na-Uy tiếp gót. Nigeria xé lể khối OPEC để hạ xuống \$28.50 một thùng. Trước tình thế này, các bộ-trưởng dầu hỏa A-Rập đã tụ-hợp nhiều lần để tìm phương cứu vãn tuy nhiên họ bất lực vì, khi muốn giữ giá thì phải giảm lượng cung. Như thế, mỗi nước thành viên chỉ được quyền sản xuất tới đa đến một mức ấn-định mà thôi và không ai đồng ý mức ấn-định đó ở đâu cả.

Giá dầu sẽ tụt xuống bao nhiêu? Các kinh tế gia đoán rằng giá tối thiểu có thể là khoảng \$20, giá vốn một thùng dầu lấy từ Bắc Hải. Với giá này, nhu cầu tiêu thụ có thể tăng lên và nâng cao giá dầu trở lại phần nào.

Dầu sao đi nữa, cuộc chiến giá dầu đang giúp kinh-tế thế-giới giải tỏa nạn lạm phát. Vốn đầu tư, thay vì phải đổ quá nhiều vào việc mua dầu, nay có thể còn dư để phát triển kinh-tế. Cuộc chiến dầu hỏa đến đúng lúc cho các quốc gia tiêu thụ dầu chuyển mình hồi phục nhưng lại tác hại rất nhiều các quốc gia sản xuất dầu, trong đó có Nga Sô là nước sản xuất nhiều dầu nhất hiện nay.

### ● PHI CHÂU

## TÀU TÍNH GI Ở PHI?

Tờ Zambia Daily Mail của Lusaka mới đây tuyên bố: “Tình liên hệ đồng chí của nhân dân Trung Quốc không phải là những khẩu hiệu hào nhoáng... không có sự hỗ trợ của nhân dân Trung Quốc, công cuộc giải phóng Mozambique và Zimbabwe đã có lẽ bị đình trệ.”

Ngược lại, tờ Afrique Asia của Pháp lên án hành động Trung Quốc giúp đỡ những chính quyền sắp sụp đổ, những chế độ thất nhân tâm trong thế giới đệ-tam.

Tin đăng trong hai bài báo trên tuy có vẻ mâu thuẫn nhưng thật ra lại bổ túc cho nhau vì có lẽ Trung Quốc đang theo đuổi hai sách lược như sau:

1. Xâm nhập các quốc gia trong thế giới đệ tam và nếu cần, giúp đỡ những nhóm đối lập thân Tàu nổi loạn để cướp chính quyền.
2. Ngăn chặn ảnh hưởng của Nga đi vào các quốc gia đệ tam. Vì



Nga Xô cũng áp dụng sách lược xách động quần chúng bất mãn để ủng hộ nhóm thân Nga cướp chính quyền, nên Tàu đã có lúc phải yểm trợ cho chính quyền đường nhiệm khỏi rơi vào nhóm thân Nga.

Cũng ghi nhận rằng Phi Châu có rất nhiều tài nguyên kim-loại chiến lược do đó, một quốc gia mù mờ trở thành bá chủ Thế giới Dê Tam như Tàu không thể nào bỏ qua hay để yên cho một cường quốc khác chiếm ưu-thế được.

## ÚC-ĐẠI-LỢI, ĐẢNG LAO-ĐỘNG THẮNG CỬ

Vào đầu tháng 3-83, Bob Hawke của đảng Lao-động Úc đã thắng cử chức thủ tướng Úc trong quốc-hội liên-bang để thay thế Malcolm Fraser của đảng Liên-Hợp-Tự-do Quốc-Gia.

Trong 34 năm qua, đảng Lao-động chỉ cầm quyền có 3 năm. Một trong những nguyên nhân chính của sự thắng cử này là lý do kinh tế. Fraser là nạn nhân của tình trạng kinh-tế suy thoái ở Úc với phân xuất phát-triển kinh-tế chỉ có 1% mà tỷ số thất-nghiệp đến 10.1% cao nhất trong nửa thế kỷ này. Cộng vào đó là lý-do thiên thời bất lợi với nạn cháy rừng và nạn hạn hán trầm trọng. Để đối đầu với tình trạng trên, trong khi Fraser chủ trương chính-sách kinh tế cân trọng, thì, Hawke, với sự yểm trợ của các nghiệp đoàn lao động, đề ra một chính sách táo bạo với 2.6 tỷ Mỹ kim đổ vào các dự án công chánh để tạo thêm nửa triệu việc làm trong vòng 3 năm tới.

Tuy thuộc đảng Lao-động, tân thủ tướng Úc đã tuyên bố sẽ thắt chặt bang-giao với các nước Tây phương và Hoa-kỳ kể cả ký-kết thỏa ước phòng thủ an-ninh chung.

## ● Á CHÂU

### HỘI NGHỊ CÁC QUỐC GIA KHÔNG LIÊN KẾT

Đầu tháng 3-1983, 101 quốc gia trong khối “các quốc gia không liên kết” đã họp hội nghị thượng đỉnh lần thứ bảy tại Tân Đê Li, Ấn Độ.

Không như tinh thần thiên vị—bài Mỹ thân Nga—trước đây do ảnh hưởng của Fidel Castro, lần này, dưới sự chủ tọa của nữ thủ tướng Gandhi, tinh thần hội nghị đi sát với ý nghĩa “không liên kết” hơn.

Một số điểm chính được ghi nhận trong lần này là:

1. Hội-nghị đặt vấn đề Nga xâm lăng A-Phú-Hãn, Nga ủng hộ Cộng sản Việt Nam xâm lăng Kampuchea.
2. Hội-nghị kêu gọi cải-tổ hệ-thống tiên-tệ quốc-tế bởi vì hệ-thống hiện nay chịu ảnh hưởng quá nhiều của các quốc gia giàu của thế-giới đệ-nhất và đệ-nhị.
3. Chiếc ghế đại diện cho Kampuchea bị bỏ trống bởi vì hội-nghị phủ-nhận tính-chất đại-diện của chính-quyền bù nhỉnh của Hà-Nội tại Nam Vang hiện tại.
4. Ấn-Độ và Pakistan, hai quốc-gia thù nghịch 35 năm nay, tiến gần lại nhau trong bước cụ thể là ký-kết hiệp ước hổ-tướng 5 năm về kinh-tế, văn-hóa, khoa-học.
5. Tổng Thống Ai-Cập, Mubarak, trong nỗ lực giải-tỏa sự cô lập của mình với khối Ả-Rập đã lên tiếng tố cáo hành động của Do-Thái với nước Lebanon. Lybia đòi hỏi Ai-Cập phải bãi bỏ hòa-ước Camp David của Ai-Cập với Do-Thái.

Tổ chức các quốc gia không liên kết tuy không đại diện cho thế-giới đệ tam, tuy nhiên, nó đã báo hiệu trong lần này sự chuyển mình của thế-giới đệ tam trong nỗ lực xác định vị thế riêng của mình trong cộng đồng thế giới. Chỉ khi nào các quốc gia trong thế-giới đệ tam tự giải thoát được sự kềm chế của các cường quốc thì lúc đó mới mong giải tỏa được thế bế tắc quốc tế của mình.

## **NHẬT ĐẢM NHẬN VAI TRÒ QUÂN SỰ:**

Tháng giêng vừa qua, thủ tướng Nhật Yasuhiro Nakasone viếng thăm Hoa-kỳ để bàn chuyện Nhật-Bản đảm nhận trách vụ quân sự ở Á Châu.

Thủ tướng Nhật đã tuyên bố qua tờ Washington Post ý định muốn biến nước Nhật thành “một hãng không mẫu hạm không thể bị đánh đắm” để có thể ngăn chặn sự bành trướng của Nga Sô vùng Bắc Á Châu.

## **TRUNG CÔNG LEO DÂY**

Tháng giêng 83, Trung Cộng tỏ thái độ nhích lại gần Nga. Tháng hai, Trung Cộng lại nghiêng gần Mỹ.

Ngày 3 tháng 2 năm 83, ngoại trưởng Trung Cộng Vũ-Tú-Quang trong cuộc gặp gỡ ngoại trưởng Mỹ George Shultz, tại đại sảnh đường Nhân Dân tại Bắc Kinh, đã hề hẫ tuyên bố: “Mối bang giao Mỹ Hoa nên được tiếp tục phát triển vững chắc và lâu dài.” Sau đó, ngoại trưởng Shultz gặp mặt Tổng trưởng Quốc Phòng Trung Cộng Trang-Ái Bính để bàn luận việc đặt quan hệ quân sự.

Trong thế lưỡng tranh Mỹ Nga hiện tại, Trung Cộng đang cố gắng đóng vai trò giữ cân bằng lực lượng để trục lợi cả đôi bên. Thế cân bằng này sẽ nghiêng về đâu trong tương lai sẽ ảnh hưởng không ít vào bài toán Việt Nam.

## VIỆT NAM

Nhân quyền tại Việt Nam

“Đối với tôi, có lẽ đó là quốc gia có đời sống tệ hại nhất.” Đó là lời bình luận về hiện trạng Việt Nam dưới chế độ Cộng sản của Elliott khi ông ta trình bày về bảng kiểm điểm Nhân-quyền thường niên của Bộ Ngoại giao Hoa kỳ trong tuần lễ tháng hai 18.

Được biết bảng kiểm điểm dày 1,323 trang báo cáo tình trạng Nhân-quyền tại 162 quốc gia, phần nhiều là thành viên của Liên-Hiệp-Quốc. Bảng kiểm điểm thường niên được thực hiện kể từ năm 1976 khi tu-chánh-án đạo-luật vién-trợ được Quốc-hội ban hành.

Cần phải nhấn mạnh rằng, với bản-chất của một chế-độ Cộng sản, không thể có sự tôn trọng Nhân-quyền; và hơn hết, trong thế đối đầu hiện-tại, Hoa-kỳ nói riêng và thế-giới Tự-do nói chung phải nắm vững điều đó trong sách-lược ngoại-giao với thế-giới Cộng sản.

Nhân-quyền không phải chỉ là phương-tiện mà còn là cứu-cánh.

## TIN TÓM LƯỢC

### ĐÔNG NAM Á SÔI ĐỘNG.

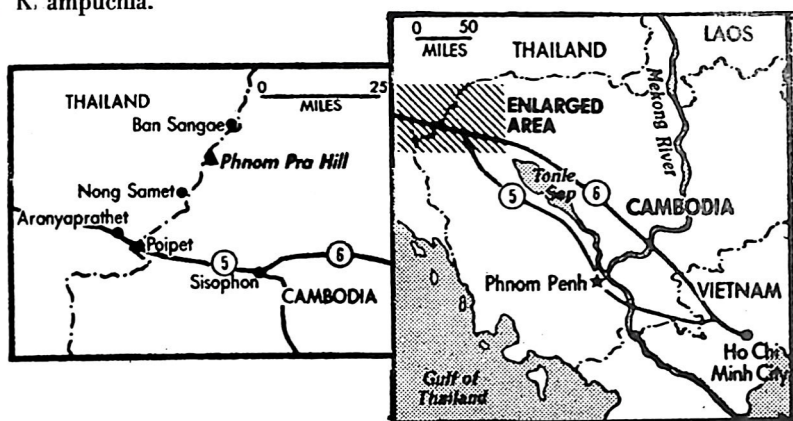
Mỗi năm, khi mùa mưa đến, ba lực lượng kháng chiến Kampuchia trỗi dậy tấn công mãnh liệt lực lượng 180,000 quân cộng sản Hà nội xâm chiếm Kampuchia từ năm 1979. Vả, khi mùa khô trở lại, quân cộng sản Hà nội lại tìm cách phản công. Đặc biệt năm nay, cuộc phản công mùa khô ác liệt hơn mọi năm rất nhiều.

— Cuối tháng 12/1982, lực lượng kháng chiến của cựu Thủ tướng Son Sann đã tấn chiếm lăng Yang Daeng Kum, một lăng gần biên giới Thái Miên. Sau đó, vào giữa tháng 3/1983, bộ đội cộng sản Việt Nam huy động hơn 10 chiến xa T-54 và 2 trung đoàn bộ binh để chiếm lại ngôi lăng này. Trong khi đó, Thái Lan mở cuộc thao diễn quân sự.

— Trong khi tình hình quân sự sôi động thì mặt trận vận động ngoại giao cũng sôi nổi không kém. Sihanouk, chủ tịch Mặt trận Liên

hiệp Thống nhất Kampuchia, đã đi Bắc kinh hội đàm với ngoại trưởng Hoa Kỳ Schultz đang viếng thăm Trung Hoa. Trong cuộc hội kiến gần một giờ, Sihanouk đã yêu cầu Ngoại trưởng Hoa Kỳ tìm cách giúp đỡ kháng chiến quân Miên để “biến từng tấc đất Kampuchia thành lửa đỏ dưới bước chân” cộng sản Việt Nam.

— Ngày 30/3/1983, Việt cộng tái tấn công biên giới Thái Lan (sau lần phá rụi trại Nong Chan sát biên giới Thái vào đầu tháng 2-1983), lần này với mưu toan đánh bật các căn cứ địa của 3 lực lượng kháng chiến Kampuchia. Mục tiêu đầu tiên là trại Phnom Chat, căn cứ địa của quân Khmer đỏ, nhóm lớn nhất trong 3 lực lượng kháng chiến. Ba ngày sau, tại 70 dặm về hướng đông bắc, quân Việt cộng đánh bung trại O-Samach, còn được gọi là Sihanoukville, nơi cư trú của 30,000 người ủng hộ cựu hoàng Sihanouk. Mục tiêu kế tiếp chắc chắn sẽ là các trại ở Ban Sangac và Nong Samet, căn cứ địa với 96,000 thường dân của Mặt trận Quốc gia Giải phóng Dân tộc Kmer của Son Sann, cây đình chính của cộng sản Hà nội trong chính cuộc K. ampuchia.



— Đồng thời, quân Việt cộng tiến sâu 1 dặm vào nội địa Thái Lan, nã trọng pháo vào các xa lộ và làng mạc Tah. Thái Lan trả đũa bằng phản lực có F-5E thả bom quân Việt cộng.

— Đầu tháng 4, 1983, Hoa Kỳ, qua cơ quan Hồng thập tự, đã chuyển sang Thái 1.5 triệu mỹ kim viện trợ và hứa sẽ cung cấp quân sự cho Thái để chống trả Việt cộng. Trung cộng, kể từ đầu gián tiếp cho kháng chiến quân Kampuchia bắt đầu rục rịch. Báo Washington Post ngày 19-4-83 loan tin Trung cộng và Việt cộng đã nã trọng pháo vào nhau trong 3 ngày vừa qua. Mới đây, Hà nội chính thức tuyên bố trận chiến tại biên giới Thái Miên là do những phần tử Việt cộng quá khích chứ không phải là chủ trương của chính quyền Hà nội.



# Tin Cộng Đồng Thanh Niên Sinh Viên

## \* BẮC CALI TỔ CHỨC THỂ THAO.

Vào những ngày 7, 8, 9 tháng giêng năm 1983 vừa qua tại San José, mười bốn hội sinh viên Việt Nam thuộc các trường đại học Bắc Cali đã về tham dự đại hội thể thao và văn nghệ Đoàn kết 1. Sau ba ngày tranh giải thể thao các bộ môn bóng tròn, bóng chuyên, bóng rổ, bóng bàn, quần vợt và vũ cầu, đại hội đã kết thúc bằng một chương trình văn nghệ do chính sinh viên thực hiện. Đại hội bế mạc vào tối chủ nhật mừng 9 với lời hẹn tái ngộ trong Đại hội Đoàn kết 2 sang năm.

## \* ĐẠI HỌC IRVINE TỔ CHỨC TẾT

Hội sinh viên Việt Nam tại đại học California Irvine đã tổ chức tết Quê hương xuân Quý Hợi lúc 10 giờ sáng ngày 5/2/83 tại Crawford Hall, UCI. Chương trình rất phong phú với những tiết mục gợi nhớ quê hương như: Tế lễ Quốc Tổ, lì xì, hoạt cảnh "Sơn Tinh, Thủy Tinh", hợp ca "Vua Quang Trung đại phá quân Thanh", coi bói, đánh cò, những bài đờn ca và vũ dân tộc khác.

## \* ĐẠI HỌC LOS ANGELES ĐÓN XUÂN QUÝ HỢI

Chiều ngày chủ nhật 20/2/1983, hội sinh viên Việt Nam đại học LA đã tổ chức buổi văn nghệ mừng Xuân Quý Hợi tại thính đường Grand Ballroom, UCLA. Ngoài những tiết mục văn nghệ dân tộc, được thực hiện trong chiều hướng phát huy văn hóa Việt Nam, UCLA còn quyên góp được gần một ngàn mỹ kim để gửi đến đồng bào còn trong trại tị nạn.

## \* ĐẠI HỌC RUTGERS VÀ TUẦN LỄ QUỐC TẾ

Vào những ngày 29, 30, 31 tháng 3, hội sinh viên Việt Nam tại Rutgers, New Brunswick, New Jersey, đã tham dự tuần lễ quốc tế tổ chức bởi 11 hội sinh viên đại diện các sắc tộc khác nhau trong trường Rutgers với các tiết mục: 1/ triển lãm tranh ảnh Việt Nam và đồ thủ công nghệ; 2/ văn nghệ; 3/ trình diễn y phục Việt Nam với áo cưới cổ truyền, áo dài, áo tứ thân, áo bà ba ...

### \* ĐẠI HỌC MICHIGAN MỞ LỚP NGÔN NGỮ VÀ LỊCH SỬ VIỆT

Đại học Michigan tại Ann Arbor sẽ cho mở hai lớp "Elementary Vietnamese" do giáo sư Huỳnh Sanh Thông giảng dạy và "History of Vietnamese People" do giáo sư John K. Whimore vào mùa hè 1983.

Lớp dạy ngôn ngữ Việt sẽ kéo dài 10 tuần lễ từ ngày 13/6 đến ngày 19/8 trong khi lớp Sử kéo dài từ ngày 29/6 cho đến ngày 16/8/83. Lớp ngôn ngữ sẽ được cấp tín chỉ tương đương với một năm ngoại ngữ.

Hạn chót nộp đơn học là ngày 15/5/83. Địa chỉ liên lạc là:

Summer Language Program  
Center for South and Southeast Asia Studies  
130 Lane Hall, University of Michigan  
Ann Arbor, Michigan 48109

### \* SINH VIÊN CANADA HỘI THẢO

Sáng ngày 26/2/1983, gần 200 sinh viên Việt Nam thuộc các trường đại học và chuẩn đại học (CEGEP) tại Montreal và các vùng lân cận đã tổ chức một cuộc hội thảo tại khuôn viên Concordia University Montreal, Canada. Buổi hội thảo xoay quanh hai đề tài chính:

1/ Sinh viên và việc hội nhập Canada.

2/ Sinh viên và cộng đồng Việt.

Sau đó, trong chiều hướng tìm phương hướng hợp tác cũng như tương trợ giữa các trường, một "Ủy ban vận động thành lập liên hội SVVN tại Montreal" gồm các anh chị đại diện các trường đã được toàn thể tham dự viên buổi hội thảo thành lập. Buổi hội thảo đã đạt kết quả vô cùng mỹ mãn.



Quang cảnh buổi hội thảo SVVN tại Montreal  
Ảnh của báo Dân Quyền

**\* ĐẠI HỘI CHÍNH NGHĨA**

Phong trào Quốc gia Yếm trợ Kháng chiến đang ráo riết chuẩn bị Đại hội Chính nghĩa sẽ được tổ chức vào những ngày 28, 29, 30 tháng Tư năm 1983 tại Hoa Thịnh Đốn, thủ đô Hoa Kỳ. Chủ tịch Mặt trận Quốc gia Thống nhất Giải phóng Việt Nam, ông Hoàng Cỏ Minh, đã trở về Hoa Kỳ để có mặt trong Đại hội này. Trong dịp này, một đặc san cũng mang tên Chính Nghĩa sẽ được phổ biến tại Đại hội

**\* ĐỒNG BẢO TỊ NẠN TẠI SIKHIU VỪA KHÁNH THÀNH TRUNG TÂM DÀNH CHO TRẺ EM KHÔNG THÂN NHÂN.**

Trong số 8024 người Việt tỵ nạn bị giam giữ tại trại Sikhiu, Thái Lan, có 415 trẻ em từ 4 đến 14 tuổi không có cha mẹ hay thân nhân.

Trước cảnh hơn 400 trẻ thơ bơ vơ thiếu thốn, có những em thương quanh quẩn bên thùng rác tìm những chiếc lá băng gói xôi để nhặt những hột côn dính sót. Các em sống buông thả, không tình thương, nên một số đồng bào tỵ nạn ở trại Sikhiu dưới sự hướng dẫn của Linh mục Peter Namwong đã sửa chữa những nhà kho chứa trấu thành một trung tâm dành cho các em không thân nhân nói trên. Trung tâm đã được khánh thành ngày 8.2.1983 với 3 nhà ngủ, một nhà ăn và là nơi sinh hoạt học hành. Một vị trung tâm trưởng đã được bầu ra để điều hành các sinh hoạt. Khả năng thu nhận tối đa hiện nay là 200 trẻ em.

Trung tâm kêu gọi mọi sự giúp đỡ tài chính của các tổ chức và tư nhân để có thể xây thêm nhà lăm nơi ăn ở, học hành cho 215 em còn lại. Xin trực tiếp liên lạc với Linh mục Peter Prayoon Namwong, P.O Box 220 Nakhorn Rat Chasima 30,000 Thailand DT: (044) 243 288.

(Trích báo Dân Quyền, số 62, tháng 4, 83)

**\* ĐẠI HỘI THỂ THAO KỲ 5 VÀ SỰ RA ĐỔI CỦA TỔNG HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM TẠI TEXAS.**

Hàng năm cứ vào dịp nghỉ đầu xuân, sinh viên Việt Nam tại Texas theo đúng thông lệ hơn 5 năm qua lại tổ chức Đại Hội Thể Thao liên trường để các đại học ở Texas và tiểu bang lân cận cùng về họp mặt tranh tài trong tinh thần khỏe mạnh phục vụ tổ quốc.

Năm nay, liên tiếp trong hai ngày 12 và 13 tháng 3, khoảng 800 sinh viên nam nữ đã quy tụ trong khuôn viên của viện đại học Texas A & M để liên tục tranh tài qua các trận đấu thể thao ngoạn mục và hào hứng.

Đại Hội Thể Thao đã diễn ra trong tinh thần tranh đua cao độ. Người ta ghi nhận sự điều động hỏa nhả và khéo léo của các anh em ban tổ chức thuộc trường đại học Texas A&M.

Ngoài tinh thần thể thao lành mạnh, năm nay các bạn trẻ đã tạo được một kỷ công khả quan nhân dịp Đại Hội Thể Thao kỷ 5 là cho ra đời Tổng Hội Sinh viên Texas.

Đãng sau những trận đấu thể thao, giao hữu trên sân cỏ của tuổi trẻ Việt Nam, một lớp người trẻ đang bắt đầu nhận diện nhau để cùng âm thầm và nỗ lực tạo dựng tình đoàn kết, xây dựng ý chí đấu tranh chống lại chủ thuyết vong bản, phi dân tộc. Chúng ta phấn khởi chờ đón sự nhập cuộc của lớp sinh viên trẻ nhiệt tình đó.

(Võ Tuấn ghi thuật)

### **ỦY HỘI THỂ THAO BẮC MỸ**

P.O Box 391 Great Falls, Va. 22066

### **THÔNG CÁO**

Số 02/260383/ubtv/UHTTBM

Kính gửi: Các phái đoàn thể thao tham dự ĐHTTBM kỷ X  
Các hội đoàn Việt kiều, thanh niên, thể thao  
tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại.

Tham chiếu:

- Quyết định ngày 7 tháng 8 năm 1982 của các trưởng phái đoàn tại Đại hội kỷ X, Michigan, thành lập Ủy Ban Thường Trực / Đại hội Thể Thao Bắc Mỹ.
- Quyết định ngày 28 tháng 11 năm 1982 của UBTT/ĐHTTBM ủy nhiệm Hội Thể Thao Rive Sud tổ chức Đại Hội Thể Thao Bắc Mỹ kỷ XI tại Montreal.
- Kết quả và biên bản buổi họp ngày 2 tháng 1 năm 1983 của UBTT/ĐHTTBM.
- Nội quy và Tôn Chỉ của Ủy Hội Thể Thao Bắc Mỹ.
- Thông cáo số 01/270183/ubtv/UHTTBM.

Trân trọng thông báo quý hội đoàn rõ:

1. Đại Hội Thể Thao Bắc Mỹ kỷ XI, 1983 sẽ được tổ chức tại vùng Montreal, Canada trong bốn ngày 30 tháng 6, mùng 1, 2, và 3 tháng 7 năm 1983 với các bộ môn: Túc cầu A & B (Nam); Bóng rổ A & B (Nam); Bóng chuyên A & B (Nam); Bóng chuyên Nữ; Bóng bàn (Nam & Nữ); Quần vợt (Nam & Nữ); Điền kinh (Nam & Nữ); Bơi lội (Nam & Nữ); Võ cầu (Nam & Nữ).



Mọi chi tiết, về ĐHTTBM kỳ XI xin liên lạc về:

Ủy Ban Tổ chức / Đại Hội Thể Thao Bắc Mỹ XI

Dương Tâm Chí

5775 Côte des Neiges 404

Montreal, P. Q. H3S 2S9

Canada

ĐT: (514) 738-5268

2. Kể từ nay, các hội đoàn muốn cử phái đoàn tham dự ĐH TTBM cần có giấy đăng bộ và thể lực sĩ do Ủy Hội Thể Thao Bắc Mỹ cấp. Xin quý hội đoàn cấp tốc liên lạc với Ủy Hội về việc này trước ngày 18 tháng 4 năm 1983.

Khi liên lạc với Ủy Hội xin cho biết ước lượng tổng số lực sĩ của hội để được cấp đủ phiếu thể lực sĩ.

3. Các lực sĩ chỉ được lập thủ tục ghi danh với Ủy Hội qua một hội đoàn duy nhất và chỉ được tham dự Đại Hội với tư cách là lực sĩ trong phái đoàn của hội đó. Đại diện hội đoàn sẽ trách nhiệm trong việc kiểm kê danh tánh lực sĩ của hội đoàn mình trước khi hoàn tất thủ tục ghi danh. Hạn chót để Ủy Hội nhận được hồ sơ đăng bộ là: ngày 15 tháng 5 năm 1983.

4. Một cuộc thi đua vẽ huy hiệu của Ủy Hội Thể Thao Bắc Mỹ sẽ được tổ chức.

Nội dung: phản ảnh tinh thần Tôn Chí của UHTTBM.

Hình thức: tương đối giản dị để có thể in bằng màu lẫn đen trắng, vẽ trên khổ giấy 8½x11 in.

Mẫu vẽ trưng tuyến sẽ trở thành huy hiệu chính thức và bản quyền của UHTTBM.

Các mẫu kiểu vẽ xin gửi về trước ngày: 30 tháng 5 năm 1983.

Mọi liên lạc với Ủy Hội xin gửi về:

ỦY HỘI THỂ THAO BẮC MỸ

P.O Box 391

Great Falls, Va 22066.



Chào khỏe để phụng sự,  
Phạm Hữu Minh  
Tổng Thủ Ký / UHTTBM

### \* TRUNG HỌC ARLINGTON TỔ CHỨC TẾT

Vào chiều ngày thứ sáu 25 tháng 2 - 1983, học sinh Việt Nam thuộc các trường trung học Wakefield và Washington-Lee của quận học chánh Arlington đã tổ chức buổi lễ tân niên Quý Hợi tại trường Wakefield. Trong không khí thân mật, hơn ba trăm khán giả trong đó có các phụ huynh học sinh, các giáo sư Mỹ, Việt đã thích thú theo dõi suốt buổi tổ chức dài hơn bốn giờ đồng hồ.

Buổi lễ bắt đầu với lời giới thiệu ý nghĩa ngày Tết của giáo sư hướng dẫn, tiếp theo là lời chúc tết cha mẹ thầy cô của hai em học sinh đại diện hai trường trung học nói trên, và sau đó là lời chúc tết của các giáo chức Hoa kỳ đến phụ huynh và các em học sinh Việt Nam. Kế đó là phần gấu hoa hồng cho phụ huynh và thầy cô do các học sinh đảm trách. Buổi lễ chấm dứt bằng phần văn nghệ liên trường trung học với sự giúp đỡ của các nghệ sĩ tài danh vùng Hoa Thịnh Đốn.

### \* DỰ ÁN NGHIÊN CỨU TIẾNG VIỆT CỦA ĐẠI HỌC LAVAL (QUEBEC)

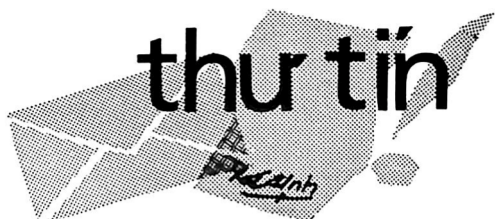
Chúng tôi và một số bạn hữu hiện đang cộng tác với giáo sư L.J. DORAIS (Laval) đề nghiên cứu tiếng Việt dưới khía cạnh văn hóa xã hội của song ngữ Việt-Pháp hoặc Anh). Do đó chúng tôi mong quý vị dành cho chúng tôi nhiều dễ dãi như được phép phỏng vấn về việc sử dụng tiếng Việt và ngoại ngữ, về các suy nghĩ của quý vị trong việc duy trì tiếng Việt và phát triển ngoại ngữ. Chúng tôi cũng thiết tha mong mỗi quý vị và bạn nào sẵn sàng trả lời các câu hỏi bằng đường bưu điện xin cho biết để chúng tôi gửi câu hỏi (questionnaire) tới. Công trình nghiên cứu này chỉ mới giới hạn trong tỉnh Québec. Xin cảm ơn quý vị và các bạn trước. Địa chỉ liên lạc:

1. Tòa soạn Dân Quyền
2. NGUYỄN HUY, 2040 rue Vitre  
Appt. 2, Quebec, P/Q/  
G1J 4A3 Tel (418) 522-8977

### \* CẤM TRẠI LIÊN TRƯỜNG MÙA HÈ

Một buổi cấm trại liên trường vào mùa hè năm 1983 đang được dự định tổ chức bởi các hội SVVN các trường New Jersey Institute of Technology, Stevens Institute of Technology và tổng hội sinh viên New York.

Bùi Vũ Trang



\* Anh Hà Mai Phưởng (San Jose, CA) Xác Định nhận được bài của anh khi báo đã lên khuôn. Xin được đề dành bài cho Xác Định số 2 sẽ phát hành vào cuối tháng 7, 1983. Mong được anh tiếp tục gửi các loạt bài như thế. Chân thành đa tạ sự hợp tác anh dành cho.

\* Anh Lưu Ngọc Thọ (Berkley, CA): Xác Định chờ bài của anh và chờ chất bồi dưỡng đợt 2 của anh. Chúc anh luôn vui khỏe.

\* Anh Tường Vũ Anh Thy (San Jose, CA): Bài đã kịp đăng trong số này. Chờ phê bình và bài của anh. Mong được gặp sớm.

\* Anh Võ văn Phú & Nguyễn Ngọc Công ( San Jose, CA): Xác Định chờ bài và chất bồi dưỡng của hai anh. Chúc các anh và gia đình luôn an mạnh.

\* Chị Ngô thị Quỳnh Lâm ( Houston, Texas): Tuy biết chị đang bận học nhưng Xác Định vẫn chờ sự tiếp tay của chị.

\* Anh Bạch Mã và Nguyễn Công Huân (New Jersey, N.J.): cho thêm sáng tác mới của hai anh. Mong được gặp lại rất sớm.

"Ai đem con sáo sang sông" dành cho Xác Định số II.

\* Anh T.D. Luân (Wichita, Kansas): Bài đã đăng, xin gửi tiếp. Rất mong được gặp đề Xác Định "xác định" thêm vài điều...

\* Chị Lê Mỹ Hằng (Los Angeles, CA): Hình như người đưa thư bị lạc đường thành thử Xác Định chờ mãi sáng tác của chị (như đã hứa) mà vẫn chưa thấy. XD tiếp tục chờ. Mong vui, khỏe.

\* Anh Vũ (Montreal, Canada): Xác Định vẫn chưa nhận được thư "express" của anh. Không lẽ lạc thư? Nếu hãy còn receipt xin anh vui lòng cho người kiểm lại hộ. Hết sức cảm ơn mọi giúp đỡ của các anh. Mong được gặp sớm.

\* Anh chị Triều ( Kansas City, MO.): Mong anh chị giúp cho một tay cổ động XD ở dưới đó. Kính chúc anh chị và các cháu vui mạnh.

\* Chị Đ.K. Kiêm và Quỳnh Nga (Charlotte, N.C.): Xin hai chị tiếp tay phổ biến XD ở vùng đó.

\* Anh Nguyễn văn Thành ( Atlanta, GA): Mong rằng Xác Định số 1 đến kịp. Xin cổ động mạnh cho Xác Định. Có tin tức sinh hoạt và bài vở xin gửi gấp về XD.

\* Anh Võ Tuấn ( Dallas, Texas): Bài đã đăng. Chờ sáng tác mới. Mong gặp.

\* Anh Nguyễn Chính Trực (San Antonio, Texas): Mong tin, bài, và chất bồi dưỡng. Cố động mạnh mẽ cho XD nhé. Mong gặp.

\* Anh chị Nguyễn Đại Nhớn & Trần Ngọc Danh (Reading, PA): Xin gửi bài và tin. Cố cố động cho XD khỏe khỏe. Mong gặp sớm.

\* Anh Hà Văn Dũng và Trương Khánh Long (Philadelphia, PA): Cho bài, tin và “ủng hộ”. Cố tiếp Xác Định phổ biến cho rộng rãi. Thân ái.

\* Anh Thắng, Hân (Blacksburg, Va): Xác Định chờ thêm bài, tin. Chúc vui khỏe.

\* Chị Thân thị Phong Lan (Los Angeles, CA): Xác Định chờ và chờ bài mãi vẫn chưa thấy. Nhớ là đã hứa cố động cho XD rồi đấy nhé.

\* Anh Nguyễn Trọng Thân (Madison, WI): Ngày xưa Thời Nay, nay thì Xác Định nhé. Cho gọi lỗi thăm Nguyễn Thanh Hồng. Liên lạc gấp.

\* Anh Nguyễn Huy Hoa (Montreal, Canada): Người lùn khối lửa sao im tiếng thế. Liên lạc gấp.

\* Chị Hoàng thị Ngọc Anh (Tampa, FLA.): Báo đã ra rồi đó nhé. Mong bài và tin. Chúc vui và khỏe.

\* Chị Hoàng Yến (Portland, Oregon): Chờ mãi mà bài và tin vẫn chưa đến. Xin gửi gấp. Chúc vui khỏe.

\* Anh Nguyễn Mạnh (Washington, D.C.): Bài sẽ cho đăng trong Xác Định số 2. Xin tiếp tục gửi các loạt bài về luật pháp Hoa Kỳ. Mong gặp.

\* Anh Trần Lam Giang (San José, CA): Bài đến vừa kịp lúc và đã đăng trong số này. Xin anh tiếp tục khai triển. Nếu không có gì trở ngại sẽ gặp anh và anh Phương trong dịp mùa hè này. Thân chúc anh và gia đình vui, khỏe.

\* Anh chị Tâm-Mỹ (Knoxville, T.N.): Mong sáng tác và mọi sự giúp đỡ của anh chị dành cho XD. Chúc vui khỏe.

## NHÂN TÍN.

Anh Phạm Văn Út:

Trước ở trại tỵ nạn Khao-i-Đang (1980) và Panasn-Khom (1981) Thái Lan. Xin liên lạc với Sơn râu, điện thoại 609-627-0643 hoặc nhờ Xác Định chuyển. Tình thân.

Anh Văn Đình Thiện

Trước ở cư xá Hòa xa 5-Lê Lai, rồi Việt Nam năm 1975, nay ở đầu, liên lạc với Phong qua hộp thư Xác Định.

**Xuân Việt**



# Vietnam Imports

**ORIENTAL FOOD & GIFTS**  
**922 WEST BROAD ST. (RT. 7)**  
**FALLS CHURCH, VA 22046**  
**DIEN THOI : (703) 534-9441**

- BÁN ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI THỰC PHẨM Á ĐÔNG.
- HÀNG TUẦN CÓ RAU TƯỞI.
- CÁC LOẠI MẮM VÀ TỨNG.
- ĐỒ HỘP VÀ THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH.
- CÁC LOẠI BĂNG NHẠC TẶN VÀ CỜ NHẠC.
- SÁCH BẢO VIỆT NGŨ XUẤT BẢN TẠI HẢI NGOẠI.
- GIA PHẢI CHẮNG.
- NƠI ĐÁNG TÍN NHIỆM.

# KIM-SƠN

## JEWELRY & FABRICS

3131 WILSON BLVD.  
ARLINGTON, VA. 22201

— MUA BÁN NGỌC THẠCH  
SỬA CHỮA NỮ TRANG



— NHÃN HỘT, SOÀN LẤY LIỀN



— BÁN ĐỦ CÁC LOẠI HÀNG VẢI,  
TỔ LỤA

ĐIỆN THOẠI: (703) 525-6199  
(703) 560-2839

ĐỌC VÀ QUẢNG CÁO  
TẠP CHÍ XÁC ĐỊNH

**BÁC SĨ**

**NGÔ ĐÌNH THUẤN, M.D.**

*MEDICAL DENTAL BUILDING  
3801 NORTH FAIRFAX DRIVE SUITE 201  
ARLINGTON, VA 22203*

GIỜ LÀM VIỆC: THEO HẸN,  
NHẬN MEDICAID VÀ BẢO HIỂM  
ĐIỆN THOẠI: (703) 524-1025

**EXPRESS ART PRINTING**

14 S. ALMADEN AVE.  
SAN JOSE, CA 95113

Phone: (408) 287-8665

# BÁC SĨ TRẦN MINH TÙNG

NỘI KHOA – THẦN KINH

CHUYÊN TRỊ CÁC CHỨNG :

- NHÚC ĐẦU
- ĐAU NHÚC CHÂU THÂN
- MẤT NGỦ
- KÉM TRÍ NHỚ ...

VÀ CÁC BỆNH TÂM THẦN VÀ THẦN KINH  
KHÁC.

6521 Arlington, Blvd. Suite 205  
Falls Church, Virginia 22042  
Điện thoại (703) 241 - 5695



SẢN XUẤT

Bánh Mì, Bánh Bèo, Bánh Cuốn, Bánh Bao, Bánh Bò, Bánh Xù-  
Xé, Bánh Ráng, Tướng Ốt Quảng Nam, Sa-Tế, Kim Chi, Lạp  
Xưởng, Tré, Giò Thủ, các loại Nem Chả Huế.

BÁN SỈ VÀ LẺ

1200 N. Hartford St.  
Arlington, VA 22201  
ĐT: (703) 527-1464



**VŨ THẾ BAN, D.M.D.  
NGUYỄN VŨ PHƯƠNG MAI, D.M.D.  
VŨ THẾ BẢO, D.D.S.**

**HOẠT ĐỘNG TẠI HAI**

# **TRUNG-TÂM NHA-KHOA TỔNG-QUÁT**

**4300 EVERGREEN LANE, SUITE 207  
ANNANDALE, VIRGINIA 22003**

**DIỆN THOẠI: 354-2010**

**THỦ HAI tối THỦ SÁU: 9g. sáng đến 8g. tối  
THỦ BẢY: 9g. sáng đến 5g. chiều  
CHỦ NHẬT: 2g. chiều đến 7g. tối**

**3801 NORTH FAIRFAX DRIVE, SUITE 22  
ARLINGTON, VIRGINIA 22203**

**DIỆN THOẠI: 522-2373**

**THỦ HAI tối THỦ SÁU: 9g. sáng đến 8g. tối  
THỦ BẢY: 9g. sáng đến 5g. chiều  
CHỦ NHẬT: NGHỈ**

# VĂN PHÒNG LUẬT SƯ EBOCH & HUY BUI

do  
*Luật sư BUI NHẬT HUY*  
*Tiến sĩ Luật Khoa (Juris Doctor)*  
&  
*Luật sư DONALD K. EBOCH*  
*Tiến sĩ Luật Khoa (Juris Doctor)*

## THAM KHẢO MIỄN PHÍ:

- Nửa giờ đầu: các vụ Hình & Hộ
- Một giờ đầu: các vụ liên quan đến Công ty, Partnership và Tiểu thương.

## GIỜ LÀM VIỆC:

- \* Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 am – 6:30 pm
- \* Cuối tuần và Ngày Lễ: Xin hẹn trước

## VĂN PHÒNG NHẬN:

- 1) Đảm trách tất cả các vụ liên quan đến Luật Công ty, Doanh và Thương nghiệp, Khế ước, Thuê vụ; Luật Gia đình, thừa kế, Di chúc và Trust; Luật Ngoại Kiều, Luật Bồi thường Lao động, Thương tích cá nhân; Thuê hoặc mua bán cư sở và cơ sở thương mại; tất cả các vụ Tiểu hình hoặc Đại hình.
- 2) Giúp Quý vị hoạch định doanh nghiệp, thuê vụ và tài sản.
- 3) Cố vấn pháp luật cho các Công ty, Nhà buôn, Hội đoàn.

2201 Wilson Blvd., Suite 204  
Arlington, Virginia 22201  
D.T. (703) 522-7888

**PHIẾU ỦNG HỘ DÀI HẠN TẬP CHÍ**  
**XÁC ĐỊNH**  
**DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT Từ NẠN**  
(Mua dài hạn)

Tên họ .....

Địa chỉ .....

Số tiền đính kèm (Check hoặc money order) .....

\$3.00 ..... một số (3 tháng)

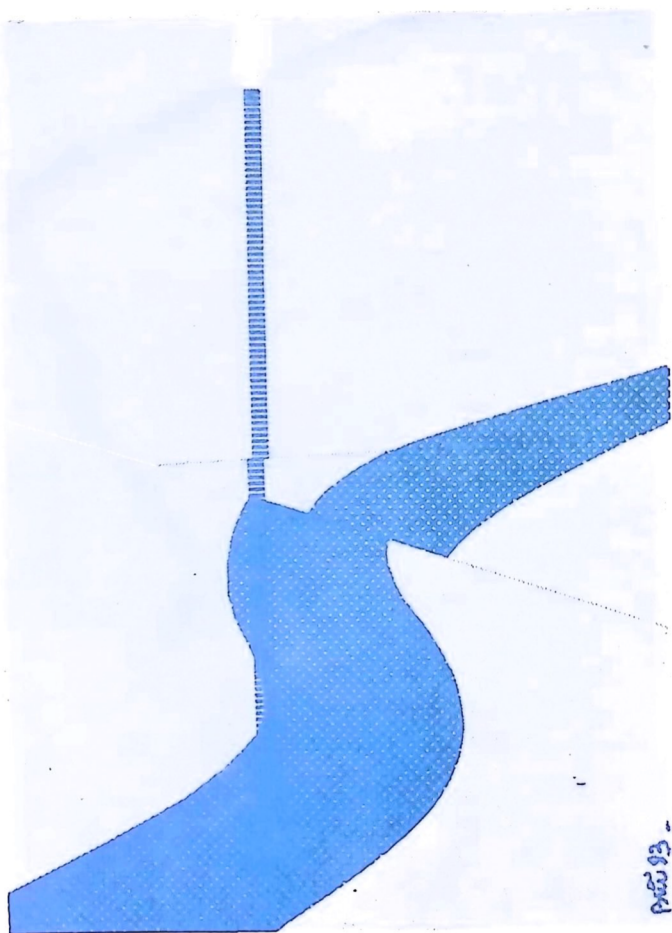
\$10.00 ..... bốn số (1 năm)

Ủng hộ (Xin tùy hỉ)

GHI CHÚ: Xin vui lòng điền phiếu trên gửi về XÁC ĐỊNH; P.O. Box  
4087, Arlington, VA., ủng hộ dài hạn Tập Chí XÁC ĐỊNH.







ĐÓN ĐỌC  
XÁC ĐỊNH SỐ HAI  
SẼ PHÁT HÀNH  
CUỐI THÁNG BÂY

# GIỜ ĐÃ ĐIỂM !

"Giờ đã điểm rồi đây, hồi tuổi xanh!  
Có nghe nét chữ réo tung hoành?  
Có nghe giọng mực sôi trang giấy,  
Nhịp bốn ngàn thu Sứ Đầu Tranh?"

— Đứng lên, nào bạn trẻ  
Thét lên một tiếng đồng thanh.  
Cho vang trời bể  
Nỗi sát niêm danh!  
Cùng đáp ý muôn văn thế hệ...  
Ồi sông Bạch, giáo Ngô Quyền, Bến Hồng,  
Voi Nguyễn Huệ!  
Dấu xưa còn để;  
Chúng ta nguyện Noi Dấu Bậc Dân Anh.  
Chẳng mở chuyện nên Vương, nghiệp Đế;  
Mà hạnh phúc toàn dân, tự do toàn thế,  
Mà giá trị con người, tương lai Hậu Thế, ..."

Vũ Hoàng Chương  
Trích "Giờ Đã Điểm."

Tạp chí XÁC ĐỊNH  
P.O Box 4087  
Arlington, VA 22204

To \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

ẤN PHÍ 3 MỸ KIM